

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ BẢY ■ SỐ 175 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 19 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH



HỒ ĐIỆP, VƯỢT BIỂN ĐƯỜNG BỘ, 4 - 1987

CHIÊU NIỆM NỮ NGHỆ SĨ HỒ ĐIỆP

NĂM XƯƠNG VÔ ĐỊNH

Trời cuối thu rồi, Em ở đâu
Nằm trong Đất Lạnh chắc Em sầu?
ĐÌNH HÙNG

ĐỖ QUÍ TOÀN
GIẤC MƠ TRÊN TRÁI ĐẤT

ký giả LÔ RĂNG
XÓ RỪNG U UẤT

LÂM CHƯƠNG
LÊN RỪNG THĂM BẠN

TRẦN LONG HỒ
ĐỆ TỬ

ĐỖ KHÁNH HOAN
ĐÀM TRUNG PHÁP
SONG HỒ

VIẾT VỀ OCTAVIO PAZ

Nobel Văn Chương 1990, (1914-1998)



SỐ 19 ■ THÁNG 5 - 1998



Nguyễn Sa (1930-98)

THI SĨ NGUYỄN SA KHÔNG CÒN NỮA

Nhà thơ Nguyễn Sa Trần Bích Lan, có tên thánh là Giu Se, đã được Chúa gọi về Thiên Đàng vào lúc 2 giờ 20 chiều ngày 18 tháng 4-1998 tại California, nhằm ngày 22 tháng Ba năm Mậu Dần, hưởng thọ 68 tuổi.

Ông đã được an táng vào ngày thứ tư 22 tháng 4 tại Westminster Memorial Park, góc đường Bolsa. Đứng 99 ngày trước, nhà văn Mai Thảo từ trần, và cũng đã an nghỉ nơi đây. Năm 1956, những bài thơ đầu tiên của Nguyễn Sa đã xuất hiện trên Tạp chí Sáng Tạo, do Mai Thảo chủ trương.

Ông mất vì bệnh ung thư nơi cổ, từng phải vào bệnh viện ba lần. Trước 1975 tại Sài Gòn, ông Trần Bích Lan dạy học, làm hiệu trưởng Tư thục Văn Học, và chủ trương tạp chí Hiện Đại cùng với Thanh Nam, Thái Thủy và Trịnh Viết Thành, một người em rể của ông. Tờ báo ra được 6 số thì đình bản. Ông cũng là đồng phó chủ tịch Văn Bút Việt Nam với trí thức Hồ Hữu Tường, thời Linh mục Thanh Lăng làm chủ tịch. Phái đoàn Văn Bút V.N. đi dự Hội nghị Đài Bắc là do ông cầm đầu, với một thành phần hùng hậu có Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Trần Dạ Từ...

Ra hải ngoại, cùng với nhà báo Trần Tam Tiếp, Nguyễn Sa là người tái sáng lập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Ông cũng chủ trương Trung tâm Băng Nhạc Đời, tuần báo Dân Chúng, vẫn xuất bản cho đến những tháng đầu năm 1998. Ông để lại một số sách giáo khoa, một truyện dài (Giấc Mơ), ba thi phẩm Thơ Nguyễn Sa, và tập thứ tư đang in dở dang.

Sau Mai Thảo và Nguyễn Sa, hàng ngũ những nhà văn vào nghề từ cuối thập niên '50 tại Miền Nam nay đã rất thưa thớt tại hải ngoại.

ĐÊM MỸ THÚY Ý NHẠC CHIỀU

Ý Nhạc Chiều là một ca khúc cổ điển của nhạc sĩ Nguyễn Hiền, mà cũng là nhan đề cuốn CD của ca sĩ Mỹ Thúy, nguyên xướng ngôn viên Đài Truyền Hình Sài Gòn, một giọng ca vững vàng thanh luật và truyền cảm.

Đêm Mỹ Thúy khởi đầu lúc 9 giờ tối tại khiêu vũ trường Majestic, thứ sáu 24-4-98, với các ca sĩ đang được yêu mến như Thùy Dương, Trọng Nghĩa, Mộng Lan, Hương Thơ, và nhất là nhạc sĩ khiếm thị Nguyễn Đức Đạt, tay Tây Ban Cầm số một của Đại học Fullerton, từng được mời trình diễn tại O.C. Arts Performance Center, không kể các ca sĩ thường trực như Tuấn Ngọc, Thái Thảo, Công Thành, Lynn, Duy Quang. MC là Quốc Thái, Minh Phượng, Jimmy Tồng.

Trong Ý Nhạc Chiều, Mỹ Thúy trình bày những ca khúc nổi tiếng như Gửi Người Em Gái của Đoàn Chuẩn Từ Linh, Nỗi Niềm của Tuấn Khanh, Trở Về Mái Nhà Xưa của Phạm Duy, Dư Âm của Nguyễn Văn Tý, Xóm Đêm của Phạm Đình Chương, Cát Bụi của Trịnh Công Sơn, Mộng Lành của Hoàng Trọng...

TUYỂN TẬP NGHỆ SĨ III CỦA TRƯỞNG KỲ

Cựu Vua Hippies của Việt Nam trong thập niên '60, nhạc sĩ Trương Kỳ, đang soạn Tuyển tập Nghệ Sĩ IV...và còn dài dài. Nguyên là sau Tuyển tập I, anh phải làm tiếp Tuyển Tập II, sau Tuyển Tập II anh phải làm tiếp

Tuyển Tập III, và vẫn chưa hết.

Dĩ nhiên, nếu công phu của Trương Kỳ không được đón nhận, thì không thể có các cuốn kế tiếp. Sách anh vừa in đã hết ngay. Vốn sinh hoạt hơn 30 năm trong làng nhạc trẻ, anh đã được bạn hữu và lớp sau yêu mến, do đó anh có dịp tâm tình với họ nhiều, biết họ nhiều, và họ tin anh, nên anh...biết hết.

Trong cuốn III, Trương Kỳ viết về các ca sĩ nhạc sĩ sau đây: Chế Linh, Khánh Hà, Lâm Thúy Vân, Lilian, Lưu Bích, Lynda Trang Đài, Mạnh Đình, Như Quỳnh, Thanh Hà, Thanh Tuyền, Thế Sơn, Vũ Khanh, Ý Lan...Những người này được viết đến dưới đề mục Những Chi Tiết Ít Người Biết Về...

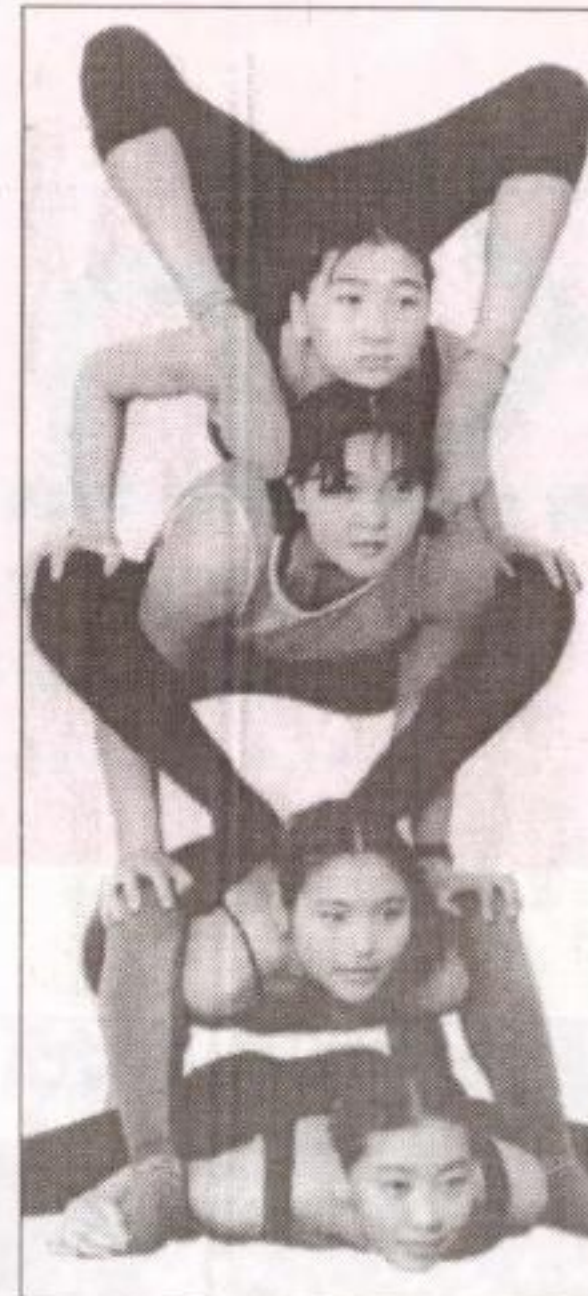
Dưới một đề mục khác, là Trên Bước Đầy Thử Thách, Trương Kỳ viết về Anh Dũng, Gia Huy, Hoài Nam, Lâm Nhật Tiến, Tommy Ngô, Tuấn Cường, Tô Chân Phong.

Cuốn sách có tất cả 11 đề mục. Phải nói với lối chia đề mục như thế này, Trương Kỳ rất duyên dáng và viết được muôn mặt cuộc sống, tâm tình, sự nghiệp và sinh hoạt của giới ca nhạc. Anh còn một ưu điểm nữa là viết về tất cả các ca nhạc sĩ Việt Nam ở Hải ngoại, dù Pháp hay Gia Nã Đại, đương nhiên là ở Mỹ phải có.

Bạn muốn được Trương Kỳ tặng hình nghệ sĩ? Bạn có thể đạt được ý muốn, bằng cách viết thư về cho tác giả Tuyển Tập Nghệ Sĩ, như sau:

Trương Kỳ, 7487 A, Ave de Chateaubriand, Montréal, Québec, H2R 2L7, Canada.

Yêu Văn Học, Đọc Khởi Hành



NGHỆ THUẬT XIẾC THẬP NIÊN '90: VẰNG THỦ VẬT HỀ

Đó là nhận định tổng quát sơ lược về ngành xiếc trong thập niên cuối cùng của Thế kỷ XX. Quả vậy, trò luyện thú bằng roi da hay anh hề bôi mặt với cái miệng cười như mếu và hai mắt hoeen lè hầu như đã lỗi thời. Thay thế vào đó, là tính kỹ thuật tân kỳ, bí ẩn, và trò nhào lộn nhanh, kết quả của sự tập luyện thân thể công phu.

Gánh xiếc nổi tiếng thế giới hiện nay với tổng hợp những thứ này là Cirque du Soleil, dưới quyền điều động của Franco Dragone, và qui tụ những tài năng từ nhiều quốc gia: Pháp, Gia Nã Đại, Nga, Ukraine, Mỹ. Tuổi trung bình của các nghệ sĩ trình diễn là 28. Hai người thành



CÂU ĐƯỢC TƯỢNG ĐỒNG CỔ 2400 NĂM

Đánh cá ngoài biển cách Sicily 50 hải lý, một ngư ông vớt được một cái chân đồng vào tháng 6-1997. Tháng 3-1998 cũng ngư ông này vớt được các phần khác của pho tượng. Các nhà khảo cổ nói nhiều phần đây là tượng Hy Lạp khoảng 400 năm trước Tây lịch. Tượng to hơn người thật, hai mắt trắng, bằng ngà, tóc ngắn dựng lên, trông vô cùng linh động. Người ta nói đây là một pho tượng khác thường, tuyệt đẹp. Con thuyền, và ngư ông, tên là Francesco Adragna, 43 tuổi, đánh cá từ nhỏ đến giờ. Ông rất sung sướng. Từ khi lưới được cái chân, ông trở lại vùng biển gần một năm, và gặp may lần nữa. [HTN] (hình AP).

THÁI CUỒNG

Ô HỒ TUYỂN TẬP

(Nhân đọc Tuyển Tập Hồ Xuân Hương do cơ sở Giáo dục tỉnh Nghĩa Bình ở trong nước biên soạn)

Nghĩa Bình Giáo Dục quả tài ghê
Tuyển Tập Xuân Hương khéo vẽ hề
Giám đốc nhân viên ra sức phịa
Thấy trò Hiệu trưởng phóng tay đề
Phó cho Nguyễn thị vầy duyên mới 1
Há phải Hồ nương hạ bút phê ? 2
'Râu' ở đâu bà Quan huyện nọ
Sao đem cấm đại chỗ cô kia?

(1) và (2) Trong Tuyển Tập Hồ Xuân Hương nói trên, các soạn giả đã cố gán cho bà là nhà thơ lao động, vô sản, chống tư bản, phong kiến. Lại ngang nhiên ghi rằng Hồ Xuân Hương đã thay quan phủ Vĩnh Tường phê vào đơn cho Nguyễn thị Đào đi lấy chồng khác. Theo chỗ chúng tôi nhớ, "Phó cho con Nguyễn thị Đào... là thơ của Bà Huyện Thanh Quan.

SỐ ĐỎ TỊ NẠN

Thần Thánh thường hay dãi kẻ khờ
Ai hay tị nạn sướng hơn xưa
Hàng tuần năm bữa ăn cơm chục
Mỗi tháng vài keo chữa bệnh xù
Người ở vui mừng khoe được phúc
Chủ nhà thương xót nhận làm ...bu
Làm dân nước Mỹ vinh quang quá
Tổ quốc không xu, chán bỏ xứ.

THƠ ĐEN

THƠ VỊNH



DIỄN NGHỊ

CHÂN LÝ

Thuở xưa...
Ngày xưa...

Bác học Bruno
bước lên giàn hỏa thiêu
Hồn nhiên như dạo phố
Quay mặt nói với lũ người cuồng nộ
Quả đất vẫn tròn, sau trước niềm tin
Dù thân này - cát bụi tro than

Lũ cuồng tín -
nhất định quả đất vuông
Ông Thánh, ông Thần, phán dạy

Kẻ nào nói khác đi - quân cần quấy
Tội đồ giữa hỏa thiêu.

Hàng vạn năm sau
Trí tuệ con người hào quang ngời reo
Bay lên tận mặt trăng
Nhìn xuống
Quả đất - chúng ta tròn - bong bóng
Màu xanh thực vật,
mát dịu dung nhan

Thế kỷ 20 đang đếm bước cuối cùng
Có những kẻ còn tôn thờ cuồng tín
Truy chụp anh em -
người dị đồng ý kiến
Gieo rắc hận thù giữa tai họa
đau thương

Những thằng ngu -
ba hoa chuyện văn chương

Những bọn khủng điên,
đòi làm Lịch Sử

Kẻ thất học mơ giấc mơ lãnh tụ
Quân thần nằm chết lớp bùn đen
Chân lý Bruno, chân lý người hiền
Rừng rực hỏa thiêu,
nghe ngang sự thật

Ngày nay
con người tung hô xuyên tạc
Trắng đối đen, xanh đối đỏ vàng
Nhục nhã thay, ôi kẻ loạn cuồng.

lập gánh xiếc này là Guy Laliberté, cự nuốt lửa trên hệ phố, và Daniel Gauthier, cự đi-bất-động. Năm 1997, số thu của họ là 150 triệu mỹ kim. Họ dự định thu gấp đôi trong năm 1998.

Trong hình là một màn kiến trúc thân thể của bốn cô gái trẻ, một màn sẽ trình diễn năm nay tại Las Vegas.



CA SĨ TỰ TỬ NỮ KHĂN GIẢ TỰ TỬ CHẾT THEO

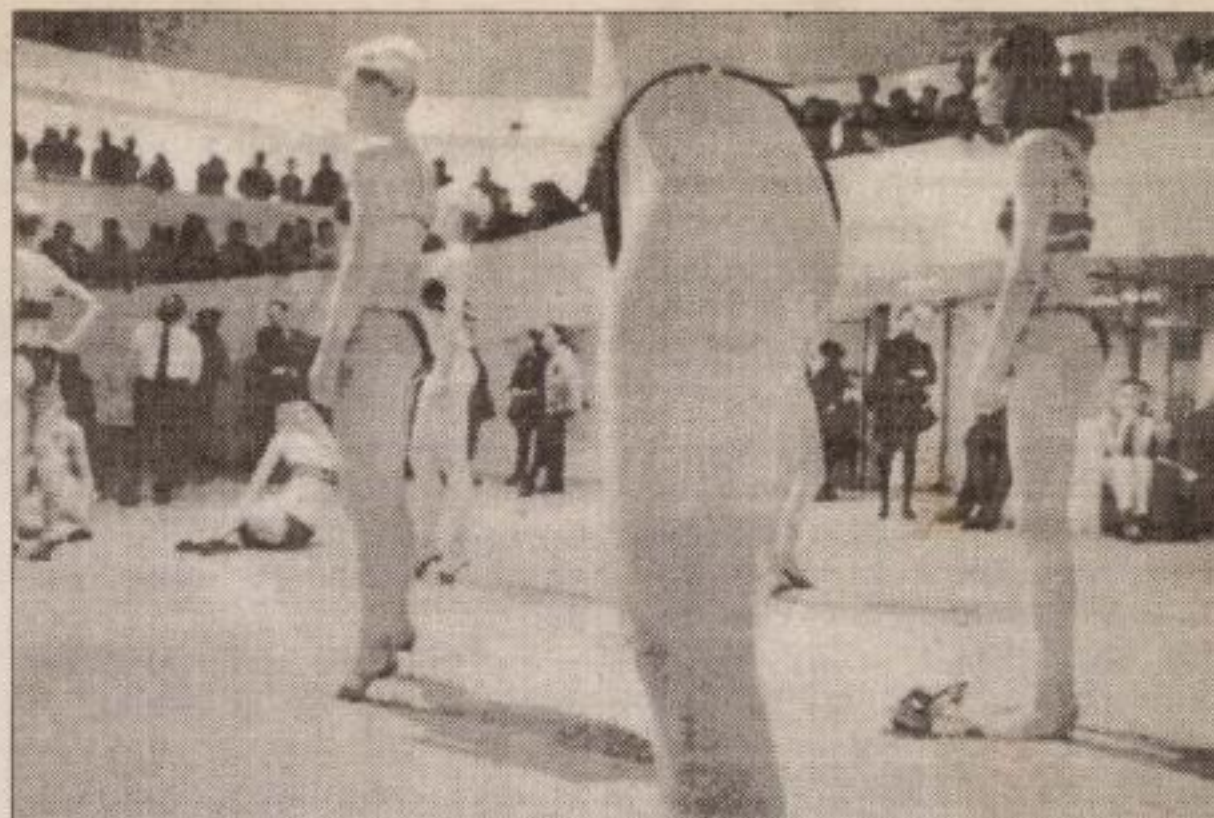
Thần tượng nhạc rock của Nhật, Hideto 'Hide' Matsumoto,

33 tuổi, được tìm thấy treo cổ chết bằng một chiếc khăn bông hôm thứ bảy 2 tháng 5 tại Tokyo. Anh này là nhạc sĩ tây ban cầm chính của ban nhạc X-Japan. Ban nhạc này đã rã gánh vào tháng 9 năm ngoái, tuy nhiên cá nhân Matsumoto vẫn là một ca nhạc sĩ thành công hàng đầu. Người ta không rõ vì sao anh treo cổ, vì anh không để lại di chúc.

Hôm thứ năm, hàng ngàn khán thính giả hâm mộ chàng ca sĩ tóc đỏ này đã tới ngôi chùa làm tang lễ cho anh. Nhiều người trong bọn cũng nhuộm tóc đỏ theo. Một nữ khán giả đã tự tử chết theo. Hai người khác nữa cũng định tự tử nhưng được cứu sống. Nhiều người khóc lóc lẫn lộn trên đường đưa ma.

Theo cảnh sát quan sát từ máy bay trực thăng, thì có khoảng 50.000 người đã đổ đến ngôi chùa. Có 170 người được chở tới bệnh viện cấp cứu vì ngất xỉu, phần lớn cũng vì trời quá nóng, đến 82 độ.

Trong ba cô gái tự tử theo thì cô chết mới 14 tuổi, cũng treo cổ bằng khăn bông vào đêm thứ hai; một cô nhảy từ cầu xuống sông, được cứu thoát; cô khác, 19 tuổi, cắt mạch máu tay bằng con dao giấy, không sao cả. Hình trên: chân dung Hideto Matsumoto và những cây đàn của chàng trên bàn thờ.



TRIỂN LÃM NGƯỜI THẬT

Nữ nghệ sĩ Vanessa Beecroft là người Ý, có một quan điểm độc đáo về nghệ thuật, nhất là về vẻ đẹp của phụ nữ. Cô cho thấy rằng người ta vẽ tranh tạc tượng phụ nữ không bằng đem phụ nữ thật ra triển lãm, sẽ khiến khán giả phải thực sự tham dự, và có phản ứng. Đoàn phụ nữ của cô có 20 người, cô gọi là đội, và có kỷ luật phải theo. Họ có chiều cao khác nhau, tuổi tác khác nhau. Trong 20 người thì có 15 người mặc đồ hai mảnh (bikini) màu đỏ, và đi giày cao gót cùng màu. Còn 5 người kia chỉ đi giày cao gót. Trang phục này do nhà vẽ kiểu Tom Ford (của Gucci) vẽ. Trang điểm của Pat McGrath. Cuộc triển lãm diễn ra tại Viện Bảo tàng Guggenheim ở Nữ Ước. Đây là cuộc triển lãm lần đầu ở Nữ Ước, song là cuộc triển lãm lần thứ 34 của cô Beecroft. Từ 1994, cô mở 33 cuộc triển lãm tại 23 thành phố khác nhau. Lần này có 500 quan khách tham dự. Tất cả các cô người mẫu đều nhìn về một phía, vô cảm, im lặng. Cho nên khi có một người nào cử động, đó là biến cố, tất cả khách thường ngoạn phải theo dõi. Cô Vanessa Beecroft có lý. Cuộc triển lãm của cô có ý nghĩa.

Trên Khởi Hành số 18 ra vào ngày 15 tháng 4, chúng tôi đã in hình 4 Vị Tướng trong số 5 Vị Tuấn Tiết trong vòng 48 tiếng đồng hồ khi Miền Nam lọt vào tay Cộng Sản và Bài Văn Tế Tướng Niệm Các Anh Hùng Tử Sĩ Việt Nam Cộng Hòa nhân kỷ niệm Tháng Tư 23 năm sau. (Chúng tôi không tìm ra hình tướng Lê Nguyên Vỹ). Số này, theo lời thúc giục của một vài bạn đọc, chúng tôi đã nhờ kỹ giả Vương Hồng Anh, bút hiệu của một sĩ quan báo chí cũ, từng cộng tác với Nhật báo Tiền Tuyến, viết ra các chi tiết về những cái chết dũng cảm này, để bổ túc cho tin tức đã loan. Nhân đây cũng xin loan báo, kể từ số tới, Khởi Hành mở mục **Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ / hay Ngày Cuối Cùng Trong Đoạn Đời Binh Nghiệp Của Tôi**, mong bạn đọc tham dự. Xin xem thêm chi tiết về Mục này, trong số báo này. Khởi Hành.



Th. t. LÊ VĂN HÙNG



Th. t. NG. KHOA NAM



Ch. t. TRẦN VĂN HAI

NHỮNG GIỜ PHÚT CUỐI CÙNG CỦA NĂM VỊ TƯỚNG TUẤN TIẾT

Sau khi đài phát thanh Sài Gòn phổ biến lệnh "buông súng đầu hàng" của Tổng thống Dương Văn Minh, thành phố Cần Thơ bắt đầu nhốn nháo, một số binh sĩ các đơn vị địa phương bỏ ngũ. Tại bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 & Quân khu 4, trước 10 giờ ngày 30/4/1975, tướng Nam và tướng Hưng vẫn còn liên lạc với các tư lệnh Sư đoàn 7 (chuẩn tướng Trần Văn Hai), Sư đoàn 9 (chuẩn tướng Huỳnh Văn Lạc), Sư đoàn 21 Bộ binh (chuẩn tướng Mạch Văn Trường). Các tư lệnh Sư đoàn thuộc Quân đoàn 4 vẫn quyết tâm ở lại chỉ huy quân sĩ tiếp tục cuộc chiến đấu sống còn.

HAI TƯỚNG NGUYỄN KHOA NAM LÊ VĂN HÙNG TỰ SÁT

Vào lúc 10 giờ 30 phút, tướng Nam gọi đại tá Nguyễn Đình Vinh - người được chỉ định thay thế vị chuẩn tướng tham mưu trưởng đã bỏ đi từ tối 29/4/1975 và chỉ thị cho đại tá Vinh triệu tập tất cả các sĩ quan có mặt tại bộ Tư lệnh và các binh đoàn trực thuộc Quân đoàn 4 và cả đại tá tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Phong Dinh (Cần Thơ) tại Trung tâm Hành

quân để nghe tướng Nam nói chuyện.

Đúng 10 giờ 30 sáng ngày 30/4/1975, thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam bước vào phòng hội với nét mặt cương nghị, nhưng trong ánh mắt đầy cả nỗi buồn lẫn sự đau xót. Tướng Nam nói qua về tình hình và những diễn biến mới nhất, cuối cùng ông cho lệnh các đơn vị trưởng được tùy nghi sắp xếp công việc. Còn về cá nhân mình thì tướng Nam nói:

--"Mặc dù có sẵn trực thăng, nhưng tôi sẽ không đi đâu hết."

Nói xong, tướng Nam lặng lẽ trở về văn phòng tư lệnh.

Đúng 8 giờ 30 phút tối, tướng Hưng gọi vợ (bà Phạm Thị Kim Hoàng) và 2 sĩ quan thân tín, thiếu tá Phương và trung úy Nghĩa lên gặp ông tại phòng riêng. Cố nén xúc động, tướng Hưng nói cho gia đình và hai chiến hữu của mình biết là ông chọn cái chết. Ông đến bên thiếu tá Phương và trung úy Nghĩa nói lời từ biệt:

--"Xin giúp đỡ giùm vợ con tôi. Vĩnh biệt tất cả."

Mọi người đứng yên, nghẹn ngào. Cuối cùng tướng Hưng yêu cầu mọi người ra ngoài nhưng không ai chịu đi, tướng Hưng xỏ từng người ra ngoài. Bà Hưng van xin:

--"Mình cho em ở lại, chứng kiến mình chết."

Tướng Hưng từ chối, đóng chặt cửa lại. Có tiếng súng nổ.

Bà Hưng xem đồng hồ: 8 giờ 45 phút tối ngày 30/4/1975... Tướng Lê Văn Hưng đã chọn cái chết để giữ tròn khí tiết của một người làm tướng...

Sau khi tướng Hưng tự sát, vào 6 giờ sáng ngày 1/5/1975, Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh Quân đoàn 4 / Quân khu 4 đã dùng súng lục bắn vào thái dương.

CT TRẦN VĂN HAI BẢN SỞ TRƯỞNG VC TRƯỚC KHI TỰ SÁT

Cũng trong chiều ngày 30 tháng 4/1975, tại Bộ tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ binh ở Mỹ Tho, chuẩn tướng Trần Văn Hai, tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ binh "đón" một sư đoàn trưởng của Cộng quân để "bàn giao".

Tướng Hai mời sư đoàn trưởng Cộng quân vào văn phòng rồi bắt thần rút súng bắn vào viên chỉ huy sư đoàn Cộng quân. Viên sư đoàn trưởng Cộng quân bị thương và vài cán binh CS tùy tùng đã thoát chạy ra ngoài. Số quân nhân cùng tướng Hai cố thủ bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 và đơn vị Cộng quân đến nhận "bàn giao" gồm súng chuẩn bị giao chiến. Tướng Hai bước vào phòng tư lệnh và đã dùng súng tự sát...

Trong ngày 30 tháng Tư và 1 tháng 5/1975, tại chiến trường miền Tây, ngoài 3 vị tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai tự sát, còn có khoảng hơn 10 sĩ quan cấp tá và cấp úy đã chọn cái chết thay vì đầu hàng địch. Họ đã dùng súng lục bắn vào đầu để vĩnh biệt chiến trường, trong số đó có 1 đại tá trung đoàn trưởng của sư đoàn 7 Bộ binh.

Từ chiều ngày 30/4/1975 đến ngày 1 tháng 5/1975, tại nhiều khu vực ở các tỉnh Gò Công, Định Tường, Phong Dinh, Chương Thiện, Kiến Phong, An Giang, Châu Đốc... nhiều đơn vị nhỏ do các sĩ quan cấp tá, cấp úy, hạ sĩ quan chỉ huy vẫn tiếp

tục chiến đấu đến "giờ thứ 25" của cuộc chiến. Tại tỉnh Chương Thiện, đại tá Hồ Ngọc Cẩn, tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng vẫn kiên quyết giữ tỉnh đến hết ngày 1/5/1975. Sau đó ông bị Cộng quân bắt và đem xử bắn tại Cần Thơ vào ngày 2/5/1975.

CT LÊ NGUYỄN VỸ CHÀO QUỐC KỶ LẦN CUỐI CÙNG

Tở lại với mặt trận ven đô thành Sài Gòn, sau khi ông Dương Văn Minh đầu hàng, tại căn cứ Lai Khê, chuẩn tướng Lê Nguyễn Vỹ, tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh đã triệu tập tất cả các sĩ quan, quân nhân tại bộ Tư lệnh để giải thích cho mọi người rõ về lệnh của ông Dương Văn Minh.

Theo lời kể của một số sĩ quan có mặt lúc đó, bằng giọng nói cương quyết, tướng Vỹ nói:

--"Lệnh bắt chúng ta buông súng bàn giao cho địch, nói thẳng ra là bắt chúng ta buông súng đầu hàng. Riêng với tôi, là một tướng chỉ huy mặt trận, tôi không thể thi hành được lệnh này. Tôi nghĩ thân làm tướng là phần nào đã được hưởng vinh dự và ân huệ quốc gia hơn các anh em nên tôi phải chọn lấy con đường riêng cho tôi."

Nói chuyện xong với anh em quân nhân Sư đoàn 5 Bộ binh, tướng Vỹ bước ra sân đứng nghiêm dưới cột cờ của bộ Tư lệnh, ông chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa lần cuối cùng rồi tự sát bằng khẩu súng lục chỉ huy của mình.

PHÚT CUỐI CỦA THIẾU TƯỚNG PHẠM VĂN PHÚ

Trường hợp của tướng Phạm Văn Phú khá đặc biệt. Theo lời kể của gia đình tướng Phú thì sáng ngày 29 tháng 4/1975, bà Phú và các con đi về phía trường đua Phú Thọ chờ trực thăng Mỹ đến bốc (trước đó, tướng Phú đã gặp Tùy viên sứ quán Mỹ để gửi gắm gia đình), còn tướng Phú ở lại nhà riêng ở đường Gia Long, và uống một liều thuốc cực mạnh để tự tử. Người em trai của bà Phú sau khi được báo tin đã chạy đến báo cho bà Phú biết, bà quyết định đưa các con trở về nhà. Nhờ các bác sĩ người Pháp gần nhà giúp đỡ, tướng Phú được mang vào bệnh viện Grall, nhưng ông vẫn mê man. Đến trưa ngày 30 tháng 4/1975, tướng Phú tỉnh lại và thều thào hỏi bà Phú:

-Tình hình đến đâu rồi?

Bà Phú đáp: Tướng Minh mới ra lệnh cho Quân đội bỏ súng đầu hàng và Cộng sản đã vào tới Sài Gòn rồi.

Nghe xong tướng Phú nhắm mắt lại, rồi "đi" luôn... ■



Th. t. PHẠM VĂN PHÚ

VÀI KỶ NIỆM

VỀ TƯỚNG PHÚ

BÀI CỦA VƯƠNG HỒNG ANH

Vào khoảng tháng 2/1967, khi còn phụ trách biên tập cho chương trình Vô tuyến truyền hình Quân đội thuộc Cục Tâm Lý Chiến, chúng tôi và một toán quay phim đến Huế để thực hiện một cuốn phim 16 ly về Sư đoàn 1 Bộ binh. Lúc bấy giờ, đại tá Ngô Quang Trưởng - tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh vừa được thăng chuẩn tướng. Tư lệnh phó Sư đoàn 1 là đại tá Phạm Văn Phú, nguyên là tư lệnh phó xử lý thường vụ Sư đoàn 2 cũng vừa đổi ra Sư đoàn 1. Được biết ông là người hùng của trận Điện Biên Phủ 1954 khi ông là đại úy đại đội trưởng rồi tiểu đoàn phó tiểu đoàn 5 Nhảy Dù và trận Suối Đá 1964 khi ông là thiếu tá Liên đoàn trưởng Liên Quan sát 77 (Lực lượng Đặc biệt), nên trước khi trở lại Sài Gòn, chúng tôi nhờ vị trưởng phòng Tâm Lý Chiến sắp xếp cho chúng tôi gặp ông nhưng rất tiếc là ông đang bận bay chỉ huy hành quân.

Tháng 5/1967, do nhu cầu công vụ, chúng tôi được điều động từ phòng Vô tuyến Truyền hình Quân đội về tăng cường cho phòng Thông tin Báo chí do đại úy Nguyễn Đạt Thịnh làm trưởng phòng (sau này đại úy Thịnh thăng trung tá và cũng làm trưởng phòng này). Chuyển đi công tác đầu tiên khi về phòng này là ra Huế dự lễ mừng chiến thắng của Sư đoàn 1 Bộ binh và một chiến đoàn Dù tăng phái trong một cuộc hành quân mang tên là Lam Sơn xxx. Lần đầu tiên chúng tôi gặp đại tá Phạm Văn Phú, hôm đó, ông là chỉ huy trưởng cuộc duyệt binh. Trong đoàn xe danh dự chở các

tướng Kỳ, tướng Viên, tướng Lâm, tướng Trưởng, duyệt hàng quân, đại tá Phú đứng cạnh trung tướng Lâm, còn tướng Trưởng đứng trên xe chở tướng Kỳ và tướng Viên. Ngoại hình nhỏ bé bên cạnh tướng Lâm mập mạp, đó là những ấn tượng đầu tiên của chúng tôi về tướng Phú.

Trong buổi lễ này, chúng tôi đã có dịp phỏng vấn đại tá Phú khi ông đứng ở vị trí để micro dành cho chỉ huy trưởng cuộc duyệt binh. Ngực ông đeo quá nhiều huy chương từ Bảo Quốc Huân Chương cho đến Anh dũng bội tinh nhàn dưng liểu, khi nói chuyện với chúng tôi, ông trả lời rất ngắn gọn và khiêm tốn. Khi hỏi về một số trận thắng mà ông là người chỉ huy, ông trả lời: Tất cả chiến thắng của các trận đánh đó thuộc về công lao của anh em binh sĩ, hạ sĩ quan và các sĩ quan cấp úy...

Tháng 7/1967, chúng tôi lại có dịp gặp ông trong một cuộc hành quân hỗn hợp Việt-Mỹ tại một khu Đồng Trới thuộc vùng cận sơn Thừa Thiên. Trong khi chúng tôi đang ghi vào sổ tay một số diễn tiến của trận đánh trong căn lều của bộ chỉ huy cuộc hành quân thì ông đáp trực thăng xuống. Câu đầu tiên là ông hỏi ngay thiếu tá Quang, phòng 3 Sư đoàn 1 Bộ binh về tình hình của đại đội Hắc Báo và ngay sau đó ông cầm máy liên lạc với đại úy Đỗ Khắc Quế, chỉ huy cánh quân Hắc Báo. Ông ra lệnh ngắn và rõ ràng qua máy thoại.

Sau khi cho các lệnh điều động, ông đã dành cho chúng tôi khoảng 10 phút để nói về cuộc hành quân. Ông cho biết tướng Trưởng tư lệnh Sư đoàn 1 giao cho ông trực tiếp chỉ huy một số cuộc hành quân và ông đã bay suốt ngày để điều động các cánh quân. Trước khi lên trực thăng bay tiếp sang các khu vực hành quân khác, thật bất ngờ ông nói với chúng tôi:

—Khoảng 2 giờ sau tôi trở lại đây, anh có cần gửi bài về Sài Gòn thì anh đưa cho thiếu úy tùy viên của tôi. Tôi sẽ tìm mọi cách chuyển bài về Sài Gòn trong ngày này.

Nhờ sự giúp đỡ của ông, tôi đã kịp gửi một số trang viết về phòng Báo chí và số báo Tiền Tuyến ra ngày hôm sau đã khởi đăng loạt bài phóng sự chiến trường Nhảy xuống Mặt khu Đồng Khởi bên này biên giới Lào Việt. Lúc bấy giờ anh Viên Linh là Thư ký Tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến và là người trực tiếp biên tập và sắp xếp đăng các bài phóng sự do phòng Báo chí chuyển qua.

Tháng 6/1968, trở lại Huế thì đại tá Phú đã đổi vào miền Tây làm tư lệnh Biệt khu 44... ■

mục mới mời bạn đọc tham dự: NGÀY CUỐI CÙNG TRONG ĐỜI QUÂN NGŨ CỦA TÔI

Ngày Cuối Cùng Trong Đời Quân Ngũ Của Tôi, hay Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ, là một mục mới của Tạp chí Khởi Hành. Mục này của bạn đọc, do bạn đọc viết, Khởi Hành chỉ là diễn đàn đăng tải bài viết của quý bạn.

Nhiều năm nay, những kinh nghiệm một đời của thanh niên Việt Nam đã trôi xuống vùng đen tối nhất. Vào tuổi phượng cương, trong khi thanh niên thế giới cắp sách tới các giảng đường, mở mang trí tuệ tới tương lai sáng láng, cuộc đời tươi hồng, thì thanh niên Việt Nam chôn vùi tuổi trẻ nơi xó rừng, bờ mương, ghim súng trong đêm tối, đói lạnh, nhớ nhung. Những mối tình tan vỡ. Những tương lai mờ mịt. Những cuộc đời trắc trở. Những cơn thơ lủi thủi ngổ hém thành phố, lối gai xóm làng. Những người yêu ra đi, những bà vợ chạt vật. Những mẹ già tần tảo sớm hôm. Những bà ngoại bà nội nuôi cháu gian nan. Những em gái chị gái thay mẹ nuôi con cho em cho anh của mình. Và Hòa Bình mở đầu cho Trại Tập Trung. Và Thống Nhất khởi sự những ngày Chia Cắt. Và vượt biển là thủy tang hay chia ly vĩnh viễn. May mắn lắm thì lưu vong xa lạ ở hờ, mỗi người lao vào một cuộc sống đầu tắt mặt tối nơi Xứ Người, hay lam lũ tủi nhục tại Quê Hương. Có ít ra là hai thế hệ, ba thế hệ thanh niên Việt Nam tiêu phí Tuổi Trẻ sau hàng kẽm gai, bên kia chiến tuyến, khi còn sống để nhìn lui, thì những ngày có thể sống cuộc đời mình cuộc thời thật sự mong ước - đã qua. Bằng hữu chúng ta - mà trong đời sống Đồng Phương, bằng hữu lại chiếm những ngày kỳ ảo nhất, nhiều người đã chết. Để lại cho chúng ta những tâm thức trầm thống như lửa như nước như sương như khói không rời.

Nhưng đó là mặt tối của sự nhìn lại, thời của những Hung Tinh trị vì Vạn Nước. Mặt sáng của nó, Những Đau Đớn đối đời ấy đã mở mắt Loài Người: Cộng Sản mà Việt Nam chúng tôi biết là chương sách cuối cùng của Cuộc Chiến Tranh Ý thức hệ. Sau chúng tôi, không còn Dân tộc nào nữa rơi vào móng vuốt Cộng Sản. Ngày nay, ngay tại Việt Nam, vốn sống để tàn tạo Đất Nước là từ Kinh nghiệm 75. Những Tan Vỡ 75 là Hồng Thủy Đông Dương, những gì còn sót lại đã lên tàu, đã hóa thân để biến đổi Đất Nước; những người đã ra đi là những Hoàng tử An Tiêm, những Nàng Ba vợ đảm, và ngay trong đời, những An Tiêm thế kỷ XX và những Nàng Ba thời đại đang mang về nước hàng trăm Trái Dưa Đỏ. Những trái dưa đỏ ngày nay đang dâng lên Dân tộc những mùa gặt hiện đại.

Cho nên nhìn lui không phải là hối tiếc, nếu nhìn lui thấy "tội phạm" là anh em, thấy kẻ thắng là người thua, thấy hạnh diện là ở kẻ bị giam cầm, thấy Nguyễn Biểu ăn thịt đầu người, Phạm Lãi không biết đau, Trạng Trình ở ẩn, hay... An Tiêm lưu vong. Cho nên nhắc lại những ngày cuối cùng không phải để tủi hổ, mà để rút ra những bài học.

Sách vở Miền Nam bị đốt 1975: Sách vở Miền Nam được in lâu sau đó. Nhạc Vàng Miền nam bị cấm 1975: Nhạc Vàng Miền Nam ra Bắc. Nhưng cho tới nay những ai sẽ viết lại Lịch Sử Văn Học Dân Tộc khi Cộng Sản đã đốt? Những ai viết lại Quân Sử Miền Nam khi Hà Nội hủy diệt? Người viết lại chính là người đang sống ở Hải Ngoại, người đang có tự do. Bạn cũng là một An Tiêm. Bạn có trái dưa đỏ nào để mang về Đất Nước chăng?

Ngày Cuối Cùng Của Bạn Trong Quân Ngũ, bạn ở đâu, làm gì, với ai, khi nào, ra sao? Ngày đó chỉ có 24 giờ. Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ, đơn vị nào, ai chỉ huy, khi nào, ở đâu, làm gì, với ai, ra sao, lúc bạn tới và khi bạn đi, có những gì bạn chứng kiến?

Hãy viết cho mục Ngày Cuối Cùng Trong Đời Quân Ngũ của Tôi. Hãy viết Cho Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ. Đừng chờ một sử gia viết cho bạn. Chẳng có sử gia nào sống như bạn sống.

Xin viết thật VẮN TẮT. Tránh viết hoa mỹ. Chỉ viết sự thật. Tránh viết quá nhiều ý nghĩ. Viết rõ tên người, chức vụ, nhiệm vụ, ngày tháng, địa phương, sự việc xảy ra. Đừng viết quá 10 tờ giấy viết thư. Không chỉ trích, phê bình. Hãy kể lại. Quân sử Việt Nam Cộng Hòa không phải viết bởi một tướng lãnh, mà bởi những người đã phục vụ trong quân ngũ, từ cấp nhỏ nhất, cấp trực tiếp trên bạn hay trực tiếp dưới bạn, tất cả đều làm nên Thiên Anh Hùng Ca Việt Nam. ■

XÓ RỪNG U UẤT

Ký giả LÔ RĂNG



Dạo ấy là đầu xuân 1980. Vừa nghỉ Tết xong là tù cải tạo thuộc trại K2 Thanh Phong chúng tôi bắt đầu vào chiến dịch “đưa nước về đồng”.

Trại Thanh Phong nằm ở một miền sơn cùng thủy tận, sát gần biên giới Lào. Từ đường Quốc lộ 1, ga Thanh Hóa vào đây, ô tô đi thông đồng bên giọt cũng phải mất một ngày. Đây là mùa khô, cđ mùa mưa thì không biết đâu chừng. Có khi hai ba ngày, có khi hàng tuần hay nửa tháng vì chỉ có đường xe chạy đến huyện lỵ Như Xuân. Từ huyện lỵ Như Xuân đến chỗ thiết lập trại tù còn chừng 20 cây số thì không còn đường tỉnh lộ mà chỉ còn đường đất, đường rừng; qua sông, qua suối là xe tải phải lựa đường mà đi qua, không có cầu có cống. Mưa xuống nước trên nguồn tràn về, sông suối dềnh lên là “cách núi ngăn sông” ai ở đâu, ở đó không còn lưu thông gì được nữa.

Có lần tháng 7 mưa ngâu, vợ chồng cô em gái tôi ở quê nhà Sơn Tây lên thăm nuôi nhưng vừa đến huyện lỵ Như Xuân là trời mưa bão, không còn đi vào Thanh Phong được. Hai vợ chồng nó và chú em cứ ngồi nhà trọ mà chờ đợi cho trời ngớt mưa, ngớt bão. Chờ hơn một tuần mà không ngớt, nước sông nước suối vẫn cứ cuộn cuộn đổ về. Vẫn còn mưa ở thượng nguồn. Ba người đi thăm nuôi đem cho người thân tù cải tạo được 20 ký gạo, mà trên 10 ngày nằm đợi ở huyện Như Xuân, ăn hết số gạo “thăm nuôi” mà vẫn chưa đi tiếp được. Đành phải quay về.

Ngày xưa hồi kháng chiến, vào đến khu 4 này, ở chợ Rừng Thông, cầu Bó nghe nói đến miền đất Hồi Xuân, La Hán là đã thấy rụng rời.

*Con đường đi La Hán,
xa như đường lên trời,
đôi giày tao vệt đỏ,
hồn tao chia đôi nơi*

(Thơ Tái Vinh)

Nhưng mà Hồi Xuân, La Hán thời ấy mà sánh với trại Thanh Phong bây giờ thì chưa thấm vào đâu. Hồi Xuân, La Hán mới chỉ bằng một nửa đường đi đến Thanh Phong.

Thật ra, tù cải tạo chúng tôi không được rõ cho lắm về địa dư của miền đất này. Nội qui của tù cải tạo rất nghiêm ngặt: cấm không được tiếp xúc với dân, cấm không

được đọc sách báo chưa được kiểm duyệt; cấm tuyệt không được nghe radio riêng cho nên tù cứ như ếch ngồi đáy giếng. Chúng tôi chỉ cảm nhận được sự xa xôi, hẻo lánh của miền đất này khi nghe tin là ở trên K1, phân trại cách chúng tôi chừng 4, 5 cây số (nơi giam giữ anh em Biệt Kích, những người tù thâm căn cố đế từ đầu thập niên 60 cho đến nay, cùng với những tù nhân quốc tế khác như người Lào, người Thái, người Miến, người Trung Hoa, người Mã Lai v.v... dưới niêm hiệu chung là CIA) có một người phụ nữ Lào đã đi xuyên rừng núi trong thời gian hai ngày tới được đây thăm chồng là một biệt kích người Lào. Như vậy đây chắc gần với Hạ Lào.

Chúng tôi thấy dân cư ở đây phần đông là đồng bào thiểu số có nhiều người họ Đái. Từ đó tôi mới nhớ tới một bậc đàn anh thời tiền chiến là Đái Đức Tuấn hay còn gọi là Tchy, vốn người Thanh Hóa này. Đàn anh Tchy những khi “phùng trường tác lí” thường xưng Vương vì anh là giòng dõi lang, đạo nổi tiếng của vùng rừng sâu tỉnh Thanh. Tác phẩm của anh là THẦN HỒ, là AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA nói về những truyền thuyết vừa linh thiêng vừa rừng rợn của một miền đất thâm u còn thừa thớt dấu chân người. Miền đất thâm u ấy là đây chăng?

Đưa những tù nhân cải tạo thuộc diện “ác ôn, côn đồ, có nợ máu với nhân dân” đến miền đất “khỉ ho cò gáy, chó ăn đá gà ăn muối” này, những người Bôn-sê-vích muốn cùng một lúc làm một công hai việc. Đem những tù nhân mà họ căm giận nhất cho ném mìn lao động khổ sai tại một miền nước độc đồng thời dùng “nước sông, công tù” khai phá một vùng đất hoang vu. Cái chiến dịch kêu bằng “đưa nước về đồng” khởi diễn đầu xuân 80 cũng nằm trong phương hướng ấy. Trưởng trại Thù “mồi” phát biểu: “Các anh đem sức lao động ra khai khẩn vùng đất này, rồi đây đảng và nhà nước sẽ khoan hồng cho gia đình các anh đến đây đoàn tụ”. Như vậy là không những thân mình bị lao tù biệt xứ mà gia đình mình, con cháu mình sau này theo đúng kế hoạch “khoan hồng rừng rợn” của đảng và nhà nước cũng sẽ từ đời này sang đời khác đi biệt xứ như mình...

Vì phải đi đào mương dẫn nước, nên tù cải tạo phải đi làm xa các nông lâm trường thường lệ. Tội tôi bữa nay lao động ở một khu gần bờ suối, có mấy gia đình người Kinh ở rải rác xung quanh. Người Kinh ở trong nhà lợp tranh hoặc rạ, có vườn, có sân, có giếng nước. Nhà đồng bào Thái thường là nhà sàn, hoặc nhà rộng bằng gỗ cổ kính, những cây cột nhà bằng danh mộc đã lên nước bóng đen. Bên cạnh những nhà sàn vững chắc, to lớn, những ngôi nhà của người Kinh xem ra ẻo lả, sơ sài...

Trong một ngôi nhà có bụi mía lưu niên lên nước vàng ngà bên bờ dậu, xuất hiện hai chị em cô gái người Kinh tha thướt. Giữa những đồng bào thiểu số lùn đậm và chất phác hai chị em cô gái người Kinh trông giống như hai cô tiên bị một hình phạt nào trên thượng giới mới lưu lạc xuống cõi trần. Hai người con gái rất thanh tú, quần áo đen đậm bạc vẫn không che dấu nổi cốt cách trầm anh. Làn da trắng xanh, trắng xanh vì quý phái hay trắng xanh vì nước độc. Có lẽ cả hai.

Hai người con gái rất đẹp nhưng rất buồn, tuổi cũng không còn trẻ nữa. Cô chị chừng ngót 30, cô em chừng 26, 27. Cái sắc đẹp mong manh sắp tàn, trong một khung cảnh âm u như ở nơi đây, gieo trong tâm hồn tôi một nỗi ngậm ngùi khó tả.

Vì trại cách nơi làm việc cũng khá xa, chừng ba cây số nên buổi trưa tù ở lại tại chỗ; ăn qua quýt cho xong rồi tìm chỗ bóng cây nằm vật vạ cho tới giờ làm việc buổi chiều. Một người bạn trẻ, cựu phi công (nghe phong thanh ở nhà vợ mới đem trả con cho “bà nội”) cùng tôi nằm tạm nghỉ dưới gốc cây sấu đầu ở gần bụi mía. Chợt cô gái (người em) đi ra vườn cầm một con dao đi lại chỗ bụi mía và chặt một lúc 5, 6 cây. Cô kéo mía đến gần chỗ chúng tôi và nói “các chú ăn đi”.

Tù mà thấy mía là mừng hết lớn, nhưng nội qui cấm liên hệ với dân, cấm chuyện trò, trao đổi cho nên chúng tôi lẳng lặng đưa mắt nhìn về phía cán bộ quản giáo đang ngồi bên bờ suối. Cô gái lẳng lặng đi gặp anh công an. Anh này xưa nay hắc ám có tiếng nhưng không biết cô gái trình bày ra sao mà anh ta đi lại chỗ chúng tôi mà nói “Các anh chia nhau ăn đi”.

Cô em lại chặt thêm 9, 10 cây nữa để có đủ mía chia cho cả đội. Trong một xứ sở nghèo nàn lạc hậu như miền Bắc Việt Nam, con cá lá rau là điều quý hiếm, tại sao gia đình hai cô gái người Kinh này lại quá hào phóng với anh em tù như vậy?

Cô chị ở trong nhà chạy ra tiếp tay chặt mía với cô em và nói "các chú ăn hộ đi?"

Anh công an quân giáo vì có người đẹp ở gần nên cũng dễ dãi hẳn ra. Anh cho phép chúng tôi ăn và anh bạn tù phi công, đi ra sau nhà chỗ giếng nước, rửa mặt. Cô em đi lấy gầu chơ chúng tôi kéo nước. Qua câu chuyện đối trao ngắn gọn bên bờ giếng giữa anh bạn trẻ phi công và cô gái tôi được biết là gia đình cô thuộc diện "chỉ định cư trú", nhà nước cho phép ở đâu mới được ở. Ông nội cô trước đây làm tri phủ Nho Quan, Ninh Bình. Sau 1954 gia đình cô "được" đưa đi định cư trong vùng núi rừng Thanh Hóa. Ba của cô đi dân công chết trong chiến dịch Hạ Lào. Mẹ cô mới chết cách đây hai năm vì ngã nước. Gia đình thuộc diện "chỉ định cư trú" như cô không được ở đâu lâu. Cứ đến khai khẩn xong một vùng đất hoang, ở được chừng 5, 7 năm, nhà nước lại chỉ định đi nơi khác, vào sâu nữa trong rừng. Gia đình cô đến Như Xuân này đã là chỗ định cư thứ năm. Vừa có lệnh gia đình cô sắp phải dời đi nơi khác nữa. "Cho nên các chú không ăn hộ mía đi thì cũng không biết để làm gì". Gia đình cô hiện tại chỉ còn ba người, hai chị em cô, và ông nội cô, tri phủ Nho Quan cũ, bây giờ đã trên 80 tuổi.

Chợt có tiếng động ở đầu nhà. Từ khuôn cửa một ông già chống gậy bước ra. Cụ già râu tóc bạc phơ, mặc một cái áo pardessus cũ nát, cái kính lão xệ xuống gần sống mũi, đang run rẩy đứng bên thềm nhà. Cụ nâng cặp kính lên nhìn chúng tôi và khẽ kêu lên thảng thốt:

"Eh alors, mes enfants..."
(Này các con ta...)

Vừa nói xong, không biết vì xúc động hay vì quá già yếu, cụ già dựa lưng vào khung cửa mà ho rũ rượi từng cơn. Cô gái chạy vội đến đỡ và nói "Khổ lắm ông ơi, ông ra đây làm gì nữa..."

"Này các con ta..."

Ông cụ chắc đã chờ đợi chúng tôi mấy chục năm trời với biết bao nhiêu hy vọng. Bây giờ không ngờ ông gặp chúng tôi trong hoàn cảnh này, cùng một kiếp tù xơ xác... Tôi nghĩ ngày mai đây không biết ông cụ già trên 80 tuổi kia, sẽ còn lưu lạc nơi đâu; những cô con gái thanh tân kia sẽ sống ra sao trong xó rừng u uất? ■

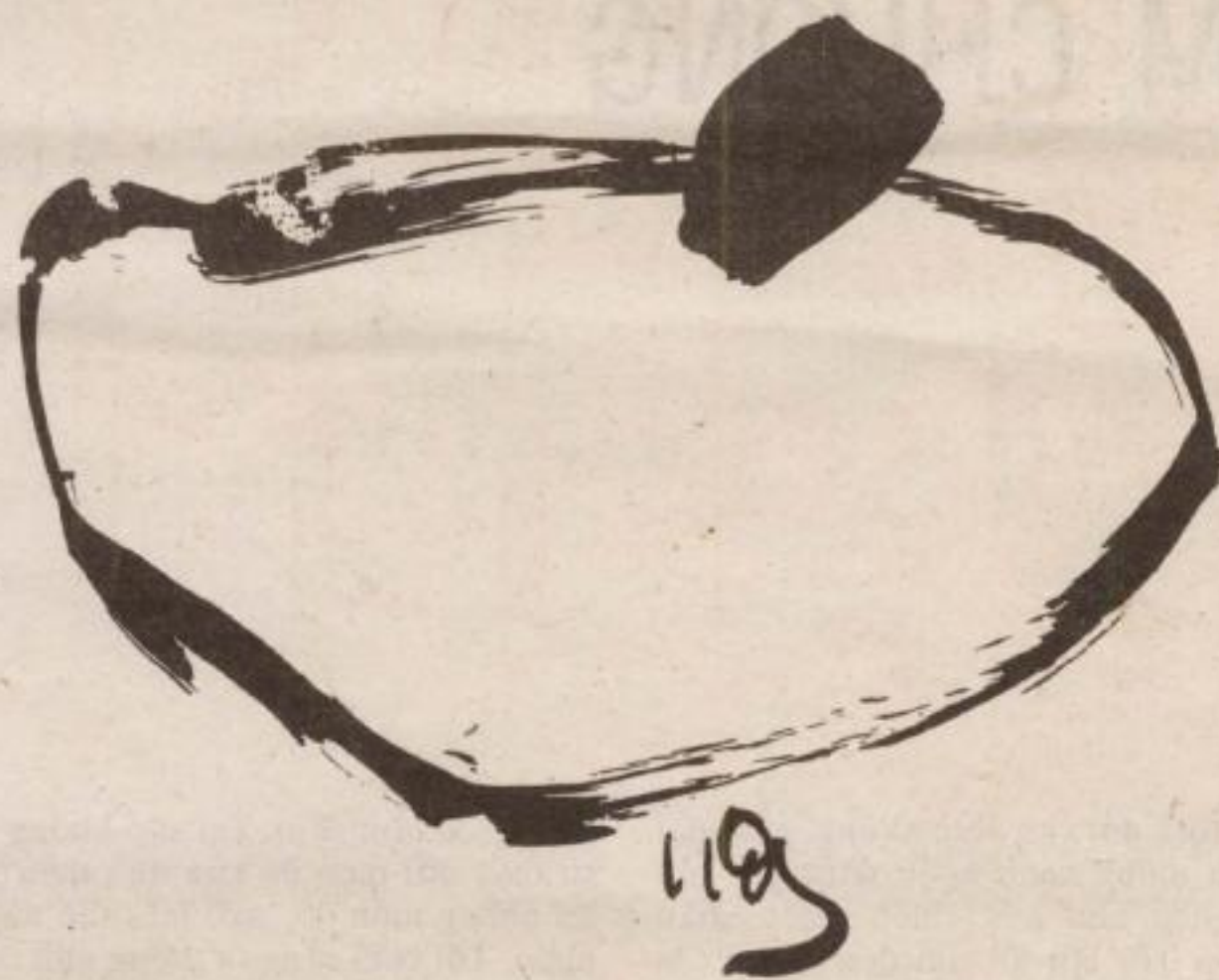


L'Asiatique

cuisine du vietnam

82, rue Baudricourt
75013 PARIS Tel.: 01 45 85 20 70
Métro Tolbiac

THƠ VƯƠNG ĐỨC LÊ



LÀNG CŨ

Đất nước vừa qua cuộc chiến dài
Trở về làng cũ chẳng còn ai!
Ngày nào thằng bé mười hai tuổi
Nay đã tay hồng cháu nội trai!

MỘT CỎI NGƯỜI

Một mảnh trời xanh phủ kẽm gai
Một vầng trăng khuyết lẩn phương đoàn
Một ngày những thể thiên thu ấy
Có phải đây chẳng một cỏi người?

LŨNG SÂU

Ở đây hơi đất lạnh ghê người
Khí núi, cây rừng vọt máu tươi.
Đá đổ mồ hôi, đầu bạc trắng
Tử thần tên gọi, lũng trên người!

HIU HÁT ĐƯỜNG CHIỀU

Từ ra, bạn cũ hỏi còn ai?
Đưa cỏi âm ty, đưa cỏi ngoài
Phố cũ đường chiều ta với bóng
Mộng hồ chưa thấm cũng vàng phai!

MÂY TẦN

Nào phải mây Tần, mây mới trắng
Thuyền ai? Thục tướng quá Giang Đông!
Hồn quê, một mảnh trời xanh ngắt
Ta chưa xa nhà, đã cố hương!

KHÍ NÚI NGÀN NĂM

Ở đây khí núi đã nghìn năm
Quẩn lại quanh ta một chỗ nằm.
Chợt hỏi bao giờ xương hoá thạch?
Nghe lời cát bụi vọng xa xăm...

LỜI NHẮN MAI SAU

Tôi chết, xin đừng vuốt mắt tôi
Dầu trông mắt đứng, dầu tay xuôi!
Áo quan khép lại thôi, vừa đủ
Lọt tiếng chia vui của mỗi người!

PHÁP HẠ GIA ĐỊNH THÀNH 1859

Gia Định thành xưa pháo nổ ran
Quan quân ngơ ngác: cuộc cờ tàn?
Sài Gòn mở hội mừng ca múa
Khúc "Hậu Đình Hoa" tiếng rộn vang!

KHOẢNG TRỜI KHÉP LẠI

Một khoảng trời xanh khép lại dần,
Tầm nhìn còn lại một vuông khăn;
Phố xưa lớp lớp nhà cao vút
Hẻm cũ sâu thêm kiếp sống thẳm!

BÊN LÒ THIÊU XÁC

Củi mục trần gian lửa bén rồi
Kìa xương thịt ấy xác thân ai?
Tro tàn còn bởi tìm chi đó,
Có thấy không? Này, chút hổ người!

NÁT NGỌC TAN VÀNG

Hỏi đã tan vàng, nát ngọc chưa?
Bấy nhiêu năm hẳn cũng dư thừa
Bức tranh vãn cầu ai bày vẽ
Mà luận anh hùng, kể được thua?

TRÁI TIM

Người dưỡng sinh chi lại giết người
Đẩy trời mặt trái với gan phổi
Trái tim nhân hậu không còn nữa
Rực trái tim thù chín đỏ tươi!

LÊN RỪNG THĂM BẠN

LÂM CHƯƠNG

Truyện

Từ trên đồi cao nhìn xuống, giữa đại ngàn mênh mông xanh ngắt, đám rẫy của anh Khan nhỏ như một chiếc chiếu, màu nhạt lá non. Tôi lặn lội tìm đến gian sơn biệt lập của anh khi mùa bắp đang rộ trái. Lọt thỏm giữa đám rẫy là lều tranh. Giữa lều, treo một chiếc võng làm bằng bao bố. Những ngày ở đây, tôi ngủ trên chiếc võng này. Cái sạp tre để sát vách, chỗ ngủ hàng đêm của anh Khan. Đối diện vách bên kia, anh kê những viên đá làm bả ông táo nấu ăn. Mọi thứ trong lều đều đơn giản. Phía ngoài, gian bên hông lều, một cái hố đang đào dở. Hố rộng bằng căn phòng nhỏ. Theo lời anh, còn phải đào sâu hơn nữa, khoảng hai thước.

Lúc mới đến, tôi hỏi:

"Đào hố để làm gì?"

Anh nói: "Bất khí."

Tôi ngạc nhiên: "Bất khí?"

"Ừ, bất khí."

"Để ăn thịt?"

"Khỉ ốm, chỉ có da bọc xương. Thịt khỉ lại tanh, không ai ăn."

"Không ăn thì bất để làm gì?"

"Để đuổi khỉ."

"Bất khí để đuổi khỉ? Tôi không hiểu."

"Cứ ở đây vài hôm thì hiểu."

Anh Khan không giải thích. Có lẽ anh muốn dành cho tôi một lý thú bất ngờ.

Sáng sớm, trời còn mát, và chiếu, khi mặt trời xuống lấp lửng trên đọt cây rừng, nắng cũng dịu bớt, tôi phụ anh Khan trong công việc đào hố. Anh xúc đất vào cái ki đan bằng nan tre. Tôi kéo đất lên, đổ chung quanh hố. Anh gầy nhưng sức dẻo và bền. Tôi không bì kịp. Làm việc với anh, tôi đuối, phải nghỉ từng chập. Những lúc tôi nghỉ, anh một mình xúc từng xéng đất quăng lên. Anh làm đều đặn, khoan thai như đang tập thể dục dưỡng sinh. Đối với anh, không có gì phải vội vàng. Anh quan niệm rằng con người lắm lần khi chạy đua với thời gian. Đời sống ngắn ngủi mà một lúc muốn chụp bắt nhiều thứ. Và sau cùng, cái thứ mà họ không muốn chụp bắt, đến với họ. Đó là sự tử vong. Khi nằm ngắc ngoải, họ nghĩ lại và thấy rằng họ chưa kịp sống cho đúng nghĩa một người đã sống.

Nghe anh bày tỏ cái quan niệm sống này, tôi rất chán, nhưng vẫn hỏi sống thế nào cho đúng nghĩa một người đang sống? Anh nói không tham cầu, không chờ đợi, tận hưởng sự hiện hữu trong từng giây phút. Tôi hỏi tận hưởng luôn cả nghịch cảnh và nỗi niềm đau khổ? Anh nói nghịch cảnh hay đau

khổ là do tâm cảm. Tại sao không coi đó là sự thay đổi món ăn của tinh thần? Đã từng ăn những món dở, mới biết thế nào là món ngon. Tôi cười rằng tư tưởng anh được chấp nổi một phần triết Đông, một phần triết Tây. Anh nói anh chẳng cần biết Đông hay Tây. Anh sống theo kiểu của anh. Và anh cũng nói tôi đã đến đây rồi, nên bỏ quên sách vở, để cho cái đầu được nghỉ ngơi thư thái.

Buổi trưa, lúc trời bắt đầu nắng gắt, tạm ngừng công việc đào hố. Tôi theo anh Khan đi kiểm soát chung quanh rẫy. Có những chỗ bị chôn, sóc cắn phá, làm bắp hư hại. Và, vài nơi trên những luống khoai lang, bị heo rừng ủi. Anh lần theo những dấu chân để biết lối nào heo thường vào rẫy. Phải trừ khử những con heo phá hoại này. Anh Khan nói thế.

Tôi thấy chung quanh rẫy có treo những cái thùng thiếc, buộc lòng thùng thêm vài viên đá, và nối sợi dây dài đến lều.

Tôi hỏi: "Để làm gì?"

Anh nói: "Chuyện đơn giản thế này cũng không biết. Mãi chạy theo máy móc tinh xảo, lo tìm hiểu những chuyện xa vời tận mặt trăng mặt trời, đến lúc quay trở lại với đời sống thiết thực cận kề, thì loay hoay bối rối."

"Anh chưa trả lời câu hỏi của tôi."

"Mùa bắp ra trái, thú rừng thường hay đến kiếm ăn. Nhất là khỉ, heo rừng, chồn, sóc phá hại mùa màng. Thú rừng rất sợ tiếng động. Lâu lâu, giục sợi dây làm thùng thiếc khua động để thú rừng bỏ chạy."

"Tôi coi trong sách vở, nói người ta làm những hình nộm, trông giống như người đang giữ vườn, để đánh lừa thú vật không dám đến gần."

"Chẳng có sách vở nào nói hình nộm để đuổi thú. Hình nộm chỉ có tác dụng đuổi chim mà thôi. Trên những cánh đồng, mùa lúa chín, người ta làm hình nộm ở nơi trống trải, để nhìn thấy, để chim muông không dám đáp xuống ăn lúa. Còn đây là rẫy bắp giữa rừng, nhiều cây cối rậm rạp che khuất, làm hình nộm không có tác dụng với thú rừng."

Tôi đến với anh Khan được ba ngày. Lòng đã chán. Anh ít nói đến độ lảm lì. Sau những bữa cơm chiều, anh thường ngồi bắp thuốc rê, trầm tư. Lưng anh hơi còng xuống. Trông giống một hình tượng cô đơn, im lặng

ngồi chịu đựng với thời gian. Tôi nói với anh Khan như thế. Anh chỉ mỉm cười, xa vắng. Tôi cố gợi chuyện, bằng cách hỏi tại sao anh tách rời vợ con, lên rừng một mình như người ở ẩn? Tại sao khi ra khỏi tù, anh vụt đổi thái độ và lối sống?

Anh ngó mông ra rừng, nói chậm rãi, thỉnh thoảng dừng lại một lúc lâu để bắp vài hơi thuốc. Mỗi lần nhìn lại chặng đường đã đi qua, thật kinh khủng. Chiến tranh như con quái vật khổng lồ, theo nó thì bị nó ăn nuốt, cưỡng lại thì bị nó chà đạp. Đàng nào cũng chết, chỉ có điều chết trước hay sau mà thôi. Anh may mắn, chưa kịp chết thì chiến tranh chấm dứt, bước sang giai đoạn khác.

Trong tình thế mới, anh bị đẩy vô tù. Ở tù đã khốn nạn, nhưng ở tù dưới chế độ được mệnh danh là ưu việt, lại càng khốn nạn hơn. Những con người của chế độ ưu việt này, đã phát triển đến cao độ cái tính nham hiểm và gian trá. Họ biến tù nhân thành những con ma đói, và hạ xuống ngang hàng với súc vật.

Điều thuốc đã tàn, anh Khan ngừng lại vấn thêm điều khác. Lúc nào cũng có điều thuốc đang cháy khi anh nói, và anh cứ bắp hoài. Hình như để trấn an một nỗi niềm, hay để suy nghĩ, gạn lọc từng câu.

Ngày anh được thả ra khỏi nhà tù, có người bạn cùng chung cảnh ngộ, kể cho anh nghe hai chuyện ngụ ngôn, gọi là chút quà tiễn bạn, làm vốn sống khi ra khỏi địa ngục.

TRUYỆN MỘT:

Có một thương gia giàu có, hay đi buôn bán nhiều nơi, gom góp những vật quý trong thiên hạ về làm của riêng. Trong số những vật quý này, có con sáo biết nói tiếng người. Một hôm, người thương gia nói với con sáo rằng:

"Sáo ơi, ta có việc sắp đi ngang qua quê hương thuở trước của mày. Vậy, mày có gì nhắn cho bạn cũ ở đó, ta chuyển lời cho."

Con sáo nói:

"Ông chủ làm ơn cho tôi gửi lời thăm các bạn, và hỏi chúng có nhắn gì cho tôi hay không."

Khi đến quê hương của con sáo, người thương gia ngược nhìn lên vòm cây, nơi có đàn sáo đang đậu, ông nói:



"Đàn sáo ơi, con sáo quý của nhà ta, gởi lời thăm chúng bây, và hỏi chúng bây có nhận lại lời gì cho nó hay không?"

Đàn sáo im lặng. Người thương gia đứng chờ một lúc. Và la thay, từ trên cây, đàn sáo rớt xuống chết hàng loạt.

Người thương gia trở về, con sáo của ông hỏi:

"Ông chủ ơi, các bạn tôi thế nào?"

Người thương gia nói:

"Ta đã chuyển lời thăm của mày, hỏi chúng có nhận gì cho mày không, chúng chỉ im lặng, và sau đó rớt xuống chết như bị lời trù rủa ghê gớm."

Ngày hôm sau, người thương gia thấy con sáo quý của mình nằm chết trong chuồng. Ông xách con sáo vắt ra ngoài như một thứ đồ bỏ. Bỗng, con sáo vỗ cánh bay đi mất, trước sự ngạc nhiên của người thương gia.

Dứt chuyện thứ nhất, anh Khan nhìn tôi chờ đợi một sự góp ý. Tôi hỏi ý nghĩa chỗ nào? Anh giải thích, lời nhắn gửi của đàn sáo là bảo con sáo của ông hãy giả chết. Con sáo bị nhốt trong lồng vì nó có giá trị. Giả chết là một cách đánh lừa người thương gia, rằng nó không còn giá trị nữa. Nhờ thế mà nó thoát được sự giam cầm.

Trong chế độ ưu việt này, người nào tỏ ra có giá trị, sẽ bị theo dõi dòm ngó. Nếu không dùng được, họ nhốt lại, hoặc tiêu diệt, chứ không cho sống tự do. Tốt nhất là giả ngây khờ, chẳng ai thèm để ý, sẽ được yên thân.

Tôi mừng vì anh Khan đã bắt đầu tỏ thái độ cởi mở, ít ra anh cũng không còn giữ thế thủ với tôi. Còn chuyện thứ hai, tôi hỏi.

TRUYỆN HAI:

Trong một buổi lâm triều, sứ giả của một nước láng giềng, dâng tặng nhà vua ba bức tượng hình người, và xin cho biết bức tượng nào giá trị nhất. Nhà vua và cả đám quần thần cầm lên, sẫm soi hoài, thấy ba bức tượng đều giống nhau, trọng lượng cũng bằng nhau, khó mà phân định bức tượng nào giá trị nhất. Cuối cùng, vua cho truyền rao trong dân chúng, tìm người thông minh giúp vua giải quyết vấn đề ba bức tượng.

Khi nghe chuyện này, có một nông dân cầm theo ba con sáo, lên đường đến kinh đô, xin vào yết kiến nhà vua để tìm hiểu giá trị của ba bức tượng.

Anh xỏ cọng rơm vào lỗ tai bức tượng thứ nhất, cọng rơm thông qua lỗ miệng. Anh xỏ cọng rơm vào lỗ tai bức tượng thứ hai, cọng rơm thông qua lỗ tai phía bên kia. Anh xỏ cọng rơm vào lỗ tai bức tượng thứ ba, xỏ đến cuối cọng rơm, nhưng vẫn không thấy thông ra chỗ nào.

Anh nông dân cầm bức tượng thứ ba đưa cho nhà vua và nói, đây là bức tượng giá trị nhất.

Tôi lại hỏi ý nghĩa thế nào? Anh Khan cười, nụ cười ít thấy nơi một kẻ trầm tư, rằng nếu không có lời bình giải Mao Tôn Cương, thì tôi khó mà lãnh hội được cái thâm thúy của người xưa. Câu chuyện trên muốn nói, thứ nhất, tai nghe mà bép xép ra lỗ miệng, thì họa tòng khẩu xuất, nghĩa là tai họa theo cái miệng mà ra. Thứ hai, nghe tai này lọt qua tai kia, không nhớ gì cả, là thứ vô dụng. Cả hai loại người trên, chẳng giá trị gì. Thứ ba, nghe và cất kỹ trong lòng, không nói ra. Đây là loại người ý tứ kín đáo.

Sống trong chế độ ưu việt, áp dụng Ba Không: không nghe, không thấy, không biết, có thể tránh được nhiều tai vạ. Tôi nói, tránh được tai vạ để giữ mệnh, nhưng sống mà như câm như điếc, thì buồn quá, cũng chán. Anh Khan ngược nhìn lên đám mây cao, nói trời lặng thinh, nhưng bốn mùa vẫn luân chuyển, vạn vật vẫn không ngừng sinh hoá. Không ai có thể biết được ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì. Hãy chờ xem.

Một ngày, sau bữa cơm chiều, có hai gã người Thượng ghé rẫy của anh Khan. Anh giới thiệu, một người tên Y Nôm, người kia tên S'Lum. Cả hai đều nước da ngăm đen, thân hình rắn rỏi. Họ dắt theo một con chó, loại chó săn, cao giò, bụng thon, tai vểnh, lông có vằn như cạp. Và mang theo những cái rế đan bằng mây rừng, giống cái rế lót nổi ở những vùng quê.

Như đã hẹn trước, anh Khan đưa họ đi quan sát dấu chân heo rừng. Dài theo những lối heo thường ra vào phá rẫy, họ đặt những cái rế lật ngựa lên. Giữa rế để một miếng mồi bằng loại thịt đã có mùi hôi, được móc với một chùm lưỡi câu. Mỗi lưỡi câu cột dính với vành tròn phía trong của cái rế, bằng sợi cước dài khoảng gang tay.

Tôi hỏi:

"Làm thế mà có thể bắt heo rừng được sao?"

Y Nôm hỏi lại:

"Chứ ông cán bộ nghĩ phải làm thế nào?"

"Tôi nghe người ta nói, dùng một thân cây nứa quấn xuống làm cần bẫy, cột sợi dây làm thông lọng, đặt trên mặt đất. Khi heo dẫm phải, cần bẫy bật, và cái thông lọng siết giò heo treo lên."

"Ông cán bộ chỉ nghe người ta nói, chứ ông không có để cái tay làm công việc. Làm cái bẫy như thế cũng được, nhưng không tốt và có hại cho con người."

"Tại sao không tốt mà lại có hại cho người?"

Y Nôm cười, lắc đầu.

Anh Khan nói:

"Nó không đủ lời giải thích đâu. Này nhé, trên đường heo đi, không dễ tìm được cây nào thích hợp để làm bẫy. Và khi đã làm bẫy rồi, không dễ gì con heo dẫm chân vào cái vòng thông lọng. Giả dụ, heo đã dẫm vào thông lọng, cần cây bật siết giò heo treo lên. Nó có thể cắn đứt dây, hoặc cắn đứt lia một cái giò bỏ lại để thoát thân."

"Trời đất! Nó dám tự cắn đứt cái giò à?" Tôi kêu lên kinh ngạc.

"Có nhìn thấy cái giò bỏ lại, mới biết loài heo rừng gan dạ phi thường. Làm cái bẫy như trên, đã khó lại tốn nhiều công, nhưng kết quả rất ít. Và chừng nào heo chưa mắc bẫy thì còn duy trì cái bẫy. Nếu lỡ có ai ngang qua, vô tình dẫm phải, sức bật của cần bẫy có thể gây nguy hiểm."

"Thế còn cái rế kia, bắt heo cách nào?"

"Cách nào thì chờ xem. Có thể ngày mai, ngày mốt. Không lâu đâu."

"Nếu trong vài ngày, heo không đi qua lối đặt những cái rế, thì có cần phải thay mồi không?"

"Không cần. Heo là loài ăn tạp. Mỗi càng bốc mùi càng hấp dẫn."

Khi hai gã người Thượng đi khỏi, tôi hỏi anh Khan, tại sao Y Nôm gọi tôi là cán bộ? Anh Khan nói tất cả những ai đến với buôn bán vùng cao, mang cái dáng dấp phi lao động, chỉ biết đứng nhìn, hỏi những câu ngờ ngẩn, và chỉ trích phê bình, lý thuyết suông mà chẳng làm được gì, họ đều gọi là cán bộ.

Anh nói tiếp, trong thời chiến tranh, người Thượng đã đóng góp tích cực một phần xương máu cho sự thành công chiếm đoạt miền Nam. Người ta hứa hẹn, rằng họ

sẽ được đến bù xứng đáng bằng cách cải thiện cho đời sống dân buôn bán tốt đẹp hơn. Nhưng chiến tranh chấm dứt đã lâu rồi, chế độ đã thành hình vững chắc, mà đời sống của họ vẫn thế, thậm chí còn khó khăn hơn. Họ không còn được làm ăn tự do nữa. Thịnh thoảng có những ông cán bộ từ miền xuôi lên đây, gọi sự tự do này là sự tùy tiện, thiếu tổ chức. Người ta đặt ra kế hoạch, bắt họ phải làm theo khuôn mẫu. Những kẻ không có một chút kinh nghiệm nào về đời sống giữa núi rừng, dạy khôn cho người được sinh ra và lớn lên từ bao đời cha ông ở đây. Tóm lại, người ta nói về vấn đề cải thiện đời sống, mà không hề cung cấp phương tiện. Người ta chỉ muốn tổ chức lại mô hình xã hội, để dễ bề kiểm soát mà thôi.

Trên đường trở lại căn lều, anh Khan nói từ ngày có tôi đến đây, anh đã phá lệ ba không: không nghe, không thấy, không biết.

Sáng hôm sau, anh Khan và tôi đang ăn khoai lang lột da, nghe có tiếng chó sủa và tiếng kêu ới ỏi ngoài rừng. Anh Khan nói Y Nôm, S'Lum gọi. Tôi theo anh ra nơi đặt bẫy. Hai gã người Thượng, mỗi người cầm một cây lao, đầu có bịt sắt nhọn, đứng vây một lùm cây rậm. Con chó sủa, nhiều lần dọm mình muốn chồm vô, nhưng không dám.

S'Lum ngoắc tôi:
"Ông cán bộ lại đây coi."

Theo ngón tay chỉ của S'Lum, một con heo rừng lông xám, hai bên mép có nanh dài và cong. Loại heo độc chiếc, đủ khả năng tách bẫy, đi kiếm ăn một mình riêng lẻ. Nhìn cái tư thế mắc bẫy của con heo, tôi hiểu được tất cả những gì hôm qua còn thắc mắc.

Heo tấp miếng mồi, nuốt tới cổ, không trôi được vì đã mắc phải những lưỡi câu, cột bởi những sợi cước dính vào lòng chiếc rế. Vì sợi cước ngắn nên cái rế áp sát vào mõm. Heo dùng chân trước đẩy chiếc rế ra, nhưng không dám đẩy mạnh vì sợ sợi cước căng, làm lưỡi câu móc đau cuống họng. Đẩy một hồi, chân trước vô tình lọt vào một cái lỗ của chiếc rế. Coi như một cái chân đã bị trói. Cái chân trước còn lại, sẽ tiếp tục đẩy nữa, rồi cũng sẽ lọt vô cái lỗ khác, không rút ra được. Thế là cái mõm heo và hai chân trước hoàn toàn bị khoá bằng chiếc rế. Heo không dám làm động mạnh chiếc rế, sợ lưỡi câu móc đau cuống họng.

Khi đã mắc bẫy, heo chỉ có thể lê lét xa nơi đặt bẫy một khoảng mười thước, không hơn. Người thợ săn chỉ cần một việc phải làm sau cùng, là phóng lao đâm vào những

chỗ nhược của con heo, mà không sợ bị nó tấn công ngược lại.

Sau vụ bẫy heo rừng. Anh Khan nói Y Nôm và S'Lum cho biết đàn khỉ đã kéo về làng vắng vùng này rồi. Nhưng chừng nào chúng đến tảo thanh rẫy bắp thì chưa biết.

Một hôm tôi thấy vài con khỉ lấp ló trên cây. Anh Khan nói đó là những con tiền sát, đi dò địa bàn hoạt động. Khỉ là loài tinh khôn sau loài người. Chúng sống có đàn. Mỗi đàn có một con khỉ đầu đàn. Con này sẽ dẫn đàn đi kiếm ăn rày đây mai đó, như những bộ tộc du mục thời xưa. Chúng đến cái rẫy nào một lần, sẽ lần quần ở đó nhiều ngày, ăn cho tàn mạt rồi mới chịu đi nơi khác.

Con khỉ đầu đàn, không vào rẫy. Nó ngồi trên ngọn cây cao để canh chừng, và xua con cháu vào mục tiêu, ăn cho no, còn dón hai bên má làm phần dự trữ. Trước khi rút lui, chúng còn mang theo một hoặc hai trái bắp làm chiến lợi phẩm, và đóng thuế cho con khỉ đầu đàn. Khi nào con khỉ đầu đàn la ré lên là báo hiệu có biến, đàn khỉ đang ăn sẽ bỏ chạy, mất trật tự còn hơn cuộc di tản chiến thuật cao nguyên về miền biển.

Tôi hỏi thế những cái thùng thiếc khua động chung quanh rẫy không có tác dụng làm chúng sợ hay sao? Anh Khan nói cũng có tác dụng trong những lần đầu, nhưng nhiều lần sau chúng quen, không sợ nữa. Khi ta ở trong lều, thì chúng phá ngoài rẫy. Khi ta ra rẫy, chúng kéo vô trong lều, lúc phá tan hoang đồ đạc.

Một buổi trưa, nghe tiếng khọt khẹt ngoài rẫy, anh Khan giựt dây khua thùng báo động và chạy ra xem. Một vật bắp bị phá. Nhiều cây gãy gục và trái bị cạp lem nhem đang dở.

Anh nói:

"Chỉ mới dợt đầu mà thiệt hại như thế, thì đàn khỉ này có thể đông gần trăm con."

Tôi ra bìa rẫy, nhìn lên những ngọn cây rừng, tất cả đều im lìm.

"Chúng đã chạy xa hết rồi." Tôi nói.

"Chưa chắc. Có thể chúng rập đầu đó trong những vòm lá. Thử ném mạnh một viên đá lên thì biết ngay."

Tôi ném viên đá, không thấy động tĩnh gì. Anh Khan ném một khúc gỗ mục lên tầng cây khác. Bỗng nghe ào ào trên cây. Bầy khỉ hốt hoảng chuyển cành, đổi chỗ ẩn nấp. Chỉ trong vài giây ngắn ngủi, tất cả đều im lìm trở lại. Nhìn kỹ sẽ thấy vài con thu mình trong lá, hai mắt thao láo nhìn xuống.

Trở lại lều, anh Khan chuẩn bị bắt khỉ bằng cách đâm một chén muối ớt thật cay,

trộn với cơm nguội, để xuống hố. Anh dựng thêm một cây tầm vông từ dưới lên miệng hố, và giải thích, cây tầm vông làm cái thang cho khỉ xuống hố. Gặp cơm trộn ớt đỏ nó sẽ bốc ăn, cay quá chảy nước mắt, nó sẽ đưa tay dụi mắt. Tôi cười, bàn tay dính ớt mà dụi vào mắt thì chỉ còn có cách làm "hiệp sĩ mù nghe gió kiếm" mà thôi.

Chuẩn bị xong, anh Khan kéo tôi ra một góc rẫy, nơi bìa rừng, ngồi dưới bóng cây to. Anh nói bỏ trống cái lều, nhường cho bầy khỉ. Nhưng suốt chiều hôm đó, không có con khỉ nào bén mảng vào lều.

Hai hôm sau. Trên đường từ nhà Y Nôm trở về, vừa đến rẫy đã nghe tiếng con khỉ đầu đàn trên ngọn cây ngoài rừng la ré lên, anh Khan chạy vội vào lều. Bầy khỉ tuôn ra, phóng chạy. Đồ đạc trong lều bị phá tung, vất bừa bãi. Dưới cái hố, bên hông lều, những con khỉ còn kẹt lại, tranh nhau leo lên. Cứ con này ôm cây tầm vông leo lên, thì con kia sợ hãi nắm đuôi kéo xuống, giành leo lên trước. Rốt cuộc, không con nào lên được miệng hố.

Chúng quờ quạng, loi choi, bưng mặt, dụi mắt, và la chí choé. Anh Khan rút cây tầm vông lên. Thế là những con khỉ dưới hố đã hoàn toàn bị nhốt. Tôi đếm được bảy con.

Tôi hỏi: "Đã bắt khỉ rồi. Bây giờ, làm cách nào đuổi khỉ?"

"Đến giai đoạn này, mọi chuyện sau đều dễ dàng."

Tất cả đồ nghề đã chuẩn bị từ trước. Anh Khan dùng thanh cây, một đầu có buộc thùng lọng, tròng vào cổ từng con, kéo lên, trói lại. Anh lấy kéo cắt lông trên đầu khỉ, như bị cạo trọc. Và lấy sơn màu đỏ trắng vàng, phết lem nhem lên đầu, lên mặt khỉ, trông rất khôi hài. Xong, anh mở trói, thả nó chạy vào rừng. Lại lôi con khác lên, hốt lông, sơn đầu...

Anh Khan giải thích, khỉ có khuynh hướng nhập bầy. Những con khỉ này, nó sẽ chạy đi tìm bầy để nhập. Nhưng những con khỉ khác không còn nhận ra bạn nữa, và tránh xa nó như con vật quái đản. Tự bản thân con vật bị sơn mặt, nó không biết nó quái đản, nên bầy khỉ càng chạy tránh, nó càng bám theo để nhập bầy. Cứ thế, một bên chạy, một bên bám riết, càng ngày càng đi xa, thật xa.

"Rồi nó sẽ về đâu?"

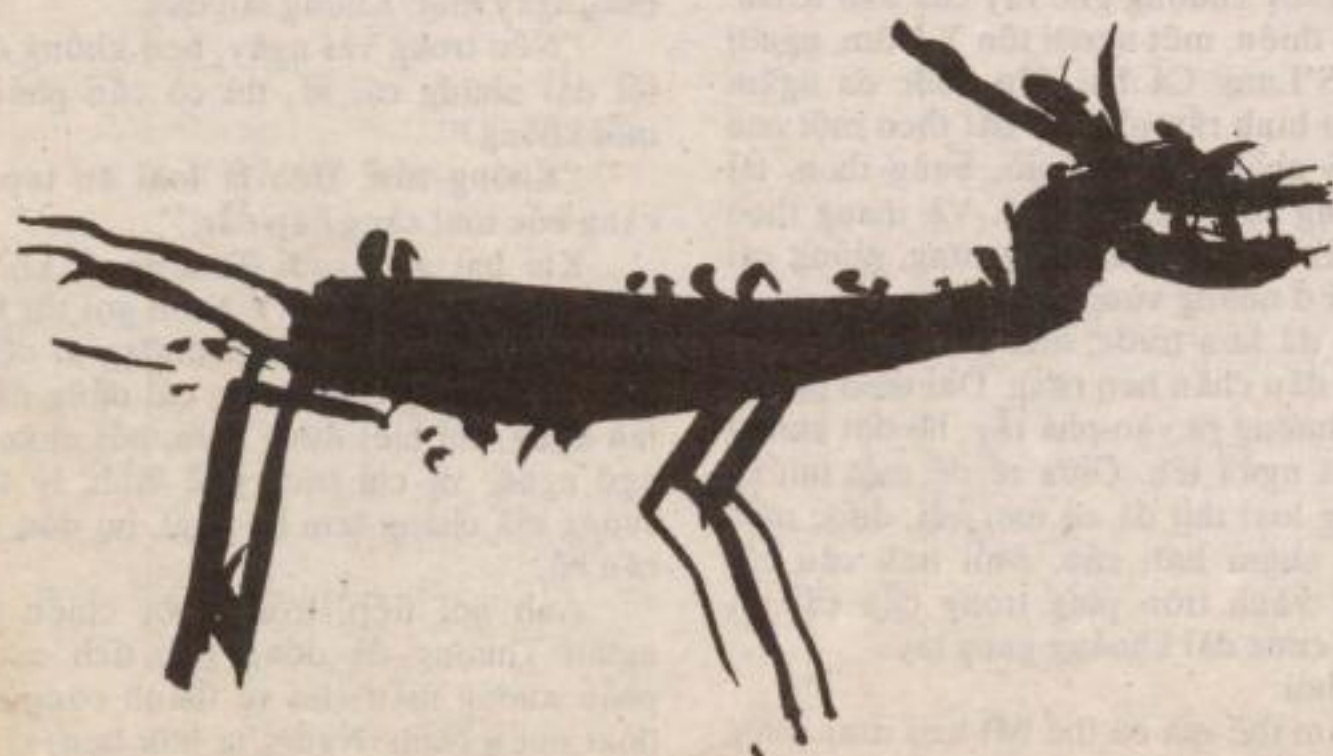
"Rừng núi bao la muôn trùng, ai biết sẽ về đâu."

"Những con khỉ bị bôi sơn lên mặt, rồi sẽ ra sao?"

"Cũng không ai biết sẽ ra sao. Nếu nó cứ bám riết theo bầy, có thể một ngày nào đó, con khỉ đầu đàn sẽ cắn nó chết."

Sáng mai, tôi sẽ rời khỏi lều rẫy, bỏ lại núi rừng, từ giả anh Khan để đi một nơi thật xa. Trong đêm, tôi nằm thao thức trên chiếc võng, không ngủ được. Nhìn ánh trăng khuya lạnh lẽo soi vào căn lều trống trải, tôi nghĩ đến những ngày cô đơn của anh Khan giữa đám rẫy đầu hiu. Tôi lại nghĩ đến đàn khỉ cứ chạy mãi, chạy mãi, không biết giờ này chúng dừng lại hay chưa?

Anh Khan cũng không ngủ được. Anh ngồi dậy vấn thuốc. Bất ngờ, anh hỏi tôi nghĩ thế nào về những con khỉ bị sơn mặt? Tôi nói, nếu ở Âu Mỹ, Hội Bảo Vệ Sức Vật sẽ can thiệp cho nó. Anh bảo khi tôi sang xứ người, nên tìm đến cái Hội Bảo Vệ Sức Vật để nhờ họ che chở cho tôi. Và nhờ hỏi họ, rằng giữa vùng rừng núi Việt Nam có những "con khỉ người" đang bị sơn mặt, họ có bảo vệ không? ■



Nhân vật văn chương hàng đầu của Mỹ Tây Cơ, quê quán thi nhân Nobel 1990, ngồi bết như lưỡi dao nhọn thọc sâu vào biểu hiện chương kỳ trong tâm thức dân tộc, Octavio Paz vừa qua đời, hưởng thọ 84 tuổi.

Hôm 20 tháng 4, sau chuyến công du Chile tham dự Hội Nghị Thượng Đỉnh Quốc Gia Châu Mỹ vừa về, Tổng Thống Ernesto Zedillo loan báo tin buồn với nhân dân Mỹ. Ông nói: "Đây là mất mát lớn lao khó thể bù đắp với tư tưởng cùng văn hóa, không những cho châu Mỹ là tình mà cho cả thế giới." Cùng lúc báo chí Mỹ và thông tấn xã Notimex cho hay thi sĩ qua đời hôm Chủ Nhật 19.4.98 tại tư gia, ngoại ô thủ đô.

Bề ngoài nói năng nhỏ nhẹ, nhiều khi khép kín, song lúc cần cũng mạnh, nói dữ. Bên trong thâm trầm, ông là cây bút có lối suy tư chính xác, sáng sủa, cách biểu lộ mãnh liệt, thiết tha ảnh hưởng không ít đối với nhiều nhà văn đương thời.

Cũng như nhiều đồng nghiệp khắp Mỹ Tây Cơ và cả Châu Mỹ là tình, là nhà văn và thi sĩ, trong thâm tâm, ông thường vương vấn với nhiều mâu thuẫn xuất hiện khắp xứ sở. Chẳng hạn nét tương phản giữa văn hóa Da Đỏ và văn hóa Tây Ban Nha, nét khác biệt đến đau lòng giữa thiểu số giàu ú và đa số nghèo mạt. Tháng Chạp vừa rồi, nhân lễ khánh thành trung tâm văn hóa tôn vinh ông, thi sĩ đã nói tới về nghịch thường ngự trị Mỹ Tây Cơ: "Xứ sở chan hòa ánh nắng, đất nước chẳng thiếu ánh mặt trời, mặt trời kỳ diệu, phi thường, vậy mà đó cũng là xứ sở âm u, đen tối... Đối tình lưỡng diện đã ám ảnh đầu óc, tâm hồn từ khi tôi còn thơ ấu".

Ông viết rất nhiều, phần lớn thơ văn đều có giá trị xác định tầm vóc sáng tác, song có hai tác phẩm một văn, một thơ khiến tên tuổi ông rạng rỡ khác thường: EL LABERINTO DE LA SOLEDAD (MÊ CUNG CỦA CÔ ĐƠN) và PIEDRA DE SOL (LỊCH ĐÁ). Mê Cung xuất bản năm 1950 mô tả lịch sử Mỹ Tây Cơ như cuộc tìm kiếm con người đã bị định chế xa lạ làm biến dạng hoặc che giấu mặt thật của mình. Lịch Đá xuất bản năm 1957 là tiếng nói gay gắt phê bình thái độ hững hờ của đa số người Mỹ đối với đất nước, xã hội. Cả hai khiến nhiều người sửng sốt, nhưng cả hai cũng khiến độc giả khắp nơi phải suy ngẫm ít nhiều. Tiểu thuyết gia Mỹ Carlos Fuentes dù không đồng ý với thi sĩ ở nhiều điểm trước hiện tình đất nước và xã hội hiện tại song vẫn phải ghi nhận: "Paz đã thực sự và vĩnh viễn thay đổi bộ mặt văn chương Mỹ Tây Cơ".

Paz coi thơ là hình thức cao cả trong văn chương. Năm 1987, trong cuộc phỏng vấn dành cho tạp chí văn nghệ La Vanguardia ở Madrid, ông nói: Thơ phát xuất từ nơi sâu thẳm tận cùng của con người. Thơ đáp ứng mọi từng trải ở đời, mà từng trải ở đời lại thường thường sâu sắc, thâm trầm... Ông đã đoạt ba giải thưởng văn chương: giải Miguel Cervantes năm 1982; giải T.S Eliot năm 1987; và giải Nobel năm 1990.



Nhà thơ Octavio Paz trên xe lăn. Phía sau là Tổng Thống Mỹ Ernesto Zedillo.

THƠ OCTAVIO PAZ

ĐỖ KHÁNH HOAN dịch

Ông chào đời trong ngôi nhà xập xệ ngoại ô thủ đô. Ông nội là tướng tài, luật sư, văn gia, có thời hoạt động cách mạng; thân phụ là bí thư của Emiliano Zapata, lãnh tụ phong trào nông dân trong cuộc nổi dậy năm 1910-20. Năm 1919 Zapata bị hạ sát, gia đình phải lưu vong qua Los Angeles, Hoa Kỳ. Sau mấy tháng sống vất vưởng ở xứ người, trở lại quê hương, gia đình gặp cảnh khốn cùng khôn tả. Lúc đó Paz chỉ là thiếu nhi ngây thơ, song đã chứng kiến cảnh gia đình bán từng cái bàn cái ghế, rồi cả ngôi nhà, để chạy ăn từng bữa. Nhưng đến lúc Paz đạt vinh hiển thì ông và bố đều qua đời. Ông chết để lại phu nhân và ái nữ

Helena Paz, nhà văn viết tiểu thuyết có hạng hiện nay. ■ ĐỖ KHÁNH HOAN

Giáo sư Đỗ Khánh Hoan, nguyên Khoa trưởng Phân khoa Anh Văn Đại Học Văn Khoa Sài Gòn (1964-1979), trong Ban Chủ Biên Tạp Chí Khởi Hành, hiện cư ngụ tại Toronto, Gia Nã Đại. Ông là tác giả những bộ sách lớn như Lịch Sử Văn Học Anh (1180 trang), Shakespeare, Cuộc Đời Và Tác Phẩm, và khoảng gần 20 cuốn biên khảo dịch thuật khác. Hiện ông đang soạn bộ Văn Học Châu Mỹ La Tinh. Trước cái chết của Octavio Paz, Khởi Hành xin trích đăng sau đây thơ và tiểu luận của Paz qua bản dịch Đỗ Khánh Hoan.

EJEMPLO

La mariposa volaba entre los autos.
Marie José me dijo: ha de ser Chuang Tzu,
de paso por Nueva York.

Pero la mariposa
no sabía que era una mariposa
que sonaba ser Chuang Tzu
o Chuang Tzu
que sonaba ser una mariposa.
La mariposa no dudaba:
volaba.

(Arbol Adentro)

VÍ DU

Nhớ nhớ
Bướm vỗ cánh bay giữa hàng xe
Marie José nhỏ nhẹ:
Chắc là Trang Tử, anh ơi,
Đang thả gót viễn du Nữu Ước.

Ô hay
Bướm nào hiểu mình là bướm
Mơ Trang Tử là mình.
Hay là
Trang Tử mơ mình là bướm.

Thản nhiên
Không hỏi một lời
Bướm cứ thế vỗ cánh bay.

(Cây Bên Trong)

NINA

Entre la tarde que se obstina
y la noche que se acumula
hay la mirada de una nina.

Deja el cuaderno y la escritura
todo su ser dos ojos fijos.
En la pared la luz se anula.

Mira su fin o su principio?
Ella dirá que no ve nada.
Es transparente el infinito.
Nunca sabrá que lo miraba.

THIỆU NỮ

Từ trưa đến tối
Nửa muốn nhìn nửa không
Nhưng
Làm sao không học bài
Dồn toàn thân vào cặp mắt
Mở chừng chừng.
Ngọn đèn trên tường lụn tắt.

Thơ ngày
Thiếu nữ có nhìn thấy
Điểm chấm dứt, điểm khởi đầu
Đời mình không nhỉ?

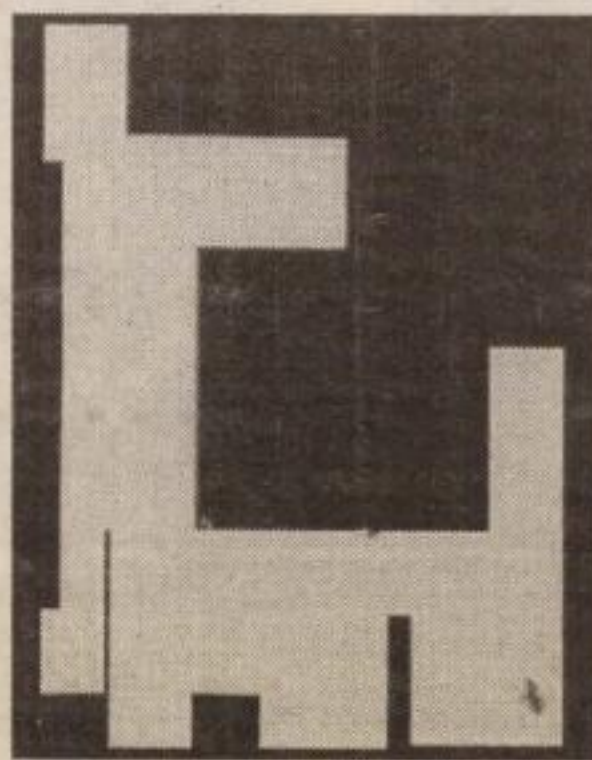
Nàng nói không nhìn thấy
Cõi vô hạn trong veo, rõ rệt.
Chẳng bao giờ
Nàng hiểu mình đã nhìn thấy gì.

EPITAFIO DE UNA VIEJA

La enterraron en la tumba familiar
y en las profundidades tembló el polvo
del que fue su marido:
la alegría
de los vivos
es la pena de los muertos.

MỘT LÃO BÀ

Người ta mai táng bà
Trong nấm mộ gia đình.
Trong lòng đất thâm thẳm
Nấm bụi tàn
Trước kia một thuở là chồng
Run rẩy:
Vui với người còn sống
Là buồn với kẻ đã qua đời, em ơi.



Tranh Ảnh Chiều Urban

GRAVILLA BÓ

Entre Lo Que Veo Y Digo...

1

Entre lo que veo y digo,
entre lo que digo y callo,
entre lo que callo y sueño,
entre lo que sueño y olvido,
la poesía.

Se desliza
entre el sí y el no:

dice
lo que callo,
calla

lo que digo,
sueña

lo que olvido.

No es un decir:
es un hacer.

Es un hacer
que es un decir.

La poesía
se dice y se oye:

es real.

Y apenas digo

es real,

se disipa.

Así es más real?

2

Idea palpable
palabra
impalpable:
la posía
va y viene
entre lo que es
y lo que no es
Teje reflejos
y los desteje.
La poesía
siembra ojos en la página,
siembra palabras en los ojos.
Los ojos hablan,
las palabras miran,
las miradas piensan.
Oír
los pensamientos,
ver
lo que decimos,
tocar
el cuerpo de la idea.
Los ojos
se cierran,
las palabras se abren.

(Arbol Adentro)

Giữa Cái Tôi Nhìn và Cái Tôi Nói

1

Giữa cái tôi nhìn và cái tôi nói
Giữa cái tôi nói và cái tôi làm thành
Giữa cái tôi làm thành và cái tôi mơ màng
Giữa cái tôi mơ màng và cái tôi lãng quên:
Là thơ.

Thơ lướt giữa có và không,
Thơ nói cái tôi làm thành,
Thơ làm thành cái tôi nói,
Thơ mơ màng cái tôi lãng quên.
Thơ không là lời nói:
Thơ là việc làm.
Việc làm từ lời nói.
Thơ nói và nghe:
Thơ hiện hình thực sự.
Tôi vừa nói hiện hình thực sự
Thơ biến dạng tức thì.
Có phải thơ hiện hình thực sự hay không?

2

Ý xác thực,
Từ mơ hồ:
Thơ đến rồi đi
Giữa cái hiện hữu
Và cái không hiện hữu.
Thơ thấu dẹt
Tháo gỡ suy tư.
Thơ liếc nhìn trang giấy,
Ném lời vào mắt chúng ta.
Mắt nói,
Lời nhìn,
Về mặt suy tư.
Nghe tư tưởng
Nhìn cái ta nói,
Đưa tay sờ thân xác ý nghĩ.
Mắt nhắm,
Lời mở toang.

THỰC TẾ VÀ Ý THỨC HỆ

ĐỖ KHÁNH HOAN *dịch* OCTAVIO PAZ

Năm 1981, Tổng thống Jose Lopez Portillo ra đi để lại cho người kế nhiệm một gánh nặng khủng khiếp: nợ nước ngoài 80 tỷ, lạm phát phi mã, thất nghiệp đầy rẫy, tham nhũng trở thành quốc nạn. Trong khi ấy Mễ vốn phong phú về tài nguyên thiên nhiên, sản xuất được dầu hỏa, về chính trị thì cùng độc lập với Hoa Kỳ là nước láng giềng, song lại tương phản với Hoa Kỳ về mức sống. Ông Miguel de la Madrid Hurtado nhậm chức Tổng thống thứ 21 của Mễ kể từ cuộc cách mạng 1910 trong tình trạng khẩn trương. Vậy quan hệ quá khứ và hiện tại giữa Hoa Kỳ và Mễ như thế nào? Cảm nghĩ của người Mễ với Mỹ ra sao? Dưới đây là ý kiến của Octavio Paz, trả lời cuộc phỏng vấn của Time số ra ngày 20-12-1982.

Biên giới giữa Mễ Tây Cơ và Hoa Kỳ có tính cách chính trị, lịch sử hơn là địa lý. Giữa hai quốc gia thực sự không có hàng rào thiên nhiên ngăn cách. Dòng sông Rio Grande không chia đôi mà nối liền hai xứ với nhau. Tuy nhiên, tính cách tương đồng về phong cảnh chỉ càng làm nổi bật khác biệt về xã hội và lịch sử mà thôi. Khác biệt đó hiển hiện cụ thể về mặt nhân chủng, nhất là kinh tế. Sự giàu có của Hoa Kỳ, sự nghèo nàn của Mễ Tây Cơ thường được phát biểu bằng từ ngữ mang nặng tính chất xã hội và chính trị: phát triển và kém phát triển, chính sách bành trướng của Hoa Kỳ, tư thế tự vệ của Mễ Tây Cơ. Tình trạng đối nghịch thật cụ thể, song tình trạng khác biệt còn sâu sắc hơn nhiều. Tình trạng đó dường như đã diễn ra kể từ lúc khai sinh hai xã hội, khi Hoa Kỳ là Tân Anh Quốc và Mễ Tây Cơ mang tên Tân Tây Ban Nha.

Bước qua biên giới giữa hai quốc gia là thấy ngay hai nền văn minh khác nhau. Người Hoa Kỳ là con đẻ thời Cải cách, và nguồn gốc của họ là con đẻ của thế giới tân tiến ngày nay. Người Mễ Tây Cơ chúng tôi là con đẻ của đế quốc Tây Ban Nha. Chúng tôi là quân quân chống Cải cách, phong trào chống khuynh hướng canh tân, nhưng thất bại. Thái độ hướng theo thời gian biểu lộ rõ rệt sự khác biệt của chúng tôi. Người Mỹ đánh giá cao tương lai và quý trọng thay đổi. Người Mễ bám chặt hình ảnh kim tự tháp, ngôi giáo đường, và giá trị chúng tôi cho là bất di bất dịch, hoặc phù hiệu tượng trưng vĩnh viễn, trường cửu, như Đức Mẹ Đồng Trinh chẳng hạn. Tuy nhiên, như đối lực đối với thái độ tôn sùng tương lai thái quá, người Mỹ liên tục tìm kiếm gốc rễ, nguyên lai của mình. Người Mễ chúng tôi tìm đường để canh tân xứ sở và kiếm hướng để tiến tới tương lai. Từ cuối thế kỷ XVIII lịch sử Mễ Tây Cơ vẫn là cuộc đấu tranh thường xuyên diễn ra thật bị dạt và vô hiệu quả. Không biết sự kiện này tức là không biết Mễ Tây Cơ ngày nay như thế nào, chông chênh biết bao thăng trầm, gian truân về kinh tế và vô số vòng vo, ngoắt ngoéo liên tục về chính trị.

Ngay từ đầu người Mễ đã ý thức giữa họ và người Mỹ có khác biệt về vật chất và tâm lý, khác biệt tách hai người xa nhau. Và cũng ngay từ đầu, diễn dịch tình trạng khác biệt đó đã đi từ thái độ thần phục mù quáng đến lập trường cự tuyệt cũng mù quáng không kém chút nào. Trong thế kỷ XIX, người Mễ cấp tiến nhìn nền dân chủ Hoa Kỳ, thật chẳng phải không có lý do, như khuôn mẫu tiêu biểu cho công cuộc canh tân hóa.

Khuynh hướng này đã đưa họ tới chỗ chấp nhận chế độ chính trị Hoa Kỳ. Họ thử nghiệm, song thất bại phần nào. Bởi lẽ trong suốt ba thế kỷ Mễ Tây Cơ là chế độ quân chủ theo Thiên Chúa giáo La mã; cả dân chúng lẫn người lãnh đạo chưa hề có kinh nghiệm về cuộc cách mạng tinh thần, chính trị và kinh tế bấy lâu là động lực thúc đẩy mọi cuộc canh tân. Chúng tôi muốn nhảy từ xã hội cổ truyền sang xã hội tân tiến, nhưng không có giai cấp trung lưu và giai cấp trưởng giả cũng như thiếu hẳn yếu tố kỹ thuật, nhân tố trí thức, từng làm thay đổi cục diện châu Âu và Hoa Kỳ.

Trong thế kỷ vừa qua cảm nghĩ thù ghét, hiểm khích đối với Hoa Kỳ đã xuất hiện. Người bảo thủ cũng như người tiến bộ trật tự Tây Ban Nha ngày trước đều cùng nhau chia sẻ cảm nghĩ. Ngày nay cảm nghĩ đã thay đổi mức độ và màu sắc. Đó là cảm nghĩ của các nhà cách mạng từng tuyên bố thái độ cương quyết, lập trường kiên định, hiểm khích, kinh chống, đầy ác cảm đối với Hoa Kỳ. Điều này thật dễ hiểu. Đó là phản ứng tự nhiên chống lại chính sách bành trướng của Hoa Kỳ đối với Mễ Tây Cơ. Từ giữa thế kỷ trước đó là chính sách chuyển dịch từ cứng rắn sang mềm dẻo. Tiếc thay nhiều người chống đế quốc ở châu Mỹ la-tinh và Mễ Tây Cơ, ngày ngất vì ý thức

hệ của chủ nghĩa xã hội cực quyền, chuyên chính, đã quên nguồn gốc dân chủ của mình. Bởi thế yếu tố đoàn kết người bảo thủ hôm qua với người cực đoan hôm nay không phải chỉ là lập trường chống chủ nghĩa đế quốc mà còn là lâu đài qui tụ lập trường chuyên chính và chống đối dân chủ. Trong giai cấp trung lưu Mễ Tây Cơ, đất đai nuôi dưỡng lãnh tụ của chúng tôi, xuất hiện hợp chất đặc biệt. Đó là tình cảm bảo thủ của người Mễ hoàn toàn mang dòng máu Tây Ban Nha - chúng tôi gọi là *criollo* (da trắng sinh ở thuộc địa) - ở thế kỷ XIX pha lẫn với ý thức hệ chống đế quốc phổ biến rộng rãi ở thế kỷ XX... Niềm tin vào truyền thống, con đẻ của giai cấp thượng lưu *criollo*, là nền móng tâm lý vô ý thức và nguồn suối tiềm ẩn của ý thức hệ chuyên chế kiểu mới nhiều nhà trí thức, nhiều nhà chính trị Mễ đã cổ súy, rao giảng.

Kể cũng không quá đáng khi nói thái độ của Hoa Kỳ đối với Mễ Tây Cơ thường nhuộm mùi ngu muội và phảng phất hương vị cao ngạo. Cũng có vài ngoại lệ. Cần kể số người sáng suốt, quảng giao trong số thi sĩ, sử gia, giáo sư, nhà văn hóa, nhà khoa học. Trừ Washington, chưa có người nào trong đám này ảnh hưởng đáng kể tới ý kiến nhân dân. Thật là đáng tiếc. Duy trì mãi thái độ như thế đã và sẽ tiếp tục gây tai hại cho Hoa Kỳ và toàn thể lục địa. Điển hình là trường hợp Fidel Castro, Hoa Thịnh Đốn đã đẩy về phe Mác Tư Khoa (hoặc ít nhất đối với ông này Hoa Kỳ nại có lẽ đã rơi vào tay Sô Viết). Chẳng cần bắn phát súng nào Liên Bang Sô Viết vẫn sở đắc cái mà Napoléon III ở thế kỷ XIX và Wilhelm II ở thế kỷ XX muốn mà không thể được: căn cứ quân sự và địa bàn chính trị tại châu Mỹ.

Sự hiện diện của Liên Sô tại Cuba có nghĩa là chủ nghĩa Monroe đã cáo chung, cũng như ở thế kỷ XVI, XVII lục địa của chúng ta trở thành sân khấu để mấy siêu cường tranh giành ngôi bá chủ. Trục diện với tình huống mới, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã cố gắng phác họa, tô hồng chuốt lục chính sách mới về châu Mỹ la-tinh; họ chỉ thành công trong việc lập lại lối mòn cũ mà thôi. Tuy nhiên, dù nhìn theo chiều hướng khác, cũng nên gửi nhận định này đến người chống đế quốc ở châu Mỹ la-tinh. Tám gương nước Cuba dưới quyền Castro, bây giờ là nước xã hội chủ nghĩa gồm nhiều trại binh đúng như Engels đã gọi nước Đức thời Bismarck trước kia, phải nương tựa vào Mác Tư Khoa hơn là Batista trao thân gửi phận cho Hoa Thịnh Đốn, khiến ta phải mở mắt mà nhìn.

Giai đoạn sáng suốt nhất trong mối bang giao Mễ Tây Cơ-Hoa Kỳ là thời Tổng thống F. D. Roosevelt (1933-45) và Tổng thống Lázaro Cárdenas (1934-40). Lúc đó, ở Mễ Tây Cơ có nhiều thay đổi xã hội lớn lao, song chính phủ Hợp chúng quốc vẫn tôn trọng đầu đôi khi cảm thấy khó chịu, bức bối. Đóng góp vào hòa điệu này là quan điểm đồng nhất về tình hình quốc tế: đối với hai Tổng thống việc bảo vệ dân chủ chống lại Hitler và Mussolini là cơ bản. Ngày nay hoàn cảnh đã khác xa. Tuy nhiên, nguyên tắc theo đó xây dựng mối quan hệ tốt đẹp vẫn áp dụng: tôn trọng độc lập của Mễ Tây Cơ, chấp nhận khác biệt về quan điểm chính trị, khác biệt cần thiết và hầu như lành mạnh, cả hai đều đề cao bảo vệ dân chủ.

Tân Tổng thống Mễ Tây Cơ được bầu với đa số qua cuộc bầu cử trong sạch. Ông còn trẻ; quanh ông là phụ tá cũng trẻ. Hầu như tất cả, kể cả ông, đều đã du học tại Hoa Kỳ; họ có kinh nghiệm trực tiếp với lối sống Mỹ. Yếu tố vừa kể sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối thoại. Tuy nhiên, Hoa Kỳ chẳng nên tìm kiếm hoặc hy vọng thái độ ngoan ngoãn, dễ bảo, dễ dạy mà nên kiếm tìm cách thức hoặc xây dựng thái độ hiểu biết về Mễ Tây Cơ và thái độ tôn trọng nền độc lập của dân tộc này. ■

OCTAVIO PAZ (1914-1998)

SONG HỒ

Octavio Paz, nhà thơ, nhà viết tiểu luận hàng đầu của Mỹ, một trong số ít người nổi tiếng nhất trong giới văn chương của nửa chót thế kỷ này, đã qua đời tại Mexico City ngày 19 tháng 4-1998, hưởng thọ 84 tuổi.

Nhiều nhà chính trị, trí thức và doanh thương tên tuổi đã đi sau quan tài có phủ quốc kỳ Mỹ của Octavio Paz, mà nhà sử học Enrique Krauze mô tả: "người thợ mỏ của tâm hồn người Mỹ" (*a miner of the Mexican Soul*).

Nguyên nhân về cái chết của Octavio Paz không được cho biết, nhưng ông đã bị đau ốm trong nhiều năm qua "sự đau ốm kéo dài và khốn khổ", được coi như là chứng bệnh ung thư.

Tác phẩm của Octavio Paz đã được viết ra ngoài tầm đất nước quê hương ông. Đó là những vấn đề và sự phản ánh của nó về văn hóa do nhiều năm ông sống ở nước ngoài. Trọn đời, ông đã viết được 40 tập về thi ca và tiểu luận. Một số trong các tác phẩm này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Trong dịp trao giải thưởng Nobel về Văn Chương năm 1990, Hàn lâm viện Thụy Điển đã xưng tụng tác phẩm của ông: "chứa đựng sự khoáng cảm say mê của những chân trời mở rộng, có tính chất thông minh sâu sắc và hoàn toàn nhân bản" (*impassioned writing with wide horizons, characterized by sensuous intelligence and humanistic integrity*). Hàn lâm viện cũng đã trích một đoạn thơ của ông đưa ra làm dẫn chứng và coi như là một tín hiệu về văn chương:

Giữa điều tôi thấy và điều tôi nói
Giữa điều tôi nói và điều tôi im lặng
Giữa điều tôi im lặng
và điều tôi mơ mộng
Giữa điều tôi mơ mộng
và điều tôi quên:
Thơ

Between what I see and what I say
Between what I say and what I keep silent
Between what I keep silent and what I dream
Between what I dream and what I forget:
Poetry.

Paz đã được mời làm giảng sư đại học Texas về ngôn ngữ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong vòng 6 tháng vào năm 1969-70. Vào năm 1986 ông lại đến Texas một lần nữa. Lần này ông có thăm viếng Austin - thủ phủ của Texas - để họp mặt với các nhà thơ, thuyết trình và đọc thơ cho các sinh



Nhà thơ Octavio Paz

viên.

Octavio Paz lớn lên ở Mexico City. Cha ông là thư ký cho Emiliano Zapata một nông dân lãnh đạo cuộc cách mạng 1910-20. Khi Zapata bị giết chết năm 1919, gia đình Paz phải lưu vong một thời gian ngắn tại Los Angeles.

Trở về Mexico, ông cho in tập thơ đầu, khi đó mới 16 tuổi, và năm sau in cuốn tiểu luận.

Trong thời gian ở đại học, Paz thành hôn với nữ văn sĩ Elena Garro. Cuộc hôn phối này sinh ra một bé gái, Helena. Cuộc hôn phối này tan vỡ sau 20 năm chung sống. Năm 1966, Paz cưới người vợ thứ hai tên là Marie-José Tramini.

Octavio Paz từng sang Tây Ban Nha gia nhập lực lượng chiến đấu Cộng Hòa chống lại phe cánh hữu của tướng Franco trong cuộc nội chiến của xứ này. Ở đây ông cương quyết đòi ra chiến trường, nhưng không bao giờ được cấp súng, bởi vì sự ủy nhiệm ngoại giao của cánh tả.

Về sau Paz làm việc cho Bộ Ngoại Giao Mexico ở Pháp, Nhật Bản và Hiệp Chúng Quốc. Trong năm 1968, ông từ chức Đại Sứ tại Ấn Độ để phản đối cuộc tấn công đẫm máu của quân đội Mexico vào các sinh viên biểu tình tại công trường Tlatelolco ở Mexico City.

Octavio Paz từng cho biết thời gian đau ốm lâu dài đã cho ông dịp suy nghĩ và phản ánh về cái chết.

"Nếu người ta chết đi nên để lại sự tươi cười" - Paz nói hồi tháng 11 năm ngoái -

"Với những người khởi xướng về diêm chết chóc, họ không biết tươi cười như thế nào. Tôi muốn nói rằng họ không học được nghệ thuật chết, mà về sự tươi cười".

Trong thời điểm 1990, Paz rất buồn rầu về những điều xảy ra trên thế giới. Năm 1994 ông nói với một nhà phỏng vấn rằng Mexico đã bị "kết án" về sự đổi mới, và ông kết luận: Hãy nhìn về Hiệp Chúng Quốc, Âu Châu và Nhật Bản. Đổi mới không phải là một giáng phước. Nó là một loại địa ngục máy lạnh" (*Modernization is not a benediction. But is a kind of air conditioned hell*).

Và để viết, Octavio Paz đã tìm ra một tiến trình "lời nguyền" (*a curse*). Nhưng trong các ngôn từ trên trang giấy, người ta đã đọc thấy một lời ông nói: "Viết là một ân phước" (*Writing is a blessing*).

Làm thơ, nghị luận và suy nghĩ về đời sống, cái chết và Ân Phước. Octavio Paz là nhà thơ, nhà tư tưởng và cũng là nhà đạo đức nữa. Ông mất đi để lại cho đời nhiều sự quý báu và niềm xúc động vô cùng thương tiếc.

II.

Văn hóa Mexico từ xưa đến nay vẫn có những nét đặc thù riêng làm cho thế giới chú ý. Và ngày nay nét đặc thù đó đã phát hiện một cách rõ rệt và rộng lớn về văn chương. Đó là trường hợp nhà thơ Octavio Paz được trao giải thưởng Văn Chương Nobel 1990.

Ngày 9-10-1990 Hàn Lâm Viện Thụy Điển công bố giải thưởng Nobel về Thi Ca năm nay được trao cho nhà thơ và cũng là nhà Tiểu Luận Văn Học Mexico với lời ca tụng: "Tác phẩm của ông chứa đựng sự khoáng cảm, mang tính chất thông minh sâu sắc và hoàn toàn nhân bản" (*His impassioned writing characterized by sensuous intelligence and humanistic integrity*).

Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã chọn ông qua một danh sách những người vào chung kết như Milan Kundera, Nadine Gordimer, Gunther Grass và Carlos Fuentes. Không như những lần trước, lần này tên ông dính vào bảng danh dự.

Octavio Paz có một đời sống song song tình cảm và lý trí, thơ và tiểu luận. Nó như một căn bản nhị nguyên của đời sống (*a dual life*). Bởi vì thơ ông mơ mộng, văn của

ông sắc bén. Đối với Paz giải thưởng này đến với ông hơi trễ, khi đã 76 tuổi, vì thơ văn ông đã nổi tiếng từ lâu, nhất là tính chất nhân bản trong tác phẩm.

Octavio Paz sinh năm 1914. Ông ra đời đúng lúc khởi đầu của Đệ Nhất Thế Chiến và cũng vì thế mà ông không thích chiến tranh và thấy chiến tranh phi lý - Điều này ông có nhắc đến trong bài diễn từ đọc tại Stockholm khi nhận giải thưởng. Ông nói: "Năm tôi sáu tuổi, một người chị họ lớn hơn tôi một chút đã đưa cho tôi một tờ tạp chí xuất bản ở Bắc Mỹ có in hình một đám lính tráng đang diễn hành trên một đại lộ - đó có thể là thành phố New York. Người chị nói với tôi rằng: "Họ vừa đi lính đánh giặc về đây". Các năm chữ này làm tôi bối rối, tưởng chừng như chúng báo hiệu ngày Tân Thế, hoặc ngày trở lại của Chúa Kitô".

Vì trưởng thành trong một gia đình trí thức cấp tiến nên ông học sớm và mau chóng phát triển sự thông minh. Ông làm thơ từ lúc 13 tuổi và có tác phẩm đầu xuất bản khi còn là vị thành niên. Tới nay (LTS: lúc bài này được viết) ông đã cho in tới 30 cuốn về tiểu luận. Paz cũng là một nhà bình luận chính trị nổi tiếng. Ông đã theo học Luật và Triết, tham gia vào cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha và sau đó là một nhà ngoại giao.

Cái đi sẵn văn hóa của Mexico mà Octavio Paz hấp thụ được đã làm cho tài năng của ông nảy nở, quốc tế sống sót. Với sự phối hợp nền văn hóa của Tây Ban Nha và Ấn Độ của tổ tiên, Paz đã tự tạo dựng cho quê hương mình một nền văn hóa hòa hợp giữa Âu Châu và Đông Á. Trong thơ của Paz có sự liên hệ huyền bí cổ kính của Hy Lạp và Phật Giáo cũng như có sự ẩn hiện trong truyền thuyết của Aztec (1).

Nhà thơ Mexico này cũng đã sống nhiều năm ở Pháp. Ông rất thân thiết với Albert Camus. Trong thơ ông thấy phát xuất căn bản từ phong trào Siêu Thực (Surrealism) của Âu Châu, và ông cũng đã viết rất nhiều bài tiểu luận về Marcel Duchamp, người họa sĩ theo trường phái dada có nhiều ảnh hưởng. Paz cũng đã phụng sự văn học Mỹ Châu La Tinh qua sự hướng dẫn ý tưởng của người Âu Châu. Ông cũng còn khám phá ra cái đi sẵn của một người Mexico và một người Mỹ Châu La Tinh qua tác phẩm MÊ LỘ CỦA CÔ TỊCH (THE LABYRINTH OF SOLITUDE (1950), một sự kiểm tra hùng biện về lịch sử thuộc địa hỗn loạn của quê hương ông và cuộc chiến đấu cho đổi mới của nó. Paz cũng đã tự hiến mình cho việc phân tích một cách uyển bác về một nhà thơ lớn nhất của Mexico Sor Juana de la Cruz vào năm 1982. Trong phần tiểu sử, ông trình bày làm thế nào mà người gái quê đã trở nên người hướng dẫn ngôn ngữ Tây Ban Nha vào thế kỷ thứ 17.

Trong sáng tác "Sunstone" một bài thơ ông viết vào năm 1957- có đoạn như sau:

Mary, Persephone, Heloise, chỉ cho tôi
Bộ mặt của anh mà tôi có thể nhìn lần cuối
Bộ mặt thật của tôi, của một người khác
Bộ mặt của tôi mãi mãi bộ mặt của chúng ta
Mặt của cây, của người làm bánh mì
Mặt của người lái xe, của đám mây,
của thủy thủ
Mặt của mặt trời của con suối
Mặt của Peter, và Paul, mặt
của đám đông khổ hạnh này,
đánh thức tôi dậy
Tôi đã được sinh ra



HUY TRÂM

HOA CHANH

Tình yêu liền với tình thương
Ấy điều muôn thuở trên đường nhân sinh
Nếu em yêu chỉ biết mình
Là ôm lửa đục là hành lấy em

Yêu là cái ngã biết quên
Biết chia biết sẻ nỗi niềm nông sâu
Khoan dung đến tự thương nhau
Nước trong cá chết nắng lâu khô đồng

Làm sao đẹp dáng đẹp lòng
Hoa chanh hương mát
vườn trong ngõ ngoài

HUỲNH LIỄU NGẠN

NGƯỜI ĐI

Người đi như thể trăng chìm
Qua sông đợi bóng gió tìm ngọn cây
Tôi xin thêm chút hao gầy
Góp trăm năm một góc đầy nhớ thương

Người đi hoài vọng tơ vương
Hỏi xin mộng có vô thường tay đan
Người đi gió núi mưa ngàn
Buồn trông tiếng gọi âm vang cuối trời

Người đi hư huyền xa vời
Biết về đâu tiếng với lời về đâu
Có nghe thiên cổ bạc đầu
Mà hư không vẫn mối sầu thiên thu

Người đi người đi sương mù
Lòng anh trôi hết mùa thu cuối cùng
16/2/98

BÙI NGỌC TUẤN

SẦU TƯƠNG TƯ

Nhớ em ngày tháng đợi chờ
Chiều nghiêng bãi vắng
nắng mờ vườn không
Sầu ca nửa khúc tơ chùng
Cảnh vừa động lá gió ngừng nơi đâu

Nhớ em tựa má, ấp đầu
Lời chưa tỏ ý đã sầu chia tay
Nhớ em chờ tháng mong ngày
Đường xa nghìn dặm phương này lẻ loi

Cách xa chi để ngậm ngùi
Để thời gian xóa mờ đời thanh xuân
Trần gian chỉ ghé một lần
Nửa đời chờ vẫn chưa gần nhau sao

Tương tư vọng mãi phương nào
Dài đêm chi để mòn hao tuổi đời

HỒ TUẤN NHÃ

ĐẸP XƯA

Chút xưa còn sót trong thơ
Tiếng thoi em dệt đường tơ lụa nhà,
Biên thùy vó ngựa mù xa,
Mây bay quan ải trắng tà phòng khuê.

Rêu phong mờ nhạt nắng chiều,
Hồn thu thảo mộng nét điêu hiu tranh.
Buồn vương sương khói ngọn cành.
Gót thiên cổ động
bóng thành quách xưa...

TRẦN LỘC

ƯỚT MI

Như gió núi cả trăm năm dồn lại
Thổi bạt ta về tận đáy trời quên
Một nốt nhạc vỡ toang ngàn quá khứ
Theo trăm mơ về đọng cuối mi em

HẸN

Ta hẹn em nơi góc soạn thứ chín
Đếm từ góc chùa, bên trái bờ sông
Sợ ta lạc, em mang son môi tím
Vẽ lên cây tên tắt giữa hình tim...

HOÀNG HUY KHÁNH

THUỞ BAN ĐẦU

Thở nào mình mới yêu nhau
Ngập ngừng ngõ trước, ngõ sau vội vàng
Bên em nắng xuống nhẹ nhàng
Anh bên này đứng trông sang bồi hồi.

Yêu em, hờ nửa môi cười
Yêu anh vốn dĩ là người hay mơ
Áo em rực nắng ban trưa
Đường về lấm tấm cơn mưa buổi chiều

Anh ra ngõ đứng nhìn theo
Mùa vui chợt cũng xanh rêu bao giờ.

PHỐ XƯA

Về đây giữa phố năm xưa,
Đứng ngơ ngác ngóng trong mưa
dáng người.
Thăm đau nỗi cách ngăn đời
Hai bên đường lá me rơi rụng sầu.



HOÀNG XUÂN SƠN

ĐÊM BIỂN OÀN

Đêm cuộn gập phà hơi thở nóng
Đứng cợ ngoài trời men lãng xa
Trăm vòng ẩn hiện nghìn tâm điểm
Nhường một con người thấy lại nhà

Thấy là hoặc mình kính phản hậu
Lầm bầm tay gõ nhịp xàng xê
Hát hồng hồng dài dăm phố hội
Thì cứ khi đi cũng có về

Có lúc kẻ cà hương lân cận
Vừa lã la mà thoát chạy dẫu?
Đeo vật cứng mà lung ảo tượng
Dài kẻ, đêm gối mộng tình sâu

Ga gắm bốn bề sương hui quanh
Gầy nhom gáy ngựa tóc đường khuya
Đá tạt đời đi không ngã giá
Vận tốc hừng lên mắng gió đùa

Trời cao gương thấp buồn sa ngã
Ru mỗi tâm thần phách trống trơn
Lũn thủ đất liền neo tình hẹp
Không mở lòng ra biển oán hờn.

TRẦN QUỐC BÌNH

TAN TẮC

Thùng thăng mà đi
Việc gì phải chạy
Lúc tan cuộc
Hải hùng biết mấy
Chẳng lạc lòng
chạy vạy
kêu than,
Bây giờ chim đã về ngàn
Có cây để đậu, có đàn để bay
Cớ sao vội vã tan bầy
Để chim xa tổ, để cây lìa rừng
Bao giờ mưa tạnh gió ngừng
Bấy giờ mới thấy lại vừng thái dương,

Cây đa đã mọc bên đường
Xum xuê cũng chỉ là thường tình thôi

Cây đa dầu mọc trên đồi
Cao sang cũng chỉ để ngồi nghĩ chân

Cây đa phải mọc trước sân
Giữa làng hay chốn đình thần mới nên.

(Mary, Persophone, Heloise, show me
Your face that I may see at last
My true face, that of another
May face forever the face of us all
Face of the tree and the baker of bread
Face of the driver and the cloud
and the sailor

Face of the sun and the stream
Face of Peter and Paul, face
of this crowd of hermits, wake me up
I've already been born)

Chính trị cũng đã lôi cuốn ông một cách mạnh mẽ. Vào năm 1943, nhà thơ Mexico này đã gia nhập ngoại giao đoàn và trên mười năm liên tiếp, ông đã phụng sự xứ sở như một vị sứ thần tại Pháp, Thụy Sĩ, Nhật Bản và Ấn Độ. Cũng trong thời gian này ông đã lên tiếng chỉ trích quyền độc đảng của xứ sở ông. Năm 1968, ông từ chức để phản đối chính quyền Mexico đàn áp đẫm máu sinh viên biểu tình tại thành phố Mexico trong kỳ Thế Vận Hội Olympic Mùa Hè.

Đọc thơ văn của Octavio Paz nhiều nhà phê bình cho rằng xu hướng chính trị và thi ca của ông hòa hợp với nhau tự nhiên và không thể tách rời nhau ra được, giống như một số người khác đã làm, như Dante, Milton và Eliot trong những thế kỷ trước. Ông đã một lần nói với ký giả rằng: "Tôi thấy chính mình giống như là một thi sĩ, nhưng tôi thuộc vào một truyền thống đặc biệt của Văn chương Tây phương... Dante có những tư tưởng chính trị rất rõ rệt và ông ta là một mẫu mực". (I see myself as a Poet, but I belong to a special tradition of Western literature... Dante had very clear political ideas, and he is a model).

Một dịp khác Paz cũng đã nói: "Ngôn ngữ là tài sản chung... Một nhà văn là một người bảo vệ ngôn ngữ, là một người bảo vệ ngôn ngữ nghĩa là anh phải nghĩ và nói chính xác. (Language is a common property... a writer is only the guard of language. To be a guard of language means you must think, talk with precision).

Ông cũng đã một lần phủ nhận sự phân loại ông giống như một nhà chính trị cánh hữu hoặc một nhà chính trị cánh tả, nhưng ông cương quyết nhấn mạnh vai trò của mình như có một sứ mạng riêng là một nhà quan sát xã hội và phê bình. Trong năm 1979, trả lời cuộc phỏng vấn của một ký giả ông đã nhìn nhận rằng: như là một thanh niên, ông đã nuôi dưỡng một châm ngôn của André Gide cho riêng mình. Đó là câu: "Nhà văn phải học bơi ngược trào lưu" (The writer must learn to swim against the tide). Và hiển nhiên câu châm ngôn đó đã và đang hướng dẫn cuộc đời cầm bút của ông.

Đã một lần ông nói trước đám đông trong một phòng họp rằng: "Xã hội chúng ta cần sự phê bình. Đặc biệt lúc này... đặc biệt khi chúng ta nhìn thấy những xu hướng nghiêng về quốc gia chủ nghĩa, nguyên tắc chủ nghĩa và cuồng tín chủ nghĩa trên thế giới. (Our society needs criticism. Especially now... specially when we see trends toward nationalism, fundamentalism and fanaticism in the world).

Ngoài sự hiểu biết rộng rãi về văn hóa đông tây, kim cổ, ông còn tường tận về lịch sử, chính trị và xã hội. Thơ văn ông được rất nhiều độc giả Bắc Mỹ và Âu Châu ngưỡng mộ. Trái lại tại quê hương ông thì người dân Mexico lại quen thuộc với khuôn mặt của ông nhiều hơn. Cũng bởi thế ấy rất dễ dàng đóng vai trò một nhà thông thái hay một

phát ngôn viên giữa nơi công cộng.

Nhìn qua trường hợp nhà thơ Mexico Octavio Paz người ta thấy một phương thức xưa nay một số nhà làm văn chương theo đuổi. Đó là làm nhà văn cần phải có thái độ chính trị rõ rệt. Thái độ đó phải chính xác, rộng lớn và nhân bản.

Thái độ nhà văn thường là đi ngược với thái độ của nhà chính trị. Vì nhà chính trị chủ quan và nhà văn khách quan. Nhà làm chính trị thường bị quyền lực làm say mê và nhầm lẫn. Nhà văn thường không thích quyền lực vì quyền lực thường vi phạm vào con người, thường nhầm mất bước lên thân xác con người để đạt mục đích. Thái độ đó phân tách rời ra thì thành đối lập. Nhưng nếu tập trung vào một con người thì nó trở nên "điều hòa" hơn, chính xác hơn và có giới hạn hơn.

Tuy nhiên xưa nay hai miền Đông Tây đi tìm chân lý thường với hai phương thức khác nhau. Phương Tây nhìn vào tổng quát, đại thể. Phương Đông nhìn vào chi tiết, cội rễ. Phương Tây tìm sự tuyệt đối. Phương Đông tìm sự tương đối. Hai phương thức này tưởng như khác biệt nhau, chống đối nhau, nhưng thực sự nó hỗ trợ nhau làm cho chân lý có giá trị đích thực của nó và trở nên phong phú.

Bơi ngược trào lưu để phô diễn tài năng của mình trước sóng gió làm cho mình tự tìm thấy những cảm giác thích thú hay người khác ngoạn mục, đó cũng là một điều hay. Nhưng Bơi ngược trào lưu để cứu sống những nạn nhân đang đi sóng gió xô đẩy và chôn lấp thì đó không phải là hành động phô diễn mà là sự tự nguyện hy sinh, vị tha với người khác. Octavio Paz đã chọn con đường thứ hai này. Con đường Nhân Bản mà ông theo đuổi. Và chủ thuyết này khởi đầu với quan niệm phục vụ đa số con người nhưng thực sự là thiểu số - một con người - từng con người một - không thể thiếu sót một người nào - trước sự chà đạp bất công, tàn bạo, và phi nhân của đa số hoặc thiểu số.

Vinh dự thay cho Octavio Paz, người được trao tặng giải thưởng văn chương Nobel và ông thật xứng đáng nhận giải thưởng này. Cũng can đảm thay, con đường văn chương mà Octavio theo đuổi, với bao nguy hiểm, thử thách trôi qua.

Tiếp nhận kho tàng văn hóa Đông Tây kim cổ mà không bị ứ đọng, ngộp thở, hay chôn vùi... để làm phong phú cho xứ sở mình. Và cũng không bị công danh tiền bạc, phù phiếm của đời sống mua chuộc lôi cuốn để làm lãng quên cội rễ là quê hương đất nước. Octavio Paz một cái tên đáng yêu - Một bông hoa rực rỡ của Mexico và cũng của cả thế giới. Mexico! Quê hương người thực điểm phúc! ■

Houston 10-9-1991

(1) Aztec thổ dân Mexico có một nền văn minh lâu đời trước khi bị Hernando Cortes (1845-1547) nhà thám hiểm Tây Ban Nha đến xâm chiếm vào năm 1519.

đón đọc Khởi Hành số tới:

**CHIÊU NIỆM NHÀ VĂN
NGUYỄN MẠNH CÔN**

TRÊN CẢ YÊU ĐƯƠNG

ĐÀM TRUNG PHÁP

O. PAZ: LỐI NÀO ĐƯA TA RA KHỎI MÊ LỘ CỦA CÔ ĐƠN?

Giáo sư Đàm Trung Pháp hiện dạy ngôn ngữ học (linguistics) tại The University of Texas tại Dallas và là giám đốc chương trình ngôn ngữ thế giới (world languages) của Khu Học Chánh Dallas.

Ngày 19 tháng 4 vừa qua, Mễ Tây Cơ mất đi một văn nhân lấy lòng và nhân loại mất đi một triết gia nhân bản xuất chúng. Octavio Paz là một nhà thơ kiêm nhà văn nghị luận nổi danh thế giới, đã cho xuất bản trên 20 tập thơ và trên 20 tập nghị luận về văn học, nhân chủng học, và sử học. Vì những công trình đồ sộ ấy, ông đã được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1990.

Mặc dù được coi là vì sao sáng nhất trong giới trí thức Mỹ Châu La Tinh, Octavio Paz hãnh diện hơn cả trong vai trò thi nhân. Ông dành cho thi ca một sứ mệnh thực đặc biệt đối với nhân sinh. Theo ông, làm thơ và đọc thơ là những đóng góp vào việc chấn hưng nhân loại. Thi ca có thể làm nhẹ đi niềm cô quạnh trí tuệ loài người bằng cách chia sẻ kinh nghiệm sự hợp nhất, thoát khỏi móng vuốt của thời gian, lịch sử, và mối bất hòa.

Nhiều nền văn hóa và văn học đã ảnh hưởng đến thi ca Octavio Paz. Nào là di sản văn hóa của một Mễ Tây Cơ thời tiền-Kha Luân Bố và thời làm thuộc địa Tây Ban Nha, nào là trường phái Siêu thực của André Breton và những tác phẩm thuộc trường phái Tượng trưng của Stéphane Mallarmé, nào là triết lý Á Đông. Ngay trong buổi đầu thi nghiệp, Paz đã cho rằng những giá trị thi ca phải được sống thực, phải ra mang ra áp dụng ngoài đời. Ông đã gặp gỡ nhiều thi sĩ trong chuyến viếng thăm Tây Ban Nha lần đầu vào năm 1937. Nơi đây ông đã trực tiếp quan sát tác dụng chấn hưng tinh thần của thi ca trong hàng ngũ quân đội của nước cộng hòa này đang chống lại lực lượng "phát xít" của Tướng Franco. Sự thắng thế của Franco khiến Paz thấy chánh trị không thể ngăn chặn sự bành trướng của điều xấu trên thế giới, và ông xác quyết vai trò của nhà thơ là phải nhắc nhở các độc giả về những giá trị nội tâm của yêu thương, cảm thông, đoàn kết là những giá trị vô cùng quan yếu trong một thế giới thống trị bởi chiến tranh, thù oán, và chết chóc.

Niềm tin này càng lớn hơn sau thế chiến thứ hai, khi Octavio Paz trở thành thân hữu của một người Pháp đã sáng lập ra trường phái Siêu thực, André Breton. Trường phái Siêu thực tin tưởng thi ca có thể tái lập được "nét ngây thơ cổ sơ của nhân loại" (la inocencia primordial de la humanidad) bằng cách mời người làm thơ cũng như người thưởng thức thơ thực hiện một cuộc "kết hợp ngắt gãy" (una unión extática) với "phía kia" (lo otro) có thể là đàn bà, thiên nhiên, hoặc ngôn ngữ, để giải thoát khỏi mối bất hòa, khỏi sự hủ hóa của thế gian.

Một trong những bài thơ đầu tiên của Paz mang tên *Más allá del amor* (Trên cả yêu đương) phản ánh trọn vẹn cái triết lý siêu thực

ấy. Trong bài thơ tự do này, (được chuyển ngữ toàn bài sau đây), thi nhân mời một phụ nữ đi trốn với chàng đến một cõi thoát khỏi thời gian và sự phân cách nhị nguyên (dualidad) giữa bản thân và người khác. Chàng nhắc nhở nàng thuộc ban đêm, không biên giới, và nàng có thể giúp thi nhân vượt thoát sự xa lánh nhau (alienación) để tới "một đời sống hơn đời sống" (una vida más vida) bằng cách kết hợp làm một với chàng:

*Mọi sự đe dọa chúng mình:
thời gian cắt đời anh thành từng khúc
quá khứ của anh,
tách khỏi tương lai,
như lưỡi mã tấu lên trên rắn độc;
tri thức, ảo ảnh
cái vẻ mù lòa mình ngấm mình;
lời nói, gắng tay, bụi tình thần
trên cỏ, nước, đá;
tên chúng mình, nhấp nhô
giữa anh và em,
những bức tường trống rỗng
không trống kèn nào hạ nổi.*

*Cả những giấc mơ với hình thù
con người vỡ vụn
lẫn mê xảng và bọt nước tiên tri
lẫn tình yêu với móng
và răng, vẫn chưa đủ.
Trên cả chúng mình,
trên biên thù của hiện hữu
và thời gian,
một đời sống hơn đời sống
đang mời gọi.*

*Ngoài kia ban đêm đang thở, phồng ra,
đẩy những lá lớn, và nóng,
những gương soi trần chiến;
trái cây, móng vuốt, mắt, cành lá,
lương lóng lánh,
thân người lách giữa thân người.*

*Hãy nằm xuống đây bên lề bọt nước,
đời sống lãng quên và dâng hiến:
em cũng thuộc về đêm đầy nhé.
Ruối thẳng ra, trắng nuốt nà,
hơi thở hỗn hển, ôi ánh sao chia cắt,
ly rượu,
bánh mì lệch cán cân
ngiên tới bình minh,
ngừng dòng máu từ cõi này
sang cõi khác
chẳng đo lường.*

Bài thơ 584 dòng mang tên *Piedra de sol* (Đá mặt trời) xuất bản năm 1957 thường được coi là bài thơ quan trọng nhất của Paz. Với chủ đích gọi lên "một hiện tại vĩnh cửu", bài thơ đề cập tới một chu kỳ toàn vẹn của thời gian chế ngự bởi sự xa lánh và những

khủng khiếp của lịch sử. Qua sự "can thiệp" của phái đẹp, thi nhân từng định kỳ đã thoát khỏi chấn chường nhờ vào những giây phút ái ngại ngắt.

Trong thời gian làm đại sứ Mễ Tây Cơ tại Ấn Độ (1962-1968), Paz bắt đầu đưa triết lý Phật giáo và tư tưởng của Stéphane Mallarmé (một thủ lĩnh môn phái Tượng trưng người Pháp) vào thơ. Hai nguồn tư tưởng này đều diệt ngã, coi ngã (ego) là căn nguyên của xa lánh và khổ đau. Paz coi việc làm thơ như một tiến trình khổ tu, trong đó thi nhân biến mất để cho thơ hiện nguyên hình trên trang giấy trắng. Hai tập thơ BLANCO (MÀU TRẮNG) viết năm 1967 và LADERA ESTE (SUỐN ĐỐI PHƯƠNG ĐÔNG) viết năm 1969 lần lượt đề cập đến tư tưởng Phật giáo và triết lý Ấn Độ.

Paz từ chức đại sứ năm 1968 để phản đối chính phủ của ông đã cho quân đội đàn áp và sát hại sinh viên biểu tình tại thủ đô nước Mễ. Trở về quê nhà sau nhiều năm vắng bóng, Paz thất vọng náo nức với thành phố thủ đô bành trướng vô trật tự, và đó là tâm tình của ông gửi gắm trong bài thơ *Vuelta* (Trở về) xuất hiện năm 1976.

Mặc dù Paz nổi danh là một thi sĩ, cuốn sách nghị luận viết bằng văn xuôi mang tên MÊ LỘ CỦA CÔ ĐƠN (EL LABERINTO DE LA SOLEDAD) xuất bản năm 1950 có lẽ lại là tác phẩm được nhiều người đọc nhất và vì vậy có nhiều ảnh hưởng hơn bất cứ tác phẩm nào khác của ông. Mục đích của cuốn sách là cố gắng mô tả tâm tư của người dân Mễ.

Theo ông, khi người Tây Ban Nha với đầu óc thuộc địa sang chiếm đất của dân bản xứ (indios) chính là lúc nước Mễ trở thành cô lập và tự giấu mình sau những mặt nạ (máscaras). Khép kín, im hơi lặng tiếng, tôn vinh thái quá những đặc trưng của nam giới (machismo), bạo lực, tôn thờ sự chết, v.v... chỉ là những mặt nạ để người Mễ che giấu nỗi cô đơn lịch sử của họ.

Paz cũng tin rằng nỗi cô đơn này đã trở thành đại đồng cho hiện tình nhân loại. Sự hiện hữu của các quốc gia kém mở mang và các chính thể độc tài trong thế kỷ 20 này, theo Paz, là chứng tích của một rối loạn xã hội, một dấu hiệu ngoại hình rõ rệt của cái mê lộ cô đơn ấy.

Paz trong cuốn MÊ LỘ CỦA CÔ ĐƠN là một hiền triết. Những năm sống ở Paris đã không cảm dỗ nổi ông rơi vào vòng tay hấp dẫn của triết lý hiện sinh của Jean-Paul Sartre. Paz cũng tránh không công bố một chủ nghĩa nào, mà chỉ đưa ra nhận định thâm sâu của một nhà thơ lấy lòng về một vấn đề lớn của nhân loại. Theo Paz, tất cả mọi người, giống như chính ông, phải hiểu vấn đề ấy, và qua sự ngập tràn yêu thương và sáng tạo, sẽ có ngày thấy thấp thoáng lối ra khỏi mê lộ của cô đơn. ■



Hồ Diệp lúc sinh thời ở Sài Gòn.

Từ 1954, những người từ Miền Bắc di cư vào Nam được thừa hưởng một ân sủng vô bờ. Đó là không những họ mang theo được khí hậu bốn mùa

*mình đi trăm núi nghìn sông
ngờ đâu mang cả lạnh lùng sang Nam*

mà còn mang theo cả phong hóa, cả tiếng nói, cả âm nhạc và giọng ngâm nữa.

Nếu trước 1954, những thiếu nữ khuê các có yêu thơ, cũng chỉ rứt rờ biên chép những vần thơ Xuân Diệu, Nguyễn Bính vào trong cuốn vở, dấu kín trong lần áo gối, nhẩn nha lẩm mẩm dám mở ra khe khẽ nhấm, kéo không bị cha mẹ đe là con gái học đòi lãng mạn; thì thế hệ như tôi, lớn lên ở miền Nam, không những được tự do chép thơ, mà - qua chương trình thi văn của các Đài Phát Thanh Saigon và Đài Phát Thanh

Quân Đội - còn được nghe ngâm thơ nữa. Đặc biệt, với ban Tao Đàn, thơ văn đến với những trái tim yêu thơ nhạc một cách tự nhiên. Tự nhiên như cơn mưa không báo trước của miền Nam, tự nhiên như trái vú sữa từ từ ửng tím trên cành, tự nhiên như nụ cười má lúm của cô thôn nữ người Nam hiếu khách, chân tình.

Trước 1954, ở miền Bắc, chỉ có âm nhạc cổ truyền như hát trống quân, hát ví, hát cò lả, hát quan họ, hát ru em ... được phổ biến. Sau 1954, ở miền Nam nở rộ một lối ngâm thơ mới, được gọi là "ngâm kiểu Tao Đàn". Mỗi tối thứ bảy, lúc 9 giờ, là lúc "đêm đêm người mở lòng ra, ru ta trong ...cõi mơ hồ". Có thể nói là với lối ngâm Tao Đàn, các nghệ sĩ không những đã rút hết ruột tằm, mà còn làm tròn một nhiệm vụ rất thiêng liêng là đưa thơ Việt tiếng Việt thên thang đi tới mọi ngả.

*Kìa ngọc gợn dư ba,
nhạc buồn mở cánh.*

*Niềm nhớ nhung nghìn thuở
biết thình không,*

*Gió động, hương tan,
sao nhòa, mây bạc.*

*Tiếng trăng buồn nức nở,
lệ tuôn dòng sông,*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Giọng nam của ban Tao Đàn, năm 1956, có Hoàng Thư, Quách Đàm, Tô Kiều Ngân, giọng nữ có Giáng Hương, Thái Hằng, Hồ Diệp. Mãi mãi về sau này, không có một ban văn nghệ nào gây được không khí chan chứa hồn thơ, và khiến thính giả ngất ngây yêu tiếng Việt và trân trọng những làn suối âm thanh đến vậy. Giọng Hoàng Thư trầm tĩnh mà rào rạt, giọng Quách Đàm hào sảng mà mệnh mông, giọng Tô Kiều Ngân man mác mà u hoài, giọng Giáng Hương yếu điệu mà chơi vơi, giọng Thái Hằng nhẹ nhàng mà tha thiết, giọng Hồ Diệp ngậm ngùi mà tan tã. Trong đêm tối, muôn dây tơ của không gian cũng im hơi, nhường cho tiếng sáo của Tô Kiều Ngân mở đầu chương trình với lời giới thiệu của thi sĩ Đinh Hùng: "Đây, Tao Đàn, tiếng nói của Thi Ca Miền Tự Do, do Đinh Hùng phụ trách". Lạ lùng thay tiếng sáo của Tô Kiều Ngân, run rẩy như gió chạm bờ lau, vang lên từ một bến sông hiu quạnh. Tiếng sáo xuôi dòng êm như lụa rồi mất hút trong đêm nhung Saigon kỳ diệu. Sau khi thi sĩ Đinh Hùng mất năm 1967, tiếng nói trầm ấm của ông vẫn mở đầu chương trình Tao Đàn, nhưng thính giả nghe dư thanh ấy với một nỗi ngậm ngùi, tiếc người tài hoa sớm mệnh bạc.

Viết bài này về Hồ Diệp, tôi không những chỉ muốn tạ ơn tất cả những người nghệ sĩ sáng tạo, đã cho cuộc đời những khoảng khắc nghe được những tâm tình vang động của chính mình; đã diễn đạt những cảm xúc, những tình cảm mà người thường không thể diễn đạt, mà còn muốn tạ ơn tất cả những nghệ sĩ trình diễn, là những người đã dự phần vào công trình làm phong phú ngôn ngữ Việt Nam, là những người đã biến lời thơ, giọng nhạc trên giấy trở thành hơi thở của đời sống.

Cô Hồ Diệp tên thật là Nguyễn thị Nhu. Tên Hồ Diệp, có nghĩa là bướm bướm, do thi sĩ Đinh Hùng đặt cho cô. Cô sinh năm 1930 tại làng Hiệp Lộc, thuộc tỉnh Sơn Tây, quê hương bát ngát hồn thơ của Tản Đà và Quang Dũng, nơi có sông Đáy trôi xuôi, có xứ Đoài mây trắng, có cuối xuân mây lạnh, có đầu hạ gió đùa, có tóc thơm hoa bưởi... Non nước ấy, cảnh ấy, người ấy chắc đã ảnh hưởng đến tâm hồn người thiếu nữ Sơn Tây nhiều lắm.

Theo cô Thái Hằng, người ca sĩ của ban hợp ca Thăng Long lừng danh một thuở, thì khi còn nhỏ Hồ Diệp là một cô bé rất xinh đẹp. Thái Hằng và Hồ Diệp có cùng một

HỒ ĐIỆP, CÁNH BƯỚM BÊN TRỜI

TRẦN THỊ VĨNH TƯỜNG

ông ngoại. Hồ Điệp lớn lên ở quê ngoại, còn Thái Hằng theo bố mẹ ra Hà Nội. Mỗi lần Thái Hằng về quê, Hồ Điệp chạy thật nhanh từ cổng nhà lên đến tận bờ đê đón các anh các chị vùi quâ Hà Nội. Rồi đám chị em chích chòe se se ấy riu rít chơi rã rãnh, chơi đi trốn đi tìm với nhau trong khu vườn vải um tùm. Thái Hằng còn nhớ Hồ Điệp có giọng cười trong như một giòng suối tinh khiết và đôi mắt rất đẹp, ngày đó chưa u uẩn và chưa buồn viễn xứ. Đến năm 1946, Thái Hằng theo gia đình đi kháng chiến, Hồ Điệp ở lại vùng Tề. Tự đó, hai chị em không gặp lại nhau cho đến khi vào Nam, tỷ muội lại trùng phùng, và cùng ngâm thơ cho ban Tao Đàn.

Giọng ngâm của Hồ Điệp nào nùng hơn ngày trước. Có thể cái đẹp ảo huyền đã khuất của quê ngoại và lòng chung thủy với nơi cố lý sau cuộc chia ly đứt ruột với miền Bắc thân yêu, đã khiến từ trái tim thốn thức của cô bật ra những giòng châu lệ. Thật vậy, giọng ngâm như của Hồ Điệp chỉ nở một lần trong vườn thơ. Thính giả yêu Hồ Điệp, vì cô không chỉ gửi gắm riêng nỗi đau của mình, mà còn của biết bao mảnh đời u sầu phiêu bạt khác.

Người ta yêu các giọng ngâm, cũng như yêu thơ văn, nhiều hay ít, chẳng phải là vấn đề để luận bàn. Yêu nhiều hay ít là tùy theo cảm quan, tâm tình, hoài niệm, tưởng tượng và cả những uẩn ức trong vô thức mỗi người. Đặc biệt với những người Bắc di cư, mỗi câu thơ mà Hồ Điệp ngâm lên, đều làm náo nức da người oan khổ ly hương về một thời yêu dấu đã qua của đất nghìn năm cũ.

Có ai kia ngăn được ngăn ngại khi nghe những nốt thơ Hồ Điệp rụng rơi trong đêm xanh:

*Sông Thương nước chảy đôi giòng,
Người về bên ấy chờ mong bên này*

thì chẳng phải chỉ nhớ sông Thương, mà thương nhớ tất cả những gì của quê hương tươi thắm ấy. Thương buổi sáng nắng vàng, thương buổi chiều rơm mới, thương buổi tối hoàng lan. Thương thu vàng biếc mùi hương cốm, thương đông về trắng gió mênh mang, thương hạ đỏ với hoa sấu rơi kín mặt đường, thương xuân hồng rạo rực lòng thiếu nữ.

Nghe giọng cô rưng rức, làm rung động từng chân tóc:

*Em ra bến nước trông về Bắc
Chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng*

trái tim cũng cõi nào cũng đập hệt đi một nhịp. Nhớ sao mà nhớ thế. Nhớ những tàu lá chuối non ầu yếm ồm nhau. Nhớ hoa

soan tím nhạt biêng biếc bầu trời. Nhớ bờ ao rụng đầy hoa khế. Nhớ những giọt nước mắt chia lìa của một triệu trái tim nghẹn ngào vượt giòng Bến Hải, để lại sau lưng Hà Nội ngơ ngác trông theo... Nhớ lại những gì tưởng là đã mất, hóa ra vẫn nường nấu trong hồn.

Trong mỗi con tim của những người Bắc Việt di cư vào Nam năm 1954, đều ẩn náu những thảm kịch của biệt ly. Bình thường không nghĩ đến thì thôi, nhưng hễ cứ nghe Hồ Điệp ngâm ngùi

*Mai chị về em gửi gì không
Mai chị về nhớ má em hồng
Đường đi không gió lòng sao lạnh
Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong*

là y như lòng thoát đau, mắt thoát cay như thể có ai lấy muối xát, nhớ lại những ngày luân lạc không chén ly bôi ấy. Người ngược Bắc, kẻ xuôi Nam. Chị em bùi ngùi chia tay, đi vài bước, lại dừng dằng ngoái trông nhau cho đến khi chỉ còn là hai bóng nầu non nhạt nhòa dần trong làn mưa mờ mịt... Không ai ngờ thân mình lại làm con dò một đi không bao giờ được quay về bến cũ mà ngâm câu "khúc hoàn ca rớm lệ".

Như tất cả những cô bé hồi đó, lúc nào tôi cũng tưởng tượng tất cả các văn nhân, nghệ sĩ là...không có thực. Chắc hẳn họ ở một nơi khác, bí mật và dị kỳ. Cuộc sống của họ phải rất khác thường, say mê và huyền hoặc, cho đến một ngày năm 1963, lúc đó tôi học lớp đệ tứ trường Trưng Vương. Chúng tôi rủ nhau học thi Trung học đệ nhất cấp nơi nhà một người bạn khu Tân Định. Đang học bài chợt nghe vì vu tiếng sáo. Tôi giật mình buông sách. Bạn tôi bảo đó là tiếng sáo của ông Nguyễn Đình Nghĩa đệm cho cô Hồ Điệp ngâm thơ. Từ đó chúng tôi hay thập thò trèo lên cây cao để lên nhìn cô.

Thính thoảng, Hồ Điệp hay ra quét vạt sân rụng đầy lá trứng cá. Cô hay mặc quần satin tuyết nhung, áo phin nồn trắng, gấu và cổ tay có thêu rua. Buổi tối đi hát, cô hay đeo kiềng vàng, mặc áo nhung đen rưng rức trơn một màu, không thêu, không vẽ. Cô choàng tấm khăn san mỏng, chân mang hài cong. Cô trang điểm rất ít, tóc búi cao hay quấn khăn vành dây. Cử chỉ cô cực kỳ khiêm cung, nhỏ nhẹ. Cô có cái đẹp cổ kính của một thực nữ cõi Bắc hà. Và đôi mắt ấy giờ đây rõ là "đôi mắt người Sơn Tây, u uẩn chiều luân lạc, buồn viễn xứ khôn nguôi".

Theo lời anh Nguyễn Quốc Quân, thứ

nam của cô Hồ Điệp, hiện đang ở tại San Jose, California, Hồ Điệp là một người mẹ dịu dàng, lo lắng cho con từng chút. Vào Nam được vài năm, cô lập gia đình với ông Chu văn Khuê, có thêm ba cô con gái. Thuở nhỏ Hồ Điệp không được học nhiều, vì theo quan niệm thời bấy giờ "học lắm chỉ tổ viết thư cho trai", nên cô chú tâm nhất vào việc dạy dỗ cho con ngoan ngoãn, học hành đến nơi đến chốn. Trời cũng chiều cô, nên mấy anh em chăm chỉ học hành, thương nhau đã đành, mà ông Khuê cũng rất mực thương yêu hai người con trai đầu của Hồ Điệp. Ngay cả khi cuộc sống lứa đôi này tan vỡ, tối tối hai cậu vẫn chạy đến nhà "ba Khuê" để ông kèm toán. Nuôi con đã vất vả, vậy mà cô vẫn nhẫn nại nuôi cả ba đứa cháu gọi bằng dì, từ lúc thơ ngây đến khi dựng vợ gả chồng.

Quỳnh Như và Hoàng Oanh, hai nghệ sĩ có mặt trong ban Tao Đàn vào những năm 1960, cũng có rất nhiều kỷ niệm với cô Hồ Điệp. Cả hai đều không hiểu sao cô rất thích những bài thơ rất buồn. Mỗi khi ngâm những bài như Khóc Người Trinh Nữ của Nguyễn Bính, Gửi Người Dưới Mộ của Đinh Hùng, Nhạc Sầu của Huy Cận... giọng cô lại càng thê lương, ảo não.

Sau 1975, tiếng ngâm của Hồ Điệp tắt lịm cùng với cái tang vĩ đại của đất nước. Một lần nữa, bóng nầu lại lao đảo dặt các con lên đường đi vùng kinh tế mới ở Bình Long, để đổi lấy lời hứa hẹn của chính quyền "thành phố" Hồ Chí Minh, hy vọng người con đầu là Nguyễn Năng Tiến, sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ được sớm "cải tạo" trở về. Mấy mẹ con cây sấu cuộc bầm ở Bình Long hai năm ròng rã, cũng chẳng thấy Tiến được thả, Hồ Điệp lại dặt các con trở lại Saigon. Những lần đi thăm nuôi Tiến, Hồ Điệp thoãn thoắt gánh hai gánh dây, đi mấy ngày đường mới đến được trại tù Bùi Gia Phúc ở Trảng Lớn, Tây Ninh. Đi bộ từ mờ sáng, đến chiều tối mới đến được cổng trại, thì vừa vận sụp tối. Hồ Điệp chỉ kịp nắm tay con trai một chút, là keng đã vang lên, báo hiệu giờ thăm chấm dứt. Thế là cô lại thăm thăm đường rừng, lội bộ trở lại bến xe đò.

Theo lời bà Hồ Liễu, một bạn thơ của cô Hồ Điệp từ năm 1979, thì lúc đó gia đình Hồ Điệp sống rất đạm bạc. Căn nhà ở Cầu Sắt Đa Kao đã bán. Mấy mẹ con phải tá túc hết nhà này qua nhà khác. Khi ở nhờ nhà bà Đinh Hùng, khi ở trong häng dẹt, khi ở nhờ nhà thi sĩ Tế Nhị. Mãi đến khi có một thính giả ở bên Pháp rất ái mộ cô, đã gửi về năm cây vàng để nhờ cô ngâm trọn cuốn Kiều của Nguyễn Du, cô mới thông thả đôi chút.



LÊ NGUYỄN

THÔI NHÉ, CHÀO NHAU

Thôi nhé chào em - trái núi ngọn đồi
Ruộng đĩa hố phân, rừng giang bãi nửa
Chào đêm Đông giữa nhà đốt ba đồng lửa
Sáu áo, ba quần vẫn rét thấu xương!

Xin chào nhé em - bể mấm vai tương
Giời lúc nhúc ngàn con
đành lãnh về nhắm mắt chia nhau
nuốt vội!
Mẹ Việt Nam ơi, chúng con làm gì nên tội
Người nuôi người -
hay người nuôi ngựa trâu?

Chúng tôi về đây - các anh...ở lại!
Biết nói sao hơn trước nỗi tình này?
Rồi sẽ đêm quanh đồi lau, bãi sậy
Vất vưởng bóng oan hồn
cất giọng quốc canh thâu...

Thôi nhé - linh hồn bầu bạn thâm sâu
Hãy phò giá tâu xuôi Nam thuận buồm
xuôi gió
Mối Quốc Thù này các chiến hữu ơi
tận ngàn sau - còn đó
Sẽ cháu con sẽ lớp lớp tri hành!
Về tới quê Nam dù còn
ngục trong tù ngoài
Nhưng vĩnh biệt bộ giời
có chút gạo cơm mỗi ngày hai bữa
Xa cơn rét dưới rừng Hoàng-Liên-Sơn
phải lội rừng giang, bãi nửa
Lánh nỗi chết rập rình oan nghiệt,
khắc khe!

Nhờ lời anh trời trần chúng tôi xin nghe
Luôn cố sống, khi Tổ Quốc thân yêu
còn lâm đại nạn!
Sẽ mai đây khi qua cơn bão dông dài hạn
Xuân đẹp quê tình
Xuân đẹp mãi muôn sau!

Tuy sinh hoạt khó khăn, nhưng tính tình cô lúc nào cũng dễ thương và chân thật, nhất là rất nghệ sĩ. Sau 75, cô từ chối trình diễn, chỉ nhận lời ngâm thơ tại các chùa, nhà bạn hữu và hội thơ Quỳnh Dao. Cô chỉ còn hai tấm áo bà ba, nhưng khi ngâm thơ cô vẫn khoác lên người tà áo dài lụa màu ngà, tà áo cuối cùng còn sót lại. Lần nào đến chơi nhà bà Hồ Liễu, bánh xe đạp của cô Hồ Diệp cũng bị xẹp. Có lần Hồ Liễu vừa nhận được thùng quà bên Pháp gửi về, bà nhờ người nhà lên mang xe đạp của cô đi thay hai cặp vô ruột mới tinh.

Thật thương cho cô quá, suốt đời nắng mưa tần tảo, chưa bao giờ được hưởng chút phong lưu.

Theo lời Nguyễn Thu Hương, con gái cô Hồ Diệp, hiện ở Huntington Beach, California, vào một ngày của tháng 4/1987, chỉ năm ngày sau khi nhận được tin cô con gái thứ là Nguyễn Phương Liên đã vượt biên bằng đường thủy đến đảo bình yên, Hồ Diệp lên đường vượt biên bằng đường bộ. Cô đi rất vội vã và âm thầm, đến nỗi Thu Hương cũng không kịp hỏi mẹ những chi tiết của chuyến đi. Chỉ biết là cô cùng đi với một nhóm người quen.

Ba ngày sau khi Hồ Diệp đi, một người bộ đội đến nhà Thu Hương, đưa cho cô cặp mắt kính và cuốn kinh Phật, hai vật bất ly thân của cô Hồ Diệp, và báo tin cô đã đến trại tỵ nạn bình an. Nhưng từ đó đến nay, Thu Hương không hề nhận được tin tức gì của người mẹ thân yêu cả.

Cũng vào năm 1987 ấy, tôi vượt biên. Cũng bằng đường bộ. Nhưng vào tháng giêng. Và đến được Site 2 (một nơi dành riêng cho những người vượt biên đường bộ). Trại tỵ nạn này nằm lẻ loi dưới chân rặng núi Dong Rek, phía Đông Nam vương quốc Thái Lan, thuộc tỉnh Pachinburi, cách biên giới Campuchia chừng 3 km.

Những người vượt biên đường bộ phải đến những tỉnh sát biên giới Campuchia như Tân Châu, Hồng Ngự, Tây Ninh... rồi đi xe đồ hay phà qua biên giới đến Nam Vang (Pnom Penh), thủ đô của Campuchia. Từ Nam Vang dùng đường bộ đi tới tỉnh Battambang, nằm ở cực Bắc xứ Campuchia, giáp ranh với Thái Lan. Tại đây, họ đã phải có móc nối sẵn với dân buôn lậu, hoặc có người dẫn đường, (thường là người Miên địa phương hay bộ đội Việt Nam trú đóng tại Miên), theo những con đường mòn dẫn qua biên giới Thái-Miên.

Tuy chỉ kéo dài khoảng 50 cây số, những con đường rừng này đầy rẫy cạm bẫy của tử thần, đã là bãi chôn biết bao nhiêu người. Đây là vùng oanh kích tự do của bộ đội Miên và Cộng sản Việt Nam trú đóng tại Miên, là nơi mà kháng chiến Miên, Khmer Đỏ, quân đội Thái thủ nhau gài mìn dây đặc, là nơi ẩn nấp cướp bóc, hãm hiếp, giam giữ người đòi tiền chuộc. Mỗi một tấc đất trong khu rừng xanh hoang dã này đều chứa đầy mầm chết chóc.

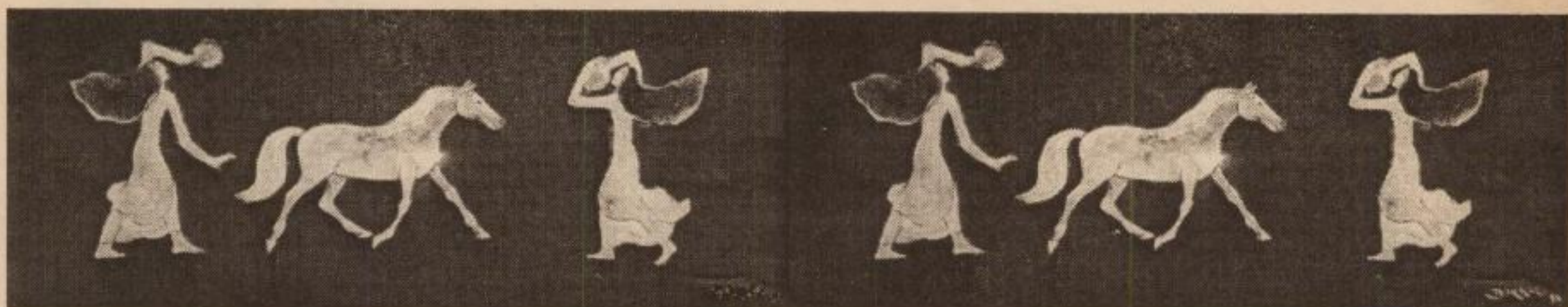
Trại Site 2 chứa khoảng 150.000 người Miên từ Campuchia. Trại Việt Nam nằm giữa trại người Miên, có khoảng 4.000 người Việt gốc Miên, gốc tích từ sáu tỉnh miền Tây Việt Nam, và khoảng 600 người Việt. Thiên nhiên nơi đây rất đẹp, hơi giống như khung cảnh Ban Mê Thuột, với hàng núi tím thắm bao quanh, dưới chân núi là một bình nguyên màu nâu đỏ. Con đường màu nâu

nằm vòng quanh chân núi là ước mơ của những người vượt biên. Từ năm 1980, nơi đây đã tiếp nhận hàng ngàn người tỵ nạn Việt Nam và Campuchia. Lúc đó, trại còn mang tên W-82, là một địa ngục của trần gian. Chưa có cơ quan ngoại quốc nào vào đây được, nên người tỵ nạn là mối ngon cho lính biên giới Thái. Mãi đến năm 1985, nhờ sự can thiệp bên bỉ và tích cực của các cơ quan thiện nguyện quốc tế với bà hoàng nhân hậu của Thái Lan, Hồng Thập Tự Quốc Tế (International Committee Red Cross) mới được phép đặt chân đến.

Không cứ gì ở Site-2, mà bất cứ nơi nào trên thế giới, khi các quan hệ ngoại giao bị gián đoạn, liên lạc bưu điện bị cắt đứt, và những phương tiện di chuyển không thể thực hiện được, đều có sự hiện diện của Hồng Thập Tự. Những nhân viên người Thụy Sĩ cực kỳ nhân hậu và cao thượng. Chỉ với lá cờ trắng in hình chữ thập đỏ, họ tả xung hữu đột giữa rừng vũ khí và thù hận. Chỉ có vài người Thụy Sĩ ở neo rừng hẻo lánh đó, nhưng đã thực sự che chở được cho tính mạng của hàng trăm ngàn dân tỵ nạn, sống hồi hộp giữa không khí sôi sục tanh mùi máu và âm mưu của những nhóm người quyền lợi xung đột nhau. Sự tốt bụng của họ tỏ từ tia nhìn dịu dàng an ủi đến người lính kháng chiến Miên bị thương chân cứa ngang đầu gối; từ vòng tay ôm chặt tấm thân đầm máu của em bé mồ côi, được người dẫn đường cõng đến trại, còn bố mẹ bị pháo kích chết dọc đường; từ bàn tay ân cần đỡ đỡ người lính kháng chiến Việt Nam gần chết đói tự trong rừng lê lết đến.

Đến trại được 2 tháng, tôi được làm cho cơ quan Hồng Thập Tự. Công việc của tôi là, bằng cách phỏng vấn những người vừa đến được trại, để theo dấu vết những người tỵ nạn khác còn đang rong ruổi rồi từ đó Hồng Thập Tự kiếm cách đưa họ về trại an toàn. Ở giữa xó rừng khuất nẻo, Văn Phòng "Tracing Agency" của Hồng Thập Tự làm việc ngày đêm, bận rộn và bí mật. Có những tiếp xúc với chính quyền Thái, với kháng chiến Miên, các vị sư sãi Thái Lan... tất cả không ngoài mục đích tìm ra tung tích của người tỵ nạn. Phải là một người Việt vượt biên đang ngồi tù vô vọng trên đất Thái, bỗng thấy cửa tù mở, một người ngoại quốc hiện ra, ngực áo mang dấu hiệu chữ thập đỏ, mới thấy sự dẫn thân của những chiến sĩ nhân đạo ấy quý báu chừng nào. Tất cả những người tỵ nạn đều biết rằng dù bị giam giữ bởi phe phái nào, nhưng để tìm cách đưa tin đến được Hồng Thập Tự, thế nào cũng được cứu thoát. Ngay cả bọn cướp biên giới dữ dằn, nhưng họ không bao giờ dám giết một người nào mà Hồng Thập Tự đã nhấn tin tới.

Một hôm, chúng tôi nhận được một lá thư từ Mỹ gửi qua, nhờ theo dõi giùm tin tức một người thân, đã rời khỏi Saigon đầu năm 1987. Thư cũng cho biết là nhóm này gồm có 11 người, năm người nam và sáu người nữ, thơ nói rõ là trong nhóm có cô Hồ Diệp. Tôi vừa lo vừa mừng. Lo vì những lá thư nhờ tìm thân nhân như thế rất nhiều. Nhưng kết quả truy tầm chỉ được chừng 30 phần trăm. Mà trong số này gồm cả tin vui lẫn tin buồn. Nghĩa là có người đến được trại, và có cả những bước chân đã vĩnh viễn ngưng lại đâu đó. Giữa cánh đồng, nơi khe núi, trong hố bom, bên cạnh bụi tre rừng? Mừng là nếu cô Hồ Diệp đến được đây, thì đời sống văn hóa của chúng tôi sẽ phong phú bội phần.



Kiếp trước em là một nhà tu
Đứng soi gương thấy làn bụi mỏng
Lòng trần chợt dậy bỗng bừng mơ
Thành những âm ba vùng bão động

Kiếp trước lòng gương soi lấm bụi
Bản khoán muốn với lấy khăn lau
Nên một ngàn năm cứ đắm đuối
Như cơn nước lũ quần chân cầu

Vậy em thành bụi hay thành thơ
Hay vẫn xoay vần tự kiếp xưa?
Ngàn năm nhìn đá lòng chưa đoạn
Nên hoá thân làm một giấc mơ?

Em đã sinh nhân loại hiền ngoan
Đặt tên con là tên thiên thần
Trong vườn hoa nở bông thược dược
Em thấy bùng tia lửa thánh linh

Lửa thiêng nổi lên từ lòng đất
Như ngọn cỏ đồng theo gió bốc
Hay như tro than một kiếp nào
Trông mắt hôm nay vừa tỉnh giấc

Tỉnh giấc giữa vườn hoa tưởng nhớ
Hoa trong tranh nên lòng cũng nhớ
Ở nơi ngàn dặm chân mây xa
Vẫn nghe thấy tiếng người đang thơ

Thơ đi em hãy thơ hân hoan
Hãy như gió thổi đầy trong sương
Hãy lắng đọng như dòng suối chảy
Trên những trùng mây xa viễn vông

Bữa nay nếu em muốn tương tư
Là bởi rừng xa phơi nắng ấm
Và trong ánh nắng có giây tơ
Gió thổi tơ bay hồn chuyển động

Là bởi lòng em mơ ánh nắng
Em mê những thiên thần cánh trắng
Em yêu tiếng nói ở thình không
Biến mất trên vòm cao lẳng lẳng

Vì em yêu tiếng nói cho nên
Thấy lời lời ngọn lửa thánh linh
Em yêu người chết lẫn người sống
Đan nhau trong rừng lưới âm thanh

Lưới em đan tung vào vũ trụ
Em mắc vướng giữa trùng vông gió
Em làm con nhện dệt giây thơ
Lưới đã giăng em từ thuở đó

Em đã sống như mơ kiếp này
Làm thơ về một cõi mê say
Khi sương phủ mặt hồ yên ả
Khi thu về trái nắng trên mây

THƠ ĐỖ QUÝ TOÀN

GIẤC MƠ TRÊN TRÁI ĐẤT

Em đã tìm ra trong cõi thơ
Cả người còn sống, người đã chết
Đã bao nhiêu bụi phủ địa cầu
Nhân loại vẫn mơ hoài chẳng dứt

Em đã làm thơ xin chuộc tội
Cho những dòng sông trên quê hương
Mỗi câu thơ một lời sám hối
Gởi những nhịp cầu đã gãy ngang

Thế nên nhân loại vẫn nằm mơ
Những giấc mơ chập chùng bão nổi
Bão vẫn thổi những đồng cỏ hoang
Cỏ đại bốc dậy sóng quần quại

Trong giấc mơ có một người mù
Người mù mộng thấy mặt trời mọc
Mặt trời sau đỉnh núi mù sương
Vĩnh viễn mảnh gương hồng ngọc thạch

Trong mặt trời tiếng người réo gọi
Biển sâu vùi dập sóng chết đuối
Thuyền vỡ tan tành giữa bóng đêm
Mảnh ván trầm luân chìm tức tưởi

Sáng dậy bình an biển nín thình
Đảo xanh um bật dòng suối chảy
Dòng suối mơ thấy một người mù
Người mù mơ mình thành hạt bụi

Nếu như em đã được sinh ra
Từ ngọn lửa thần linh sáng chói
Thì ở trên những giải ngân hà
Lửa sinh diệt vẫn còn le lói

Nếu em là lửa khi em về
Trong khối lửa hỗn mang vẫn vũ
Thì lòng em viên ngọc Trương Chi
Cũng tan bay thành chùm bụi nhỏ

Khi em thành ra tia bụi mỏng
Bụi miên man chìm đáy sông Hằng
Thì lời em là muôn đợt sóng
Vẫn làm chấn động những vầng trăng

Gió sẽ thổi những lời em đi
Trên những mặt trời hồng ngọc thạch
Không gian tràn ngập những âm ba
Rung lên từ khu vườn thược dược

Nên thơ ta là những âm ba
Những cơn sóng trải xa tuyết mù
Những cánh diều bay cõi xa hút
Nơi chỉ còn toàn những giấc mơ

Cho nên em hãy tan thành suối
Suối róc rách kể lời vô tư
Anh sẽ nằm trong viên đá sỏi
Lắng nghe suối kể chuyện nằm mơ

Chúng ta theo đàn ngựa lang thang
Những cơn sóng bay đầy không trung
Sao cùng mây quần quít trong cỏ
Hoa huệ trắng nở ran trên đồng

Tôi đi báo tin cho những người bạn trong trại. Ai cũng mừng và chờ đón tin vui. Tôi cũng báo cho cô Susanna Sigg, 27 tuổi, người Thụy Sĩ, xinh đẹp như công chúa Diane, trưởng phái bộ Hồng Thập Tự của trại về nguồn tin do lá thư cung cấp. Ánh mắt lộ vẻ cảm thương, cô vội vàng gọi điện thoại đi phối kiểm tất cả mấy chục trạm của Hồng Thập Tự đặt rải rác theo biên giới Thái Lan và Campuchia. Sáng thứ bảy đó, trong ngôi thánh đường xơ xài của trại, tôi xin với Cha Pierre, vị cha già biên giới, dâng lời nguyện cầu cho người thơ của chúng tôi được Chúa dẫn đường đến bến bình an.

Ngày qua ngày, mỗi khi có đám người tỵ nạn nào mới tới trại, tôi đều phỏng vấn tỉ mỉ con đường họ đi, những xóm làng họ qua, có nghe thấy hay trông thấy ai bị giam giữ bởi phe phái nào, có gặp xác chết nào hoặc nghe thấy một nhóm người Việt Nam đang trên đường tới trại không... Mỗi ngày Susanna đều cho tôi hay những tin tức mới nhất từ Bangkok, từ Aranyaprathet, từ Chon Buri, từ Khao I Dang..., là những căn cứ lớn của Hồng Thập Tự. Tuy chưa có tin vui, nhưng chúng tôi vẫn đầy ắp niềm hy vọng. Mỗi lần gặp tôi, câu đầu tiên các anh em hỏi, không còn là những tin tức khi nào các phái đoàn Di Trú làm việc nữa, mà là đã có tin tức gì của Hồ Diệp chưa.

Ngày tháng qua đi, thư từ Mỹ qua vẫn tiếp tục hồi tin về đoàn người đó, và xác nhận chưa thấy họ quay về Việt Nam. Như vậy có nghĩa là cánh bướm đã tan tác. Vì không một ai có thể ở trong rừng suốt sáu tháng mà sống sót được.

Vào một buổi tối tháng 10/1988, trước khi tôi lên đường chuyển qua trại Panat Nikhom để đi Mỹ, anh em trong ca đoàn nhà thờ họp nhau lần cuối. Mọi người không những buồn ngùi tiễn biệt, mà còn bằng khuâng cho số phận của cô Hồ Diệp. Có người yêu cầu Thu Hà ngâm lại bài thơ Gởi Người Dưới Mộ:

Trời cuối thu rồi em ở đâu
 Nằm trong đất lạnh chắc em sầu
 Thu ơi đánh thức hồn ma dậy
 Ta muốn vào thăm năm mộ sầu

Em mộng về đâu? Em mất về đâu?
 Hằng đêm ta nguyện ta cầu
 Ấy mầu hương khói là mầu mắt xưa

Em đã về chưa? Em sắp về chưa?
 Trăng sao tắt ngọn đèn mờ
 Ta nằm nhỏ lệ đọc thơ gọi hồn.

Thu Hà ngâm dứt câu, ai nấy bàng hoàng nhìn nhau kinh ngạc vì lời thơ hay quá đỗi, quá liều trai phù hợp bởi ánh trăng xanh dài trên mái tranh, trên đám lá mỏng tươi. Chúng tôi nhìn nhau như thăm hỏi, khi thì sĩ Đinh Hùng làm bài thơ này, ông có nghĩ là sẽ để riêng tặng cho Hồ Diệp. Và khi Hồ Diệp nức nở ngâm những vần thơ ấy gửi đến thánh giả Saigon, cô có nghĩ là một ngày nào, cô cũng thành một linh hồn phiêu bạt?

Chợt một cánh bướm đêm lẻ loi, cánh đen mượt như nhung điểm hai chấm màu vàng, ở đâu bay chập chờn trước mặt, hết đậu trên phím guitar, lại bay lên nằm êm trên ngón tay Thu Hà. Mọi người ớn lạnh, rùng mình nhìn nhau. Nơi đây là biên giới khô khan. Loài hoa duy nhất là hoa mười giờ không hương, không nhụy ngọt, nên ban ngày cũng chẳng có bướm, nói gì đến đêm khuya. Hay là Hồ Diệp đã thác mất rồi! Thân kia dầu nát, nhưng anh linh vẫn không tan, vẫn còn thao thức giữa rừng xanh biên giới nên cảm động mỗi tình chung mà về đây báo mộng?

Trời đất mang mang, thế nào cũng có một chỗ cho Hồ Diệp nằm xuống. Lòng người cũng vậy, nhớ quên cũng nhiều nhưng thế nào cũng có một nơi nào đó trong trái tim những người ái mộ dành cho Hồ Diệp.

Gần đây, rải rác trên báo chí có rất nhiều nhắc nhở về Hồ Diệp. Mới đây nhất, Cao My Nhân, Hoàng Oanh, Duy Trác, Quỳnh Như... cũng đã thực hiện những công trình để tưởng niệm Hồ Diệp. Quỳnh Như còn cho biết thêm, hồi tháng 2/1995, khi thực hiện cuốn băng tưởng niệm Hồ Diệp, cô cho phát lại phần diễn ngâm của Hồ Diệp, bài Xin Hỡi Yêu Tôi của Đinh Hùng, cuốn băng rè quá vì được thực hiện từ trước 75 tại Saigon. Quỳnh Như khẩn thắm "Chị ơi, nếu chị muốn cho thánh giả nghe lại giọng chị, chị làm sao cho bớt rè đi, chứ không làm sao mà nghe được". Lạ thay, sau lời khẩn, giọng Hồ Diệp vang lên, trong trẻo và rõ ràng, tất cả tiếng rè đều biến mất.

Tháng 2/1995, Văn Bút Tây Nam Hoa Kỳ và Thượng Tọa Thích Quảng Thanh, đã làm lễ cầu siêu cho Hồ Diệp tại chùa Bảo Quang, Garden Grove. Hai người con của cô là Nguyễn Quốc Quân, Thu Hương, các văn nghệ sĩ như Cao My Nhân, Mộng Lan, Bích Thuận, Nguyễn Hiền, Mạc Ly Tao, Nguyễn Thạch Kiên, Viên Luông, Trọng Nghĩa, Viên Linh ... và những người ái mộ giọng ngâm "trong như nước ngọc tuyến, êm như hơi gió thoảng cung tiên" đều có mặt để dâng lời nguyện cầu cho linh hồn cô được siêu thoát.

Thôi rồi, giọng cười trong như ngọc vỡ của núi Tản sông Đà! Hỡi ơi, đất Miên chắc đã vùi châu ngọc, hồn linh kia còn vương vất chốn cỏ cây? Chẳng biết phút cuối của Hồ Diệp ra sao? Đôi mắt người Sơn Tây ấy có kịp ngoái nhìn cố lý, trước khi hóa thân thành cánh bướm ly hương rẽ cánh bên trời. ■

Tháng 5, 1995 California.

NG. PHAN QUỲNH

LỜI CHO NGƯỜI ĐI VÀO LOẠN SỬ

(Tưởng niệm hương hồn NGUYỄN THÀNH NON)

Nhớ một thời đao binh
 Dân trai tráng
 Ta đi làm chiến sĩ
 Dưới đạn bom trên hào sâu chiến lũy
 Bước thơ qua trong ý vị kiêu hùng

Bạn thao trường
 Những chiến sĩ nấu nung
 Tình non nước thù nhà ta phải trả
 Lùi cuộc chiến

Dừng chân ranh Đèo Cả
 Đồng Đế, Phan Rang, Mũi Né đây rồi
 Pháo địch liên hồi!
 Bạn về phía sau thôi
 Không! Không! Không!
 Giặc tràn về phía trước!
 Lời bạn thét và không hề lùi bước.
 Tay xốc 72 ly
 Nhắm thẳng quân thù
 Xác địch chìm trong biển lửa thâm u
 Tăng địch cháy.
 Trong sa mù ly loạn
 Trời tám hướng
 Ta vẫn kể bên bạn
 Đất vạn phương
 Lửa đỏ đây muốn thành
 Bóng bạn vèo - ra phía trước rất nhanh
 Làm trái phá
 Cho tan tành xác giặc!

Cuộc chiến điêu tàn
 Bạn ngã vào bước ngoặt
 Loạn sử sang trang
 Kinh sách cũng không đề...

Hai mươi năm rồi
 Ta về lại đường quê
 Bạn nằm đó
 Những nắm mồ vô chủ

Trong hồn "Thơ"
 Bạn mãi là bất tử.
 Nguyễn Thành Non
 Như núi Ngũ sông Hàn!

HẢI PHƯƠNG

DI CHỈ MÙA XUÂN NĂM HAI NGÀN

thôi hãy thức dậy đi em
 vỗ trống đồng mà hát
 đập đá mà ca
 rượu mềm môi chất ngất
 khai quật ký ức trầm tích bóng thời gian
 đi chỉ trái tim đỏ mà trắng màu lông
 ngỗng rắc
 đêm mùa xuân trinh nguyên
 như thơ.



thôi hãy thức dậy đi em
 vỗ trống đồng mà hát
 đập đá mà ca
 rượu mềm môi Trang Tử
 giòng ngũ cung kỳ ảo nhịp đường thi
 luân vũ

khai quật đáy biển trầm tích
 ánh trắng xanh
 đi chỉ lóng lánh thêm ngọc trai chứa chan
 cánh tay em mềm mại như những nhánh
 sông tháng giêng dong buồm
 ra biển.

thôi hãy thức dậy đi em
 vỗ trống đồng mà hát
 đập đá mà ca
 rượu bỏ đào mềm môi kẻ giang hồ
 truy điệu hạnh phúc
 vọng nhạc thiên thai dong đưa
 thêm đạo đức kinh
 thần trí thên thang
 mai ra đồng thật sớm
 cày vỡ đất ra
 mùa xuân em mùa màng
 đi chỉ kết dính những nụ hôn nồng ấm
 như thơ.

thôi hãy thức dậy đi em
 trắc địa bốn ngàn năm tình tự
 nhân loại đến cung trăng
 em ra đồng cày vỡ.

BÙI GIẢNG

ĐI VÀO CÔI THƠ

CUỐN MỘT

THI CA TƯ TƯỢNG

CUỐN HAI

"...Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời ca dao, thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống."

Bùi Giảng - Thi Ca Tư Tượng

AN TIỀM XUẤT BẢN
 Nhà Văn Nghệ Phát Hành

VAI TRÒ CỦA ẨN DỤ MỸ CẢM

TRẦN VĂN NAM

Đã khá lâu, từ thời mới vào trường trung học, ta đã học văn phạm. Và vì đã khá lâu nên đến nay ta ngỡ ngờ giữa liên từ và giới từ, giữa từ và chữ... Ta thử ôn lại ẩn dụ và hoán dụ.

Ví dụ khi ta viết: "Chiến tranh giáng xuống một cơn giông bão thời cuộc". Ta đã so sánh chiến tranh với cơn giông bão, sự so sánh không cần liên từ "như" làm trung gian đứng ở giữa. Đó là một ẩn dụ, một so sánh tương đương. Còn như khi ta viết "chiến tranh, cơn khói lửa" hay "cơn đao binh", thì khói lửa hay đao binh chỉ là một phần của chiến tranh, một sự so sánh không phải tương đồng. Đó là một hoán dụ. Vậy hoán dụ là sự so sánh do tương quan kết hợp. (Xin xem phần mỹ từ pháp trong cuốn "Việt Nam Văn Phạm" của Trần Trọng Kim, và phần tu từ pháp trong cuốn "Cấu Trúc Thơ" của Thụy Khê).

Ẩn dụ hay hoán dụ có thể chỉ ở vài từ, mà có khi gồm trọn bài thơ hay cả một tập truyện. Trọn bài thơ "Thề Non Nước" của Tản Đà, truyện "Bản Chúc Thù Trên Ngon Đình Trời" của Mai Thảo, đều là những ẩn dụ. Ta cần lưu ý ẩn dụ và nhân cách hóa, vì cả hai thường đứng cạnh kể nhau. Ví dụ "Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông" (Nguyễn Du). Hoa đào là ẩn dụ, so sánh với người đẹp. Nhưng "hoa đào cười" là nhân cách hóa, coi sự vật hoạt động như con người.

Ta cũng nên phân biệt ẩn dụ thường và ẩn dụ mỹ cảm. "Ẩn dụ thường" chỉ dùng để tránh điệp ngữ, nghĩa là dùng một sự so sánh để tránh lặp lại những từ đã dùng nhiều lần. "Ẩn dụ mỹ cảm" cần thiết cho thơ. Ẩn dụ mỹ cảm cần phải sáng tạo riêng, dùng lặp lại của người khác để tránh khuôn sáo. Khi đặt vấn đề thơ phải tận dụng ngôn ngữ văn chương (vì cảm hứng về đề tài khoa học) thì ẩn dụ mỹ cảm sẽ đóng vai trò chính. Ví dụ khi ta viết về đề tài những thiên thể vĩ đại gần kề nhau thì có trọng lực hút nhau, nhưng đồng thời lại bị đẩy nở sau trận Big Bang làm cho tất cả đều bị trôi giạt ra ngoài rìa vũ trụ: ta so sánh điều này như một dãi lửa hệ lụy chung kiếp trên chuyến tàu thời gian, cùng nhau ra đi đến cuối cuộc đời. Đó là một ẩn dụ mỹ cảm.

Rất may mắn (vì thật hiếm hoi) khi tìm được một bài thơ ẩn dụ mỹ cảm rất sát với vấn đề đang bàn tới: bài thơ của thi sĩ John Updike cảm hứng về những tia vật chất tầng hình trong vũ trụ. Khoa học gọi là Dark Matter (chất tối), đó là loại vật chất (có thể là những hạt vô cùng nhỏ, có thể là những

thiên thể vô cùng vĩ đại) mà khoa học chưa thể dùng viễn vọng kính để thu nhận hình ảnh vì nó không phát ra ánh sáng. Nó cũng không phát ra những tia vũ trụ khác để thu nhận hình ảnh qua vô tuyến viễn vọng (ultraviolet - telescope), hồng ngoại viễn vọng (infrared telescope), cực tím viễn vọng (ultraviolet - telescope), quang tuyến viễn vọng (X-Ray telescope). Vì vậy nó là vật chất tàng hình. Tàng hình nhưng nó lại chi phối sự vận hành trong vũ trụ, có tới 90% vật chất trong vũ trụ là tàng hình. Nếu không có 90% vật chất đó thì vũ trụ (chỉ thấy được quá ánh sáng) không đủ trọng lực để hãm bớt đà bành trướng dẫn nở sau trận Big Bang.

Một trong những thứ vật chất tàng hình đó là trùng trùng lớp lớp hạt Neutrinos. Chúng đang đi xuyên qua thân thể con người, xuyên qua cả Trái Đất, chỉ có thể đặt các máy dò tìm nó ở dưới đáy biển sâu, hoặc dưới các hầm mỏ thăm thẳm trong lòng đất. Một đoạn trong bài thơ như dưới đây:

Những hạt Neutrinos vô cùng nhỏ
Chúng không có điện tích,
cũng không có sức nặng
Và không kết hợp với bất cứ chất gì khác
Trái Đất đối với chúng
chỉ là một khối cầu mềm
Giản dị, bởi vì chúng đi xuyên qua

....
Từ không gian đến,
chúng là những máy chém không đau
Đi xuyên qua đầu ta xuống đến đồng cỏ
Ban đêm, chúng đến xứ Nepal
Đâm sâu qua thân thể hai kẻ đang yêu
Xuyên lên từ phía dưới giường của họ
(Vì chúng qua từ hướng bên kia Trái Đất)
Bạn gọi đó là một điều kỳ diệu
Còn tôi cho là một sự xâm nhập thô lỗ

(Neutrinos, they are very small
And do not interact at all
The Earth, through which they simply pass

....
And painless guillotines, they fall
Down through our heads into the grass
At night, they enter at Nepal
And pierce the lover and his lass
From underneath the bed - you call
it wonderful; I call it crass
(Cosmic Gall - John Updike)

Một vấn đề khoa học, một khám phá kỳ diệu về vật chất, lại được diễn tả

bằng hình ảnh rất gần với nhân sinh, gần với thế gian phàm tục, khác với khoa học viễn tưởng của ngành vật lý lý thuyết. Vật lý lý thuyết gần kề với truyện khoa học giả tưởng, nhưng tưởng tượng của nhà bác học dựa vào các phương trình toán học cao cấp; không phải hoàn toàn giả tưởng. Thuyết tương đối của Einstein, Baby Universes được hình thành sau khi các Black Holes tiêu thụ vật chất của vũ trụ này (do Stephen Hawking nghĩ ra); wormholes (lỗ con sâu) tức là những đường hầm thông qua các vũ trụ thuộc kích thước thứ tư thứ năm... đều là những vấn đề của Vật Lý Lý Thuyết (Theoretical Physics). Đây là một bài thơ viễn tưởng cảm hứng từ vật lý lý thuyết:

Có một cô nàng tên là Hào Quang
Nàng đi mau hơn tốc độ ánh sáng
Nàng đi trong một ngày,
đi vào lẽ Tương Đối
Trở về khởi điểm trước lúc khởi hành

(There was a lady named Bright
Who traveled much faster than light
She departed one day in a relative way
And returned in the previous night)
(A.H.R. Buller)

Dựa vào vật lý lý thuyết hay dựa vào những khám phá vật lý vũ trụ mà viết thành truyện hoang đường thì đó là văn chương khoa học giả tưởng.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn với tập truyện "BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN" (xuất bản 1960 tại Sài Gòn) dựa vào thuyết tương đối của Einstein. Truyện con người đi với tốc độ ánh sáng làm thời gian chậm lại mà trở về thế kỷ 18, trở lại Thăng Long xe ngựa hỗn thu thảo, vào năm vua Quang Trung lâm bệnh nặng, cứu sống nhà vua để hoàn tất phần lịch sử đã bỏ dở do cái chết lúc còn quá trẻ của ngài: "Một lít huyết thanh khô đóng bánh ở ngân hàng máu thành phố Nữ Ước, được Khang cho pha loãng trở lại và chảy dần dần vào huyết quản vị anh hùng Tây Sơn" (Trang 222, sách đã dẫn). Cũng như loạt phim khoa học giả tưởng "Star Trek" đã dựa vào những khám phá mới đây của vật lý vũ trụ, qua phân tích của giáo sư thiên văn Lawrence Krauss của trường đại học "Case Western Reserve University", rất rõ ràng dễ hiểu trong chương 9 của cuốn "The Physics of Star Trek", xuất bản năm 1995 tại Hoa Kỳ (New York). ■

ĐỆ TỬ

TRẦN LONG HỒ

Truyện

T rời vừa rạng sáng, sau chùa Bạch Vân bỗng nhiên náo động lạ lùng. Sự yên lặng thường ngày không còn nữa. Mặt trời chưa lên. Ánh sáng đầu ngày chưa lóe kịp. Đồng thời, không gian vắng bật tiếng chim hót líu lo và tất lịm cả tiếng sương rơi đều trên lá khô.

Một buổi sáng khác thường. Thay vào những âm thanh êm nhẹ của buổi sáng êm đềm, tiếng chân người kéo đi rầm rập trên con đường bọc quanh chùa, dẫn đến ngôi nhà chứa củi. Bên cạnh tiếng chân dồn dập còn có tiếng vũ khí va chạm và cả âm thanh của rất nhiều lục lạc và chạm nhau. Như thế, không phải chỉ có những người của chùa mà còn lắm kẻ lạ, mang gươm đao và dẫn theo kỵ mã.

Nằm trong ngôi nhà gỗ chứa củi, Huỳnh Đệ đã nghe được những âm thanh này từ xa. Bên cạnh ông, Lão Cuồng nằm ngáy đều, có vẻ ngủ say lắm.

Phía sau chùa Bạch Vân vốn vắng lặng từ bao nhiêu năm qua, ngoài hai thầy trò Lão Cuồng và Huỳnh Đệ, chưa hề có ai lai vãng. Thỉnh thoảng, vài lần trong năm, nhân dịp lễ có mấy nhà sư phụ trách nấu bếp mang cho hai người vài món thức ăn. Kỳ dư, chẳng ai đoán hoài đến nơi thâm sơn, chương khí, và hoang vu này.

Sáng nay, đột nhiên náo động như vậy chứng tỏ có chuyện khác thường, Huỳnh Đệ lo sợ có chuyện gì trọng đại liên quan đến vận mạng của chùa Bạch Vân.

Tiếng chân người đi cùng những âm thanh náo động tiến đến càng lúc càng gần. Huỳnh Đệ không thể điềm nhiên được nữa, ông xoay người nói nhỏ:

— Có nhiều người đi về phía chúng ta.

Huỳnh Đệ nói xong, chờ một lúc, không nghe Lão Cuồng trả lời. Bình thường, mặc dù đã già, quá trăm tuổi, Lão Cuồng vẫn tỉnh táo. Mắt Lão Cuồng sáng, tai thính, và trí não vẫn tinh anh, không khi nào lơ đãng như vậy. Huỳnh Đệ đành phải lay lão dậy, nói lớn hơn:

— Sư phụ, có nhiều người đang đi đến.

Lão Cuồng vẫn nằm yên, đáp lại trong cơn ngáy ngủ:

— Mặc kệ họ, mấy nhà sư trong chùa đang dẫn người lạ tới mà.

Huỳnh Đệ không yên tâm, nói tiếp:

— Họ mang vũ khí, chúng ta nên đề phòng.

Lão Cuồng thản nhiên, vừa ngáp vừa nói:

— Họ từ xa đến, đi đường thì phải

mang vũ khí phòng thân chứ.

Huỳnh Đệ gật đầu:

— Số người này đông lắm, nhưng làm sao Sư Phụ biết các sư trong chùa dẫn người đến.

Lão Cuồng bật cười:

— Ta còn biết mấy tên thầy chùa dẫn quan quân của triều đình nữa. Họ tới tìm người. Phen này chúng ta bị họ quấy rầy rồi.

Huỳnh Đệ nhào người qua, thấy Lão Cuồng nằm yên, hai mắt nhắm nghiền, nhưng tai lão đang áp xuống mặt đất. Ông mỉm cười hỏi:

— Làm sao Sư Phụ biết được người trong chùa và quan quân triều đình.

Lão Cuồng điềm nhiên giải thích:

— Sư trong chùa luôn tập võ nghệ, họ ăn rau cỏ, trái cây, mặc quần áo mỏng manh, cư ngụ trên núi, thường xuyên phải vận động đôi chân để leo trèo. Do đó thân thể họ nhẹ nhàng mà hạ bàn vững chắc. Còn quan quân triều đình hay ăn uống rượu thịt, mặc quần áo nặng nề, đeo giáp, mang vũ khí, thân họ nặng mà chân yếu. Họ đi đường xa, quan cưỡi ngựa hoặc đi kiệu còn quân đi bộ. Họ đi đứng nặng nề, tới đâu phát âm thanh náo động tới đó.

Huỳnh Đệ gật đầu tán phục:

— Sư phụ hay thật.

Lão Cuồng lắc đầu:

— Không phải, ta chẳng biết gì hơn người đâu. Mấy chuyện này đơn giản thôi nhưng người không nhận biết được. Chẳng qua người dễ tâm vọng động, trí não bị xáo trộn bởi sự lo lắng nên sự nhận xét bị lu mờ. Tai người rời mặt đất. Người cố nghe bằng tai mà quên nghe bằng não.

Huỳnh Đệ kính cẩn gật đầu:

— Cám ơn sư phụ. Người của triều đình đến tìm con chắc có chuyện trọng đại lắm.

Lão Cuồng vẫn nhắm mắt, nằm như ngủ:

— Triều đình đang gặp chuyện rắc rối nên mới đến tìm người. Ta đoán, nếu kẻ làm vua đó không bệnh nặng thì đất nước cũng đang bị tai biến. Họ không đối phó nổi nên có tên mách lẻo với vua và chúng bày mưu cố lôi kéo người về triều.

Huỳnh Đệ cúi đầu suy nghĩ:

— Trong triều có biết bao nhiêu người tài giỏi, tại sao họ không hợp nhau để đối phó với tai biến mà đi tìm con làm gì.

Lão Cuồng thở hắt một hơi dài:

— Triều đình đông người, từ vua đến quan, chỉ quân sĩ, đều quen hưởng an nhàn của thanh bình lâu nay. Họ hưởng nhiều của

cải và bổng lộc. Họ ăn uống đầy đủ và no say. Họ mặc quần áo ấm và đẹp. Họ đi kiệu, cưỡi ngựa. Họ đã quen sống trong nhung lụa, lòng ham mê danh lợi thì cao mà tinh thần lại yếu, chí đã nhạt. Khi gặp chuyện gì trọng đại và khó khăn thì vua bần loạn chân tay, quan co đầu rút cổ, quân nhốn nhác thối lui. Còn người, sống với ta ở nơi núi rừng này. Người không có vinh quang mà chẳng có nhục nhằn. Người không có của cải nên chẳng bị mất mát. Người không có quyền cao nên chẳng sợ mất chức. Người không ở trên ai nên chẳng ngại ngồi dưới ai. Người cùng ta sống quen đạm bạc nên chẳng sợ cực khổ. Người cùng ta không quan tâm sống chết nên chẳng sợ chết sống. Người không cố lấy thêm nên chẳng sợ mất đi. Người không vui vì được nên chẳng buồn vì mất. Nếu người đã là cát bụi thì người đâu là gì bụi cát.

Huỳnh Đệ cúi đầu lắng nghe. Ông không ngờ Lão Cuồng đã quá trăm tuổi mà tinh thần còn sáng suốt như vậy.

Biết Huỳnh Đệ đang lắng nghe, Lão Cuồng nói tiếp:

— Ta phục vụ cho nước mà không vì vua. Ta cống hiến cho dân chứ không cho triều đình. Ta sinh ra từ nước và trong dân nên trở về nước và dân là hợp lẽ.

Huỳnh Đệ gật đầu:

— Con xin ghi khắc lời sư phụ dạy.

Hai người nói chuyện tới đây thì tiếng chân và âm thanh huyền náo đã tới thật gần. Phía cuối đường đã xuất hiện rất đông người.

Đ úng như Lão Cuồng đã nói. Đi đầu là năm vị sư già mặc áo vàng. Vị sư già đi giữa, cầm thiền杖, đầu hoa sen, thân hình phốp pháp, mặt hồng hào, là phương trượng của chùa. Vị sư già bên phải, cầm cây gậy sắt đen bóng, thân thể gầy gò, mặt sắc lạnh, là thủ tọa Chấn Pháp Đường. Vị sư già bên trái, cầm pho kinh sắt nặng nề, thân chỉ có da bọc xương, sắc mặt tái nhợt, là thủ tọa Tăng Kinh Các. Hai vị sư già còn lại hai bên, đều cầm thiền杖, ôm hốc hác, là thủ tọa của La Hán Đường và Giới Pháp Viện.

Huỳnh Đệ thấy cả năm vị sư già đứng đầu chùa Bạch Vân đều xuất hiện, biết có chuyện rất trọng đại. Năm người này ít khi ra khỏi chùa và càng không đi chung với nhau bao giờ. Bây giờ cả năm người đều có



mặt, đủ biết tình hình nghiêm trọng biết bao.

Phía sau năm vị sư có hàng hà quan quân đứng lối nhỏ. Ở hàng đầu, Huỳnh Đề nhận ra mấy người quan trọng. Vị quan già ngồi kiệu, đi giữa, bên trái, mặc triều phục màu máu đỏ tươi, viền vàng, đội mũ cánh chuồn, mặt tươi tắn, luôn nở nụ cười, là Lễ Bộ Thượng Thư. Vị quan cưỡi ngựa, đi giữa, bên phải, thân hình cao lớn, mặc áo giáp vàng chói, đội mũ lông tua, đeo gươm, là Hình Bộ Thượng Thư. Hai vị quan hai bên mặc võ phục, một đen, một trắng, đều cao dong dong, trông rắn chắc và oai hùng, là Tả Hữu Sứ Giả của triều đình. Phía sau lối nhỏ nhiều hàng quan nhỏ và quân sĩ, mang cờ lọng nhấp nhô.

Đoàn người đi đến cách ngôi nhà chứa củi chừng năm chục bước thì dừng lại.

Phượng Trương chùa Bạch Vân nện cây thiền杖 xuống đất, các khoen sắt đeo theo mỗi cánh hoa sen rung leng keng. Tất cả mọi người đều im phăng phắc. Phượng Trương đồng đặc nói:

— Kính thưa tiền bối Vô Chấn và Thái Sư, bản đạo cùng Thủ Tọa các đường và viện, hướng dẫn các vị Thượng Thư và Sứ Giả của triều đình, mang chiếu chỉ của Hoàng Đế đến đây, mời hai vị ra tiếp chỉ.

Tiếng Phượng Trương lớn và mạnh, vang động cả núi rừng. Trước và sau khi Phượng Trương nói, quảng trường đều im phăng phắc. Chờ một lúc, không thấy động tĩnh gì trong nhà, Phượng Trương lặp lại câu nói một lần nữa.

Một lúc sau, trong nhà chứa củi có một người đi ra. Đó là Huỳnh Đề. Ông mặc quần áo nâu loang lổ, trông thật lam lũ. Cách phục sức của ông trái ngược hẳn với quần áo sang trọng của những người đối diện.

Vừa thấy Huỳnh Đề, Lễ Bộ Thượng Thư bước ngay ra khỏi kiệu và Hình Bộ Thượng Thư cũng tuột xuống ngựa lập tức. Toàn thể quan quân phía sau đều đồng loạt cúi rạp, kính cẩn chào.

Hai vị Thượng Thư cúi đầu thi lễ:

— Kính chào Thái Sư, lâu nay ngài vẫn mạnh giỏi chứ.

Huỳnh Đề cúi đầu đáp lễ:

— Kính chào hai vị Thượng Thư, tôi vẫn mạnh, thật phiền cho hai vị phải đi đường xa thật vất vả.

Hai vị Thượng Thư cúi đầu nói:

— Đó là bốn phận của chúng tôi.

Chẳng hay lão tiền bối mạnh khỏe chứ.

Huỳnh Đề gật đầu:

— Cảm ơn hai vị, sư phụ tôi vẫn mạnh nhưng hôm nay không được khỏe lắm, xin phép được nghỉ ngơi bên trong.

Phía bên triều đình chào Huỳnh Đề kính cẩn bao nhiêu thì các nhà sư trong chùa Bạch Vân xem thường ông bấy nhiêu. Bởi vì, mặc dù lớn tuổi, nhưng theo chức phận, Lão Cuồng đứng vào hàng tối tở trong chùa. Còn Huỳnh Đề là đệ tử của một kẻ tối tở. Do đó, các nhà sư chỉ đứng thẳng người nhìn Huỳnh Đề với ánh mắt thương hại.

Đội phía triều đình chào hỏi nhau xong, Phượng Trương lớn tiếng nói:

— Kính chào các vị Thượng Thư và đại nhân, bản đạo và các bốn tọa xin phép cáo lui.

Nói xong, Phượng Trương cùng các vị sư khác lập tức xoay lưng đi ngược đường trở về chùa.

Chờ các nhà sư đi khuất, Lễ Bộ Thượng Thư ra hiệu cho thuộc hạ. Từ phía sau, hai vị quan đi ra, một người hô lớn:

— Hoàng Thượng ban chiếu chỉ.

Người này hô xong thì chính hần và tất cả mọi người đều quì xuống. Chỉ có một người đứng là kẻ đang mang cuộn giấy sơn son thếp vàng trên cái khay ngọc. Người này chậm rãi mở cuộn giấy ra, kính cẩn và lớn tiếng đọc:

“Hoàng Đế nguyên niên năm thứ....

Xét vì nước nhà đang lâm cảnh lâm than, giặc hung nô phương Bắc tràn xuống quấy nhiễu trong nhiều năm qua. Chúng đã giết hại dân lành, phá hủy mùa màng, và đang tràn xuống tàn sát sinh linh. Nay, xét vì cảnh nguy khốn của đất nước và lâm than của bá tánh, xét vì khả năng và bốn phận của con dân, Trẫm mong mỗi Thái Sư trở về kinh, phục hồi chức quyền, cùng nhau đánh đuổi ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi. Trẫm mong rằng Thái Sư hãy nhanh chóng hồi kinh. Trong niềm nhớ nhung những ngày cũ, Trẫm chờ Thái Sư với tất cả lòng mong đợi.

Khâm Thủ.”

Chiếu chỉ đã được đọc xong, mọi người trên quảng trường vẫn quì trong im lặng. Vị quan ấy cuộn chiếu chỉ lại, hô lớn một tiếng rồi lui ra sau. Tất cả mọi người đứng lên. Lễ Bộ Thượng Thư đồng đặc nói:

— Hoàng Thượng đã ban chiếu chỉ, mong Thái Sư sửa soạn lên đường.

Biết không thể từ chối được, Huỳnh Đề cúi đầu đáp: — Tôi xin phụng mạng hồi kinh. Thượng Thư cho tôi được phép từ giả sư phụ.

Hình Bộ Thượng Thư nghiêm giọng nói:

— Chúng tôi chờ Thái Sư từ giả lão tiền bối, mọi thứ hành trang đều đã được sửa soạn sẵn cho ngài. Hoàng Thượng trông ngóng Thái Sư bao lâu nay, xin đừng chậm trễ.

Huỳnh Đề gật đầu vâng lệnh, quay lưng trở vào trong. Hai quan Thượng Thư đều kính cẩn cúi đầu. Họ đều biết rằng, Huỳnh Đề đã từng giữ chức cao, quyền trọng trong triều. Ông lại là thầy của vua. Qua bao nhiêu triều đại, chưa có ai được ban nhiều quyền hạn cao như Huỳnh Đề. Ông được mặc áo hoàng bào, có quyền tiền trạm hậu tấu, được mang gươm khi lên thêm điện bên cạnh vua, hoặc lúc vào hậu cung. Khi Huỳnh Đề hồi cung, họ sẽ dưới quyền ông. Lúc ấy, một lời của Huỳnh Đề có thể xoay chuyển cả cuộc đời của họ.

Mọi người đều đứng im lặng chờ đợi ngoài sân. Huỳnh Đề trở vào trong ngôi nhà chứa củi. Ông nhìn quanh quẩn, không thấy Lão Cuồng ở đâu. Huỳnh Đề nhớ rõ, lúc ông ra ngoài, Lão Cuồng còn nằm trên cái chiếu rách này, bên cạnh đồng rơm.

Căn nhà chứa củi nhỏ, vách gỗ đã cũ, mục nát. Lão Cuồng không thể ẩn thân chỗ nào mà Huỳnh Đề không thấy được. Ông đảo mắt nhìn quanh. Gió lạnh thổi luồn qua vách, rung động những màng nhện, lung lay mấy cọng rơm. Căn nhà bỗng nhiên trở nên hiu quạnh lạ lùng. Lần này hồi kinh, Huỳnh Đề không biết bao giờ trở lại. Cuộc chiến chống ngoại xâm sẽ kéo dài và gian khổ, không biết lúc nào mới dứt. Lão Cuồng đã quá già, trên trăm tuổi. Lão không thể sống mãi với đất trời và núi rừng nơi đây.

Huỳnh Đề càng suy nghĩ càng buồn. Ông đi lẩn thẩn trong nhà, chờ Lão Cuồng trở lại.

Chợt Huỳnh Đề thấy mấy dòng chữ dưới đất, nét sâu và thật sắc. Nền nhà tuy bằng đất nhưng trải qua bao nhiêu năm, đã cứng như đá. Thế mà, ông nhìn qua, biết ngay Lão Cuồng dùng ngón tay vạch trên đất thành chữ.

Ông lẩm nhẩm đọc:

“Người đã biết phải làm gì, không nên tìm ta và chờ đợi.”

Huỳnh Đề đọc xong liền bước trở ra ngoài.

Ngay trước sân, một toán chừng hai mươi người đã chờ sẵn. Họ ngồi sẵn sàng trên ngựa. Hai vị Tả Hữu Sứ Giả đứng chờ, kèm một con ngựa bạch hùng tráng, phủ yên cương, hàm thiếc bằng bạc, và mấy lục lạc bằng vàng. Các quân sĩ trong toán đều mang gươm đao như sắp ứng chiến.

Hai vị Thượng Thư cúi đầu. Một vị kính cẩn nói:

— Xin mời Thái Sư lên đường.

Huỳnh Đề thấy toàn bộ quan quân chưa chuẩn bị. Ông ngạc nhiên hỏi:

— Hai vị không cùng tôi trở về một lúc hay sao?

Lễ Bộ Thượng Thư nhỏ nhẹ đáp:

— Thưa Thái Sư, ngài về trước cùng hai Sứ Giả và hai mươi quân thiện chiến bảo vệ. Hoàng Thượng đang chờ đợi ngài. Chúng tôi sẽ lục tục trở về sau. Công việc cứu quân như cứu hỏa, chúng tôi già cả, chậm lụt, không dám cản trở hành trình của ngài.

Huỳnh Đề thấy thái độ khiêm tốn của họ, cảm động nói:

— Tôi cáo từ, hai vị Thượng Thư đi sau vậy.

Hai người đồng nói:

— Thái Sư lên đường bình an.

Huỳnh Đề nín thở căng mắt bay lên yên ngựa. Hành động ông nhẹ nhàng, tựa như lá bay. Hai Sứ Giả liếc mắt nhìn. Họ không nói gì nhưng đưa mắt nhìn nhau, tỏ ý thần phục.

Đoàn người rời chùa Bạch Vân, xuống núi, ngày đi đêm nghỉ. Hai Sứ Giả và đoàn quân sĩ bảo vệ thật đông đảo. Ban ngày họ đi, đêm thay nhau, thức canh phòng cẩn thận. Người nào cũng tuân hành kỷ luật thật nghiêm chỉnh. Họ đối xử với Huỳnh Đề thật kính trọng. Bao nhiêu thức ăn ngon và quần áo ấm, cùng mọi tiện nghi, họ đều dành riêng cho Huỳnh Đề. Phần họ, chỉ hưởng cơm khô và nước lã, mặc quần áo mỏng manh.

Đến ngày thứ hai, Huỳnh Đề thấy ở góc trời, phía chùa Bạch Vân có khói đen bốc lên. Ông không biết chuyện gì xảy ra. Hai Sứ Giả thấy Huỳnh Đề lo lắng, bèn giải thích:

— Thưa Thái Sư, có lẽ quân sĩ đốt những thứ không cần thiết và rác rưởi trước khi họ nhổ trại rời núi.

Huỳnh Đề im lặng nhưng ông không vừa ý về lời giải thích ấy. Hai Sứ Giả tuy là người cầm binh ra trận nhưng lâu nay đã xa rời quân ngũ, do đó họ thiếu kinh nghiệm chiến trường. Theo ông, trong cách điều quân và dụng binh, không nên đốt lửa và phát khói trước khi nhổ trại. Tuy nghĩ như vậy nhưng Huỳnh Đề cũng theo toán người tiếp tục cuộc hành trình.

Đến chiều hôm đó, Huỳnh Đề thấy khói đen bốc lên nhiều hơn nhưng ông không nói gì. Hai Sứ Giả ra lệnh dừng lại nghỉ đêm. Bữa cơm chiều cũng bình thường như mọi khi, hai Sứ Giả vẫn ra lệnh pha trà cho Huỳnh Đề.

Đêm đến, trong khi mọi người yên giấc, Huỳnh Đề nhìn về phía chùa Bạch Vân. Trời tối, ông không thể thấy khói đen nữa nhưng hình như có ánh sáng tỏa lên phía ấy, rạng hồng một góc trời.

Biết có chuyện bất thường xảy ra, không tổn hại cho chùa thì cũng nguy hại đến Lão Cuồng. Nhớ lại nét mặt và lời giải

thích của hai Sứ Giả, Huỳnh Đề cảm thấy không yên tâm.

Đợi hai Sứ Giả và toán quân sĩ ngủ yên, Huỳnh Đề nhòm người dậy. Ông định bỏ ngựa và đoàn người, lên trở về chùa Bạch Vân. Nhưng, đột nhiên ông vừa vận sức đứng lên đã ngã khụy xuống. Người ông không còn chút hơi sức nào.

Huỳnh Đề vừa rần sức đứng lên đã nghe tiếng Tả Sứ Giả nói nhỏ:

— Xin Thái Sư tha lỗi, bọn tiểu nhân phải đem ngài về kinh cho kịp thời hạn.

Hữu Sứ Giả cũng lên tiếng:

— Thái Sư miễn lỗi cho.

Huỳnh Đề kinh hãi. Ông không sợ cho bản thân mà lo cho sự an lành của Lão Cuồng. Đối với chùa Bạch Vân, triều đình không có va chạm gì, thì không có lý do để họ gây tổn hại cho chùa. Còn Lão Cuồng, lão chưa bao giờ xúc phạm đến ai, tại sao...

Không dám nghĩ tiếp nữa, Huỳnh Đề cố giữ bình tĩnh:

— Chúng ta trở về chùa Bạch Vân, xem có chuyện gì bất trắc.

Hai Sứ Giả cùng lắc đầu:

— Không được.

Huỳnh Đề bức tức nói:

— Chúng ta quay trở về. Tôi chỉ muốn biết sự phụ tôi có gặp chuyện gì nguy hiểm hay không. Lúc ra đi, tôi không gặp được sự phụ để từ giả ông. Tôi chỉ cần thấy mặt sự phụ rồi đi ngay.

Ông vừa nói vừa gắng gượng bước tới nhưng hai chân ông không còn chút sức lực nào nên thân người cứ ngã nghiêng qua lại.

Hữu Sứ Giả đứng phắt dậy, nắm lấy một bên vai Huỳnh Đề. Hắn vừa muốn giúp mà cũng vừa muốn kềm chế ông.

Huỳnh Đề bật cười:

— Không ngờ đến từng tuổi này, ta lại mắc mưu hai vị.

Hai Sứ Giả cúi đầu:

— Bọn tiểu nhân có tội.

Huỳnh Đề thở dài:

— Hai vị bỏ thuốc vào nước trà phải không?

Tả Sứ Giả gật đầu đáp:

— Tiểu nhân đành phải làm vậy để giữ chân Thái Sư. Nếu ngài khỏe mạnh, chắc gì bọn tiểu nhân đối phó nổi.

Huỳnh Đề lắc đầu, ngao ngán hỏi:

— Có phải hoàng thượng ra lệnh làm như vậy?

Hữu Sứ Giả lắc đầu:

— Thưa Thái Sư, không.

— Thế thì ai ra lệnh?

— Thưa Thái Sư, tiểu nhân không được phép nói.

Huỳnh Đề xoay người cố đi tới nhưng ông không thể nhúc nhích được. Hữu Sứ Giả nhỏ nhẹ nói:

— Xin Thái Sư đừng vận sức. Ngài càng cố sức, thuốc tác động càng mạnh. Bọn tiểu nhân chỉ thi hành lệnh, nếu để nguy hại đến tánh mạng Thái Sư, hai cái đầu này sẽ không giữ được.

Hữu Sứ Giả vừa dứt lời thì Tả Sứ Giả hô lên một tiếng. Lập tức đám quân sĩ đồng loạt đứng dậy. Huỳnh Đề hiểu ra, bọn họ chỉ giả vờ ngủ say.

Trong khi Huỳnh Đề đang lo nghĩ, chưa biết cách nào đối phó thì đột nhiên trong đám quân sĩ có một người nhảy xổ ra ngoài. Người này lướt nhanh đến đám ngựa rồi lăn tròn xuống đất. Trong bóng tối, mọi người chỉ thấy ánh vũ khí loang loáng. Thì ra, người ấy đang chém chân ngựa.

Đám ngựa bị chém đứt nhượng chân, vừa ngã quỵ vừa hí vang trời. Tả Sứ Giả và đám quân xông tới để ngăn cản người ấy.

Nhưng bọn Tả Sứ Giả không kềm chế được kẻ lạ. Trong bóng đêm, người ấy di chuyển thật nhanh. Trong chốc lát, tất cả đám ngựa đều bị chém trọng thương chân, ngã hàng loạt xuống đất.

Đám Tả Sứ Giả và quân sĩ chặn bên này thì người ấy lăn qua bên kia. Họ đón phía trước thì người nọ lòn ra sau. Đám ngựa ngã xong thì đến phiên bọn quân sĩ. Đám quân này đã được chọn lựa rất kỹ. Người nào cũng giỏi võ và thiện chiến. Nhưng họ không chống cự nổi. Từng tên bị chém đứt gân chân, té khụy xuống, kêu gào, rên xiết.

Dưới ánh trăng mờ nhạt, Huỳnh Đề thấy người ấy mặc quần áo giống hệt đám quân sĩ. Hắn bịt mặt bằng một tấm vải đen, sử dụng đao bản to chứ không phải kiếm. Điều này chứng tỏ hắn là một kẻ lạ đột nhập vào hàng ngũ của hai Sứ Giả.

Trong khoảnh khắc, trên chiến trường chỉ còn người lạ và Tả Sứ Giả. Hai người đánh quăng lẩy nhàu. Tả Sứ Giả dùng hai đoản kiếm để chống chọi với thanh đao của người lạ.

Huỳnh Đề biết tài nghệ của hai Sứ Giả rất cao. Họ được Hoàng Đế chọn lựa để thi hành nhiệm vụ, tất nhiên họ không phải là những người kém cỏi. Thế mà, chỉ vài phút trôi qua, Tả Sứ Giả bị áp đảo, phải thối lui liên tục.

Thấy tình hình nguy cấp, Hữu Sứ Giả liền buông Huỳnh Đề ra, xông vào trận chiến. Cả hai Sứ Giả đều sử dụng đoản kiếm. Lúc bấy giờ người lạ với một đao phải chống cự với bốn đoản kiếm của hai Sứ Giả. Tuy vậy, trận chiến vẫn cầm chừng.

Đứng ngoài lược trận một lúc, Huỳnh Đề bèn nhắc nhở:

— Đao dài mà kiếm ngắn, tại sao không lui ra mà đánh.

Người lạ cười khảnh khách, âm thanh thật hào hùng:

— Đa tạ đại nhân chỉ giáo. Không ngờ, bao nhiêu năm qua đại nhân vẫn khỏe mạnh và sáng suốt.

Người lạ vừa lên tiếng, Huỳnh Đề cảm thấy sững sờ. Giọng người này thật quen thuộc nhưng nhất thời ông không nhận ra là ai. Tất nhiên, hắn không phải là Lão Cuồng mà cũng không là bất cứ ai trong chùa Bạch Vân.

Trong khi Huỳnh Đề suy nghĩ, ngoài trận, người lạ đã lui ra sau. Hắn giữ khoảng cách xa để chiến đấu. Quả nhiên như lời Huỳnh Đề nhắc nhở. Cuộc diện thay đổi rõ ràng, đao dài tấn công thật hiệu quả trong khi kiếm ngắn không tạo tác dụng được.

Quan sát một lúc nữa, Huỳnh Đề lại nhắc:

— Hạ bàn không vững, tại sao không đánh thấp xuống.

Hai Sứ Giả xuất thân từ chiến trường của triều đình. Họ được huấn luyện để chiến đấu trên ngựa ngoài mặt trận. Do đó, họ giỏi về chiến thuật đánh kiếm mà kém về sự di chuyển chân.

Huỳnh Đề vừa dứt lời thì Tả Sứ Giả la lớn:

— Thái Sư, tại sao ngài giúp kẻ địch?

Hữu Sứ Giả cũng hoảng hốt:

— Tại sao ngài theo địch chống lại triều đình?

Huỳnh Đề lớn tiếng nói:

— Hai vị phản ta trước. Ta thuộc triều đình chứ hai vị không phải. Hai vị bỏ thuốc hãm hại Thái Sư của triều đình, tội nặng

lắm.

Tả Sứ Giả cố cãi:

— Thái Sư chưa hồi kinh, chưa được phục chức.

Huỳnh Đệ cả cười:

— Ta đã là Thái Sư từ khi chấp hành lệnh theo chiếu chỉ của Hoàng Thượng.

Hữu Sứ Giả lo sợ nói:

— Ngài nhận lệnh từ chiếu chỉ nhưng chưa được phong chức.

Hắn vừa nói tới đây đột nhiên thét lên một tiếng đau đớn rồi ngã quỵ xuống. Thì ra nhượng chân bên phải của hắn đã bị chém trúng.

Người lạ cười sảng khoái, hào khí ngất trời:

— Đại nhân giỏi thật.

Người lạ nói xong, Huỳnh Đệ nhận ngay ra hắn. Ông vừa vui lại vừa cảm thấy ngậm ngùi:

— Ta đã bảo người ở lại phụng sự triều đình, tại sao người lại đến đây?

Người lạ xuống giọng đáp:

— Tiểu nhân cãi lệnh đại nhân, tội nặng lắm.

Trong lúc nói chuyện, người lạ thiếu tập trung liền bị đoản kiếm của Tả Sứ Giả chém trúng vào mặt và đầu. Tấm khăn che mặt bị rơi xuống và miếng khăn quấn đầu sổ tung ra.

Hai Sứ Giả đồng loạt la lên. Thì ra, người ấy trọc đầu. Tả Sứ Giả quát lên:

— Người là người của chùa Bạch Vân.

Người lạ làm thinh lẫn tròn, tấn công vào hai chân của Tả Sứ Giả. Chỉ trong chớp lát, nhượng chân bên trái của Tả Sứ Giả cũng bị chém đứt.

Hai Sứ Giả nằm lăn trên đất, không hề rên xiết, lại lớn tiếng thóa mạ:

— Tên thầy chùa phản nghịch kia, tại sao dám chống triều đình?

— Tên trọc đầu xác xược, người thắng chúng ta vì có Thái Sư chỉ điểm.

Người lạ cười sảng sặc:

— Ta không cần biết điều đó. Ta chỉ nhớ rằng, ngày hôm nay, ta đã đánh ngã hai Sứ Giả của triều đình.

Nói xong, người ấy quay về phía Huỳnh Đệ, quì xuống bái tạ:

— Đại nhân vẫn mạnh chứ. Tiểu nhân biết tội, nhưng không làm sao khác hơn được. Khi đại nhân đi rồi, tiểu nhân phụng mạng đem trả ấn tín và kiếm cho triều đình, chia hết của cải cho dân nghèo rồi tìm đường lên núi Bạch Vân.

Huỳnh Đệ thờ dài, im lặng. Người ấy

nói tiếp:

— Hơn mười năm nay, tiểu nhân giả làm một nhà sư nấu bếp để có dịp hầu hạ Thái Sư cùng tiền bối Lão Cuồng.

Huỳnh Đệ xúc động nói:

— Dũng Tướng, người không nên làm như vậy.

— Tiểu nhân biết tội đã cãi lệnh đại nhân.

Nói xong, người trọc đầu mặc quân phục, chính là Dũng Tướng, một thuộc hạ thân tín và tài giỏi của Huỳnh Đệ, quay lại phía hai Sứ Giả:

— Bây giờ, các người đã biết ta, đừng có đổ tội cho các sư trong chùa Bạch Vân.

Tả Sứ Giả hần học nói:

— Ngày xưa, ta có nghe qua danh tiếng của người. Bây giờ đã bại dưới tay người, thật sự chúng ta không phục vì có Thái Sư chỉ điểm, chỉ tiếc là công việc mà Hoàng Thượng giao phó chưa thực hiện được.

Huỳnh Đệ ôn tồn nói:

— Hai Sứ Giả vẫn hoàn thành công việc mà. Chỉ có điều là hơi chậm trễ một chút thôi. Ta về chùa Bạch Vân để vấn an sư phụ ta rồi quay về kinh lập tức. Ta sẽ tâu với Hoàng Thượng, hai vị lập công lớn, đã hết lòng hết sức đến nỗi bị thương tật như thế này.

Hai Sứ Giả thờ dài:

— Đa tạ Thái Sư, chúng tôi có tội đã phục thuốc hại ngài. Chỉ cần tịnh dưỡng, không cử động trong ba ngày, Thái Sư sẽ bình phục hoàn toàn.

Huỳnh Đệ gật đầu rồi quay lại phía Dũng Tướng:

— Chúng ta về chùa Bạch Vân.

Nói xong, Huỳnh Đệ định bước đi nhưng không thể nhấc chân lên được. Ông nghiêng người vừa sắp ngã thì thật nhanh, Dũng Tướng đã lao tới đỡ lấy ông.

Dũng Tướng cõng Huỳnh Đệ trên lưng nhấm hương chùa Bạch Vân chạy thẳng.

Huỳnh Đệ nằm trên lưng thuộc hạ, thờ dài hỏi:

— Lâu nay, người vẫn khỏe mạnh chứ.

— Đa tạ đại nhân, tiểu nhân vẫn bình thường.

— Vai trái người còn đau nhức hay không?

Dũng Tướng xúc động đáp:

— Thịnh thoảng tiểu nhân vẫn đau nhưng nhờ bài thuốc của đại nhân, thoa vào lại hết.

Khởi Hành

Tạp chí Sáng Tác Sinh hoạt
Văn học Nghệ thuật



Sáng lập:

Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Chủ nhiệm Chủ bút:

VIÊN LINH

Toà Soạn: 9306 Bolsa Ave

Westminster, CA. 92683

Thư từ: P.O. BOX 670

Midway City, Ca. 92655

ĐT: (714) 897-2599 / 894-4950

FAX: (714) 894-7333

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI:

PHÁP:

■ Mme Phạm Thu Hương/An Tiêm
14 Villa des Acacias
202 Rue d'Epinay
95360 Montmagny, France
Tel: 01 39 84 00 84

■ Mme Vũ Lan Phương/Đào Viên
82 Rue Baudricourt
75013 Paris, Metro Tolbiac
Tel: 01 45 85 20 70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại
Nhà sách Nam Á

ĐỨC: Thế Dũng

Mellensee Str. 43

10319 Berlin, Germany

Tel: 49 30 512 29 74

VIRGINIA: Nhà Sách Minh Văn
2808 Graham Rd, Falls Church
Tel: (703) 698-8490/8491

SEATTLE, WA: Trần Thế Phong

SAN DIEGO, CA: Vũ Đức Trường

Nhà sách Thuý Anh

4745 El Cajon Blvd # 101

SAN JOSE: Sương Mai

ATLANTA, GA: Cô Thuý Đồng

3146 Dunwoody Rd # 203

Chamblee, GA. 30341

PHOENIX, AZ: Vũ Thành

ALABAMA: Lê Nguyễn

Bài vở gửi cho báo khác vui lòng đừng gửi cho Khởi Hành. Toà soạn không trả lại bản thảo. Bài được đăng không nhất thiết phản ánh chủ trương của tờ báo. Muốn trích đăng bài vở đã đăng trên Khởi Hành phải có thoả thuận trước với Toà soạn và phải ghi rõ xuất xứ, số báo.

GIÁ BẢO:

Giá \$3.50 mỹ kim một số
Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm
12 số. Thư từ bài vở liên lạc:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

Midway City, CA. 92655

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí Khởi Hành

Tên.....Đ.th.....

Địa chỉ

Tôi muốn mua 1 năm 12 số từ số 1 đến số 12/ (hoặc 2 năm 24 số

từ sốtới số)

1 năm: 24 mỹ kim/ 2 năm: \$45.00 mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm \$1.50 MK một số cho cước phí bưu điện. [Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ 1 năm trở lên. Mua lẻ tính theo giá ngoài bìa, cộng thêm 78 xu cước phí một số].

Kèm đây là ngân phiếu

Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA. 92655

— Ở, hết đau chủ là tạm bợ, xương vai trái của người đã bị gãy nát, khó lòng mà hồi phục được bình thường. Đây, người từ chùa Bạch Vân theo ta đến đây phải không?

— Thừa đại nhân, đúng vậy.

— Lúc người rời chùa, có thấy sư phụ ta hay không?

— Lúc đánh một quân sĩ ngất xỉu, giấu hấn sau gốc cây cổ thụ, lấy quần phục để giả trang, tiểu nhân có thấy lão tiền bối trèo lên ngọn cây.

— Sư phụ ta trèo lên ngọn cây làm gì?

— Tiểu nhân không rõ, có lẽ lão tiền bối muốn quan sát sự việc bên dưới.

Huỳnh Đề gật đầu, tư an ủi:

— Sư phụ ta là người thông minh và cơ trí lắm.

Dũng Tướng vẫn chạy đều, cố nén hơi thở, hổn hển nói:

— Tiểu nhân có nghe lén được, các Thượng Thư cho người gom cây khô để đốt căn nhà chứa củi.

Huỳnh Đề ngạc nhiên hỏi:

— Họ đốt căn nhà chứa củi để làm gì? Ta đã đi rồi. Sư phụ ta chỉ có căn nhà đó để cư trú.

Dũng Tướng lắc đầu:

— Có lẽ họ muốn hãm hại lão tiền bối.

Huỳnh Đề nóng nảy hỏi:

— Tại sao họ muốn hại sư phụ ta?

— Tiểu nhân không biết.

Huỳnh Đề nhớ tới khói đen và ánh lửa phía chùa Bạch Vân. Ông hoảng hốt nói:

— Không xong rồi, họ đã nổi lửa, không biết sư phụ ta ra sao rồi.

Dũng Tướng gật đầu vâng dạ, cố sức chạy nhanh hơn. Hai người đi như thế suốt ngày suốt đêm. Khi mệt, Dũng Tướng dừng lại nghỉ ngơi. Hấn lấy lương khô và nước lã,

cùng Huỳnh Đề ăn uống. Bớt mệt, hấn lại cố gắng Huỳnh Đề tiếp tục cuộc hành trình.

Qua một ngày nữa, Dũng Tướng quá mệt. Hấn thở hồng hộc, mắt hoa, chân tay rã rời. Huỳnh Đề đành phải nghỉ:

— Người để ta ở đây, rán sức về cho kịp để cứu sư phụ ta.

Dũng Tướng cố giữ hơi thở đều, nài nỉ:

— Thân phận tiểu nhân thấp hèn, các vị Thượng Thư không chịu nghe đâu. Đại nhân phải có mặt, mới mong ngăn cản được họ. Tiểu nhân vẫn khỏe mà.

Dũng Tướng vừa nói vừa hoa tay, múa chân chứng tỏ sức mạnh. Huỳnh Đề nhìn hành động của thuộc hạ, ứa nước mắt, nhưng không biết làm cách nào khác hơn. Thấy Huỳnh Đề bằng lòng, Dũng Tướng mừng rỡ, khom người, cõng ông lên lưng, nhắm hướng chùa Bạch Vân, tiếp tục chạy.

Cuộc hành trình càng lâu, Huỳnh Đề càng nóng lòng mà Dũng Tướng càng mệt.

Đến ngày thứ ba, họ đã thấy núi Bạch Vân xuất hiện sau rặng cây xanh ở chân trời.

Dũng Tướng cẩn thận, không dám thở mạnh, cố sức chạy nhanh hơn. Hấn làm vậy để Huỳnh Đề không áy náy, bắt hấn phải dừng chân. Nhưng vì thế mà Dũng Tướng càng mệt hơn.

Dũng Tướng chạy suốt đêm. Đến rạng sáng, hai người tới được sau chùa Bạch Vân. Từ xa, Huỳnh Đề đã thấy khói đen bốc mù mù và nghe tiếng reo hò ầm ĩ.

Còn cách ngôi nhà chứa củi chừng vài chục bước, Dũng Tướng đã té quỵ trên đất. Một chân hấn quỳ gối một chân duỗi ra,

dầu gục xuống, nhưng vẫn giữ cho Huỳnh Đề không ngã.

Thấy khói lửa và tiếng reo hò như vậy, Huỳnh Đề biết đám quan quân đã tấn công từ lâu. Ông không dám vận sức, chỉ cố đi nhanh về phía ngôi nhà chứa củi.

Huỳnh Đề thấy hai Thượng Thư đang chỉ huy đám quân chặt cây cổ khô dưới gốc cây cổ thụ, đốt lửa phừng phừng. Lửa nóng tỏa ra một vùng rộng lớn còn khói đen bốc lên mù mịt một góc trời.

Thân cây cổ thụ bị cháy nám còn cành lá đều bị thiêu rụi. Huỳnh Đề nhìn lên, thấy lơ mơ một người mặc quần áo xám đang nằm trên một cành cây to.

Đám quan quân vây bọc bên dưới. Chúng không leo lên được mà chẳng có ai đủ sức nhảy tới cành cây đó.

Huỳnh Đề tính nhẩm. Từ ngày ông rời chùa đến hôm nay đã được sáu ngày. Thế thì, nếu căn cứ vào lời kể của Dũng Tướng thì Lão Cuồng đã ở trên đó, chịu đói khát đến cả sáu ngày.

Tiếng reo hò đột nhiên nhỏ dần rồi im bật. Chỉ còn tiếng lửa reo và cây khô cháy rã rạc. Bọn quan quân đã thấy Huỳnh Đề tiến dần lại nên thôi la hét.

Tất cả đều quay đầu lại. Hai vị Thượng Thư thấy Huỳnh Đề trở lại một mình, vừa ngạc nhiên vừa lo sợ. Lễ Bộ Thượng Thư cúi đầu chào, kính cẩn hỏi:

— Tại sao Thái Sư trở lại? Còn hai vị Sĩ Giả đâu rồi?

Huỳnh Đề không trả lời, quắc mắt hỏi lại:

— Ai ra lệnh thiêu cây cổ thụ, cố giết sư phụ ta?

Hai Thượng Thư nhìn nhau im lặng. Huỳnh Đề gần hỏi:



Bác Sĩ Tâm Lý LÊ ĐÌNH PHƯỚC

(DR. DANIEL D. LEE, FACFE, DABMP, DABFM)

LICENSED CLINICAL PSYCHOLOGIST

Fellow, American College of Forensic Examiners

Diplomate, American Board of Medical Psychotherapy

Professional Member, National Academy of Neuropsychology

Board Certified & Diplomate, American Board of Forensic Medicine



- Tốt nghiệp chuyên khoa Tâm-lý Trị-liệu, Tâm-lý Pháp-lý, Thần-kinh Tâm-lý.
- Nguyên Giáo Sư Viện Đại Học Đà Lạt, Viện Đại Học Vạn Hạnh (1973-1975)
- Nguyên Giám Đốc Chương Trình Định Cư và Chương Trình Sức Khỏe Tâm Thần, International Institute of Los Angeles, L.A., CA. (1975-1977)
- Nguyên Giám Đốc kiểm Bác Sĩ Tâm Lý, Chẩn Y Viện Tâm Thần cho người Đông Dương (Indochinese Mental Health Clinic, County of L.A., CA. (1980-1983)
- Nguyên Assistant Clinical Professor of Psychiatry and Behavioral Sciences, School of Medicine, University of Southern California, L.A., CA. (1980-1984)
- Bác Sĩ Tâm Lý tại các Bệnh viện Tâm Thần ở vùng Orange County và Los Angeles County từ năm 1984.

Chuyên môn:

- Thẩm Định Thần Kinh Tâm Lý và Tâm Lý Pháp Lý (Neuropsychological & Forensic Psychological Evaluations).
- Thẩm Định và Trị Liệu các tổn thương về Tâm Lý do các loại tai nạn gây ra (Personal Injury, Workers Compensation)
- Chẩn Bệnh và Trị Bệnh Tâm Lý cho người lớn và trẻ em (Psychological Evaluation & Psychotherapy)
- Cố vấn các khó khăn giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, tâm thần suy nhược, chán nản, buồn phiền, lo sợ, căng thẳng tâm trí.

27 năm kinh nghiệm chuyên nghiệp trong ngành sức khỏe tâm thần

2021 East Fourth St., Suite 102 • Santa Ana, CA 92705

(714) 834-1074 Xin lấy hẹn trước

— Ai ra lệnh? Có phải hai vị chấp hành lệnh của Hoàng Thượng hay không? Hoàng Thượng có ra lệnh giết sư phụ ta hay không? Hình Bộ Thượng Thư ưỡn ngực nói: — Chúng tôi ra lệnh này. Hoàng Thượng không ra lệnh giết sư phụ của Thái Sư.

Huỳnh Đề đi tới thêm mấy bước, khoát tay ra lệnh:

— Dập tắt lửa, dẹp hết củi khô.

Thấy thái độ nghiêm trang và hùng dũng của Huỳnh Đề, đám quân sĩ đồng loạt thối lui ra sau. Hình Bộ Thượng Thư bước tới, đối mặt với Huỳnh Đề:

— Hoàng Thượng đã ban cho chúng tôi quyền tiền trạm hậu tấu trong công chuyện này. Thái Sư dám ngăn cản hay sao?

Huỳnh Đề bức tức hỏi:

— Ta đã đồng ý hồi kinh. Tại sao hai ông muốn giết sư phụ ta?

Lễ Bộ Thượng Thư lạnh lùng đáp:

— Chính vì người này mà Thái Sư bỏ Hoàng Thượng, bỏ triều đình, bỏ cả đất nước. Nếu chúng tôi không giết ông ấy, thế nào khi xong việc, Thái Sư cũng quay về đây.

Huỳnh Đề gần từng tiếng:

— Hoàng Thượng không ra lệnh, hai ông tự tiện giết sư phụ ta. Tội này không nhỏ đâu.

Lễ Bộ Thượng Thư vẫn cười hách dịch:

— Hoàng Thượng giao toàn quyền cho chúng tôi. Ngài có nói rằng, có thể làm bất cứ chuyện gì để Thái Sư sớm trở về kinh, giúp dân, giúp nước. Chúng tôi vì Hoàng Thượng, vì dân, vì nước mà hành xử.

Huỳnh Đề không dần được cơn giận:

— Các ông đã đi quá lối rồi. Các ông đã lạm. Sư phụ ta có mẫn phần, ta vẫn trở về đây.

Huỳnh Đề vừa nói vừa bước tới, hô lớn:

— Dẹp hết lửa củi, mang sư phụ ta xuống.

Hình Bộ Thượng Thư rút một thanh gươm ngắn, bao bọc vàng, giơ lên cao:

— Đây là kiếm lệnh của Hoàng Đế, ai trái lệnh ta sẽ bị chém đầu.

Đám quân sĩ đều kinh hãi, thối lui ra xa. Huỳnh Đề vẫn bước đều tới. Vài tùy tướng của hai Thượng Thư xông ra, án ngữ trước mặt Huỳnh Đề. Một người lớn tiếng

nói:

— Xin Thái Sư lui bước, nếu không, chúng tôi đành phải thất lễ.

Huỳnh Đề mặc kệ mấy vị tướng đó, cứ đi thẳng tới. Mấy tùy tướng của hai Thượng Thư đang luống cuống không biết phải làm sao thì đột nhiên Huỳnh Đề xé toang áo vải đang mặc, vất xuống đất.

Mọi người đồng loạt kêu lên ngạc nhiên. Trên người Huỳnh Đề lộ ra nguyên bộ áo vàng chói có thêu hình rồng ở cả trước và sau. Cổ và tay áo đều có thêu nhiều hình rồng bay, phượng múa.

Các tùy tướng vừa thấy chiếc áo vàng của Huỳnh Đề đang mặc, đều thất kinh, lui hết ra xa. Huỳnh Đề lớn tiếng hỏi:

— Các vị có biết áo này không?

Mọi người đều im lặng. Chờ một lúc, thấy không ai trả lời, Huỳnh Đề hỏi tiếp:

— Đây là Hoàng Y của Hoàng Đế. Thấy áo cũng như thấy người. Vị nào phạm thượng có biết tội tru di tam tộc như thế nào không?

Huỳnh Đề vừa nói vừa bước lại gần cây cổ thụ. Lúc ấy lửa vẫn bốc cao ngùn ngụt. Hơi nóng hừng hực lan rộng cả một vùng. Nếu để Thái Sư mặc Hoàng Y phải chết trong lửa, tội nhẹ nhất cũng phải bêu đầu nên đám quân sĩ hoảng sợ, liền xông tới gạt phắt hết củi lửa ra xa. Chúng còn cẩn thận đẩy hết tro tàn ra chỗ khác.

Cả bọn xếp hàng trước mặt Huỳnh Đề, đồng loạt quỳ xuống. Huỳnh Đề đồng dạng ra lệnh:

— Chúng bây leo lên cây, mang sư phụ ta xuống. Ai để sư phụ ta tổn thương sẽ chịu tội xử trảm hoặc phân thân.

Đám quân sĩ vừa nghe lệnh, hết thảy kinh hoàng. Mặc kệ lời đe dọa của hai vị Thượng Thư, chúng ném dây lên những nhánh cây, cố sức trèo lên.

Hì hục thật lâu, đám quân sĩ mang được Lão Cuồng xuống. Đã qua gần một tuần lễ nhịn đói, chịu khát, và bị hít thở khói nên Lão Cuồng kiệt sức, gần như hôn mê. Cả người lão, từ mặt mũi cho đến quần áo đều bị khói đen bám đầy.

Huỳnh Đề xốc Lão Cuồng lên. Người lão mềm nhũn. Lão thở thoi thóp, chân tay buông xuôi. Người lão đã ốm, bấy giờ hai mắt lão nhắm nghiền, má hóp lại, nên càng

trông thảm hại hơn. Râu tóc bạc trắng của lão đã bị khói nhuộm đen.

Huỳnh Đề mang Lão Cuồng vào nhà chứa củi, lấy vải ướt lau mặt cho lão. Huỳnh Đề lấy dao cứa mạch cuống tay, cạy miệng Lão Cuồng rồi nhỏ máu vào miệng lão.

Bên ngoài, mặt trời lên cao, nắng bắt đầu chiếu gay gắt. Hai Thượng Thư và đám quân sĩ đã dập tắt lửa, dọn dẹp củi khô, chuẩn bị trở về kinh.

Trong nhà, nuốt được máu của Huỳnh Đề, Lão Cuồng khỏe lại dần. Khoảng chừng tàn nửa cây nhang, Lão Cuồng đã hồi tỉnh. Lão mở hé mắt nhìn Huỳnh Đề rồi nhắm mắt lại. Một lúc sau, Lão Cuồng từ từ ngồi dậy. Huỳnh Đề lo lắng nói:

— Sư phụ hãy nằm yên tĩnh dưỡng.

Lão Cuồng mỉm cười, thần sắc đã hồng hào trở lại. Lão xoay người xé một vạt áo, quấn chặt cánh tay Huỳnh Đề để ngăn máu chảy. Lão ôn tồn nói:

— Người thợ độc chưa khỏi hẳn, đừng phí sức như vậy. Hãy ngồi đây nghỉ ngơi.

Lão Cuồng đẩy Huỳnh Đề ngã lưng vào vách rồi ngồi xếp bằng, nhắm mắt, hai tay thả lỏng trên đầu gối. Cả hai ngồi yên lặng như thế, thờ ơ.

Một lúc sau, trên đầu Lão Cuồng có khói trắng bốc lên nghi ngút. Lão Cuồng mấp máy môi, giọng trầm đều:

— Nâng chõ hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng, Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt tới bốn bề. Sinh ra mà không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nường cậy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Giọng Lão Cuồng nhỏ, lời êm dịu xuyên suốt vào não Huỳnh Đề.

— Nâng chõ hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng, Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt tới bốn bề. Sinh ra mà

TUYỂN TẬP THƠ

MỘT
THỜI
LƯU LẠC



CỘI NGUỒN

ĐÓN ĐỌC

MỘT THỜI LƯU LẠC

Tuyển tập thơ ba mươi tác giả: ba mươi nhân chứng lịch sử thoát thân từ những biến cố tai ương, nạn nhân của cuộc chơi bạo-lực-ý-thức-hệ sai lầm và xảo quyệt, là kẻ bị lưu đày ra khỏi quê hương mình, đã sáng tạo những dòng thơ vừa dịu dàng, vừa đầy hào khí của những tâm lòng thiết tha tìm về nguồn cội.

Cao My Nhân • Chu Vương Miện • Cung Diễm • Diên Nghị • Duy Năng • Đào Vũ Anh Hùng • Hà Thượng Nhân • Hà Trung Yên • Hà Ly Mạc • Huệ Thu • Huỳnh Ngọc Diệp • Khang Lang • Lâm Thùy Giang • Lưu Trần Nguyễn • Ngô Minh Hằng • Ngô Đức Diễm • Nguyễn Phương • Nguyễn Phúc Sông Hương • Nguyễn Trung Dũng • Phạm Ngọc • Quang Tuấn • Song Nhị • Suong Mai • Trần Văn Lệ • Thanh Thanh • Trâm Cà Mau • Triều Nghi • Phạm Ngọc • Quang Tuấn • Song Nhị • Suong Mai • Vi Khuê • Võ Ý • Ý Yên.

Liên lạc: SONG NHỊ
703 Balfour Dr.
San Jose, Ca 95111
408-279-8919

CỘI NGUỒN Xuất Bản.
Sách dày 300 trang.
Bìa: Họa sĩ Huỳnh Ngọc Diệp.



K-HUIC LAN
MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM
CÔ DÂU NGƯỜI MẪU, DA TIẾC

TEL: (714) 839-8845
PAGER: (714) 312-2769

không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nường cấy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Lão Cuồng nói đều, âm trầm ấm, dịu ngọt. Nắng từ thiên đình xuyên qua mái nhà, chiếu loang lổ xuống nền đất. Gió từ cổ đại, len lỏi qua khe, lung lay những mạng nhện bên vách. Hơi ẩm tận thiên thu đổ về, ấp ủ con người.

Lời Lão Cuồng vẫn vang đều:

— Nâng chõ hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng. Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt tới bốn bề. Sinh ra mà không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nường cấy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Lão Cuồng nói nhỏ dần rồi im bặt. Lão ngồi thư thả, thở đều, mắt nhắm, tựa như ngủ mà không phải ngủ, không giống thức mà y như thức. Mọi động tĩnh, hay thay đổi của tình huống bên ngoài đều không thoát khỏi sự nhận biết của lão.

Thấy Lão Cuồng đã hồi phục, Huỳnh Đề đứng dậy, đi lẩn ra ngoài. Hai Thượng Thư và bọn quan quân đứng xếp hàng trước sân. Họ cúi đầu, im lặng chờ đợi.

Huỳnh Đề lẳng lặng đi về phía Dũng Tướng đang quì bên sân. Nắng chiếu thật gay gắt, nóng bỏng mà Dũng Tướng vẫn còn quì y thế ban đầu. Hai tay Dũng Tướng vẫn chịu trên đầu gối, một chân co, một chân duỗi. Quần áo Dũng Tướng ướt sũng mồ hôi. Đầu hấn gục xuống, nên không ai biết hấn thức hay ngủ.

Huỳnh Đề đến gần, lay vai Dũng Tướng:

— Người đã khổ cực quá nhiều, tại sao không vào trong ngôi nghỉ.

Không thấy Dũng Tướng cử động hay nói năng gì, Huỳnh Đề lay hấn mạnh hơn:

— Người vào trong kia tịnh dưỡng rồi

cùng ta trở về kinh.

Vẫn không thấy Dũng Tướng cựa cựa hoặc đáp lại, Huỳnh Đề hoảng hốt nâng đầu hấn lên.

Dưới ánh nắng chói chan và rực rỡ, tóc Dũng Tướng còn ướt đầm đìa mồ hôi, mắt hấn vẫn mở lớn nhưng đã đứng tròng.

Huỳnh Đề quì xuống bên cạnh, ôm Dũng Tướng vào lòng. Ông ngược mặt lên trời, thở hắt ra, hai hàng nước mắt tuôn tràn. Ánh mặt trời chói rọi nhưng mắt Huỳnh Đề cay xè không phải vì sức nóng đó mà chính do nỗi đau đớn trong lòng. Người thuộc hạ trung kiên suốt đời tận tụy vì chủ và sự hi sinh cuối cùng đó đã xoắn tim Huỳnh Đề lại. Cơn đau tưởng chừng phá tung cả lồng ngực ông. Huỳnh Đề há to miệng, phun máu lên trời, hú thảm thiết. Tiếng kêu bi thương kéo dài mãi liệt.

Hai Thượng Thư và bọn quan quân tiến lại gần nhưng không ai dám chạm vào người Huỳnh Đề. Họ thẳng thốt đứng nhìn.

Máu miệng Huỳnh Đề tuôn ông ộc, nhuộm đỏ cả hoàng y. Màu vàng rực rỡ của áo tẩm máu đỏ trở thành nâu sẫm, bóng ngời dưới ánh mặt trời.

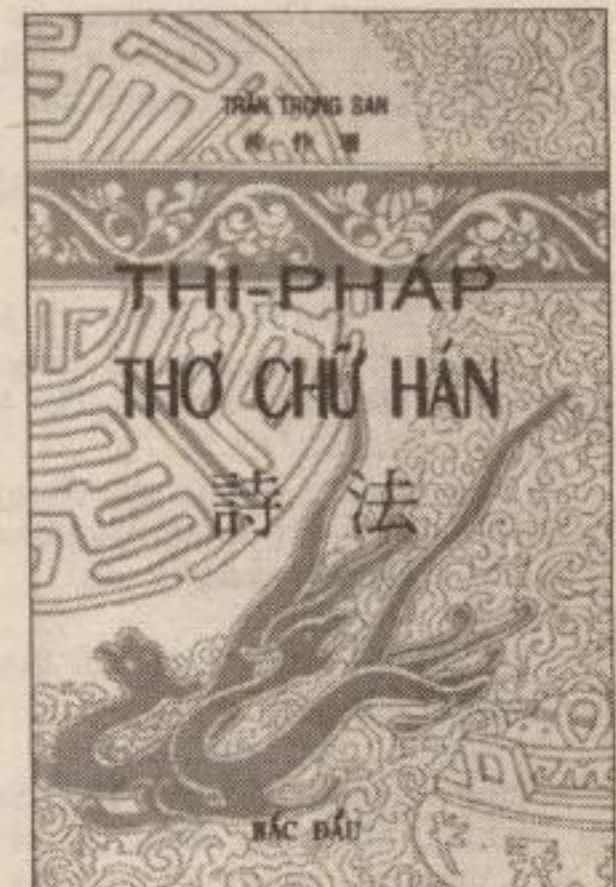
Trong lúc mọi người hoang mang không biết phải làm gì thì đột nhiên một bóng xám từ trong nhà chứa, cưỡi lao ra. Đám quan quân phải thối lui lại.

Người ấy là Lão Cuồng. Người lão lướt như bay. Vạt áo xám còn nhuộm khối đen rung phấp phật. Mớ tóc bạc đã biến thành xám xịt bay lất phất trong gió.

Lão Cuồng tiến đến gần, một tay nắm cổ áo Huỳnh Đề, một tay thọc lưng áo Dũng Tướng. Hai tay xách hai người, Lão Cuồng bay lướt lên trời.

Hai Thượng Thư và quan quân ngơ ngác ngược lên nhìn. Bỗng nhiên họ thấy ánh mặt trời bị một bóng mờ che khuất và đầu họ bị ai đó đập lên thật mạnh.

ĐÃ PHÁT HÀNH



Thì ra, Lão Cuồng xách Huỳnh Đề và Dũng Tướng đã đập lên đầu hai Thượng Thư và đám quân sĩ mà chạy. Lão vừa chạy vừa hú, lướt bay xuống núi, tiến về phía kinh đô.

Tiếng hú vừa trầm vừa lớn. Đám quan quân kinh hoàng, hai tai lùnh bùng như màng nhĩ sắp thủng.

Lão Cuồng đã đi xa mà tiếng hú còn vang lộng lộng.

Đám quan quân lục tục nhổ trại trở về kinh.

Chùa Bạch Vân trở lại tịch mịch như tư bao giờ. Sau chùa Bạch Vân càng vắng lặng hơn. Từ nay, không còn ai quét lá sau chùa nữa. ■

Yêu Văn Học, Mời Đọc Hàng Tháng
Tập Chí Sáng Tác Sinh Hoạt
Văn Học Nghệ Thuật

Khởi Hành

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ PHÁT HÀNH NGÀY 15 MỖI THÁNG

Đã phát hành ■ số 18 tháng 4-1998: Đặc Biệt 30 Tháng 4 ■ Khởi Hành 17: Nền Văn Minh Ông Đồ ■ Khởi Hành 16: Đặc Biệt Bùi Giáng ■ chủ đề các số trước: ■ Khởi Hành 15: Ngồi Thiền Ở Hà Nội Với Phùng Quán ■ Khởi Hành 13-14: VŨ ĐÌNH LIÊN, tác giả bài thơ Ông Đồ ■ Khởi Hành 12: NHẤT HẠNH, phỏng vấn, trích thơ văn. Kỷ niệm THI SĨ BẢNG BÁ LẦN ■ Khởi Hành 11: HỮU LOAN, tâm sự và toàn văn bài Màu Tím Hoa Sim. Với Đỗ Khánh Hoan * Vũ Đình Trác * Trần Văn Nam * Trần Trọng San * Nguyễn Sy Tế * Trang Châu. ■ Khởi Hành 10: SINH NIỆM MAI THẢO Mặc Thu: Những Ngày Cuối ở Sài Gòn của Mai Thảo * Tạ Ty: Buồng Tay * Phan Tấn Hải: Với Nhà Văn Mai Thảo * Viên Linh: Mai Thảo Riêng Tôi * Cùng với Phan Lạc Tiếp: Cây Na * Phạm Duy: Nói Thêm Về Văn Cao * Nguyễn Tá Cúc: Tô Thùy Yên, Nhà Thơ * Trần Hoài Thư: Đôi Mắt * Tuệ Pháp: Trí Hải và Thiên Bankei ■ Khởi Hành 9: Văn Cao, Giấc Mơ Một Đời Người. Bài vở của Kỳ giả Lô Răng Phan Lạc Phúc * Trần Trọng San * Hoàng Hải Thủy * Hồ Minh Dũng * Hà Thúc Sinh. ■ Khởi Hành 8: Cuộc Đời Thanh Nam. Bài vở của Mặc Thu * Vũ Đức Vinh * Nguyễn Thiếu Nhân * Viên Linh * Hồ Trường An * Lê Tất Điều * Thơ W. Szyborska, Lưu Nguyễn. ■ Khởi Hành 7: Vụ Thủ Tiểu Khai Hưng Năm 1947, bài của cựu thuyền trưởng Phạm Ngọc Lũy. Thơ Vương Đức Lệ gửi từ VN. Phòng Truyền Địa Ngục: Di cảo của Phùng Cung. Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan ■ Khởi Hành 6: Tưởng Niệm Chu Tử với Mặc Thu * Viên Linh * Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư: Lô Răng Phan Lạc Phúc * Trần Lam Giang: Thơ Chữ Hán Nguyễn Du * Đào Mộng Nam: Hai Con Hạc Trắng. Tình Sử ■ Khởi Hành 5: Kỷ Niệm Với Bình Nguyên Lộc. Kỷ Niệm Với Đình Hùng. Bài vở của Hồ Trường An * Thái Văn Kiểm * Cung Trầm Tưởng * Trần Văn Nam * Hoàng Phong Linh * Mặc Thu ■ Khởi Hành 4: Gặp Trần Dần với Nguyễn Hữu Hiệu * Đoàn Thanh Liếm * Chiêu Niệm Nhượng Tống: Phan Lạc Phúc * Văn Cổ Khai Xuân * Phùng Cung * Chánh Ân Phu Nhân: Đỗ Khánh Hoan * Và Hoàng Lập Ngôn * Nguyễn Sy Tế * Trần Hồng Châu * Bùi Bích Hà * Huy Trầm ■ Khởi Hành 3: Di Cảo Phùng Quán * Nguyễn Hữu Hiệu: Thác Cồn Vương Tơ * Truyện Ma do Charles Dickens kể * Hồ Trường An * Trần Trọng San * Nguyễn Sy Tế * Cao Tiểu ■ Khởi Hành 2: Đặc Biệt Giáng Sinh với bài vở của Vũ Đình Trác * Nguyễn Hiến * Đỗ Khánh Hoan * Mặc Thu * Chiêu Niệm Sử Gia Phạm Văn Sơn của Hoàng Ngọc Liên * Truyện Ma do Guy de Maupassant viết ■ Khởi Hành 1/11-1996: Dạ Kỳ Viết Từ Hà Nội của Phùng Cung * Ai Ra Lệnh Giết Nhượng Tống: Nguyễn Tá Cúc. (Khởi Hành còn đủ bộ từ số 1).

Chủ nhiệm Chủ bút: VIÊN LINH

Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm 12 số. Giá lẻ \$ 3.50 mk một số.

Thư từ bài vở ngân phiếu gửi về: Khởi Hành, P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

ĐỖ KHÁNH HOAN

VĂN HỌC, BRAZIL



BA VI

ĐÃ PHÁT HÀNH

liên lạc Đỗ Như Hằng
27 Maitland Dr
Markham, Ont. L3R 4M6
Canada

Mua Dài Hạn

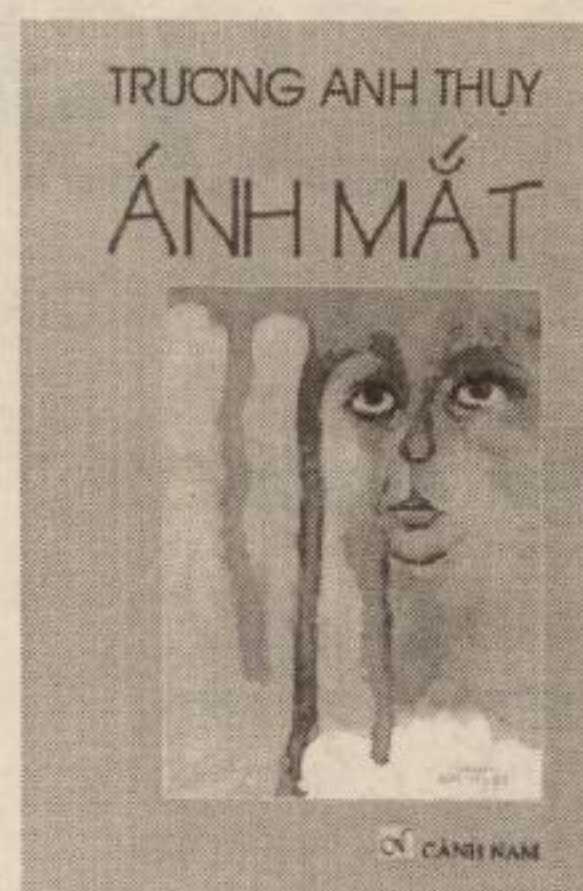
KHỞI HÀNH

24 mỹ kim một năm

12 số báo

TỜ BÁO, BẠN ĐỌC

TÂM THƯ



Sau Khởi Hành số 18, phát hành ngày 15 tháng 4-98, chúng tôi có nhận được trong thời gian từ ngày 13 tháng 4 tới 12 tháng 5-thư từ, bài vở, phiếu mua báo dài hạn hoặc sách báo gửi tặng của quý vị có tên dưới đây. Xin được trả lời lần lượt.

BẠN ĐỌC DÀI HẠN

NAM GIAO (ddch) - NGÔ TRONG CHU (OR) - QUANG NGUYEN (VA) - TƯỜNG LƯU (TX) - ĐINH QUÍ TRẮNG (WA) - CHRIS TONG (CA) - METTA KHANTI (TX) 2 thư - NGUYEN NGOC BAO (đdc-no) - ĐHD (SD) đdc - ĐINH NGUYEN (CT-ddc) - THAI KE AN (OR) - GS NG K KH (SJ) - TOÀN CHÍNH (VA, bởi HHOANG) NG PH SH (CA) HOÀNG LỘC (TN) - HIEN BUI (MI).

Trân trọng cảm ơn quý bạn.

THƯ TỪ / BÀI VỞ

TRẦN YÊN HÒA (2) LƯU VĂN VINH - THÊ UYÊN - NGUYỄN HÒA TRƯỚC - HOÀNG NGỌC HIỀN - DOÀN QUỐC SỸ -

—Ông ĐINH QUÍ TRẮNG (WA). Ông đọc trong Khởi Hành các số mới đây sẽ thấy địa chỉ để mua sách của Bùi Giáng. Ngay trong số này cũng có địa chỉ của Nhà An Tiêm in sách Bùi Giáng. Sách của

Nguyễn Hữu Hiệu còn đang in, ông có thể liên lạc với chúng tôi, cho biết muốn mua những sách nào, hoặc viết thư chúng tôi sẽ chuyển. Ông Phạm Công Thiện ở Úc, thỉnh thoảng mới qua Mỹ. Cách đây vài số chúng tôi có giới thiệu sách PCT, có in địa chỉ trong kỳ đó.

—Anh LÊ GIA NGUYỄN (OR). Bài thơ của anh làm nhớ đến Jacques Prévert. Sẽ đăng. Trong khi đó vẫn đợi truyện ngắn của Anh. Anh xem giùm ở vùng đó có một tiệm sách nào không?

—Mr PHAN - Đã nhận được thư. Đã đọc kỹ, sẽ đọc lại để có dịp nói chuyện nhiều hơn.

—Ông PHAN VĂN MINH - Kỳ này phải gác lại truyện ngắn Những Người Thấp Nhỏ Chinh Phục Không Gian của ông, vì loạt bài về nhà thơ Octavio vừa từ trần. Sẽ in số tới. Cảm ơn. —RỪNG (CA) Cảm ơn bạn về mấy cái dessins. Mấy bài thơ trong E-mail hư rồi. Làm ơn chép lại cho. Thân.

—Anh LÊ ĐỨC VI - Thư bà Ngân Giang ở Hà Nội gửi cho cụ Bùi Khánh Dân năm ngoái, mà sao Anh lại hoa, mà không phải cụ Bùi? Đã gửi thêm KH số 30 tháng Tư cho anh.

—Anh NGUYỄN NGŨ - Đã nhận truyện Con Chó Mực của Anh.

—Anh NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG. Số sau sẽ giới thiệu trên Khởi Hành. Tôi vẫn còn nhớ hồi ở Việt Nam đọc

thơ Thái Luân. Hình như anh Phạm Duy có phổ bài thơ 'đạo diễn dợ tay lên'?

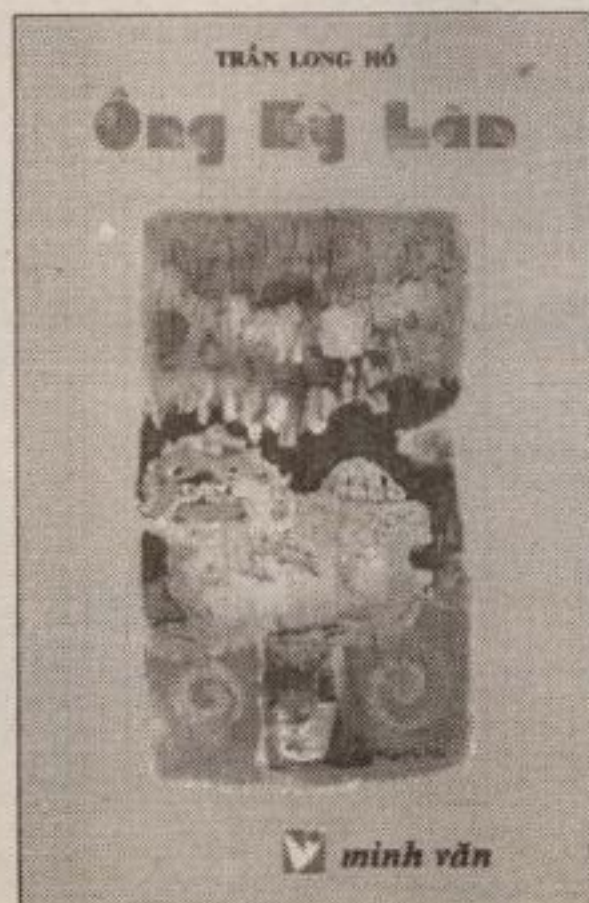
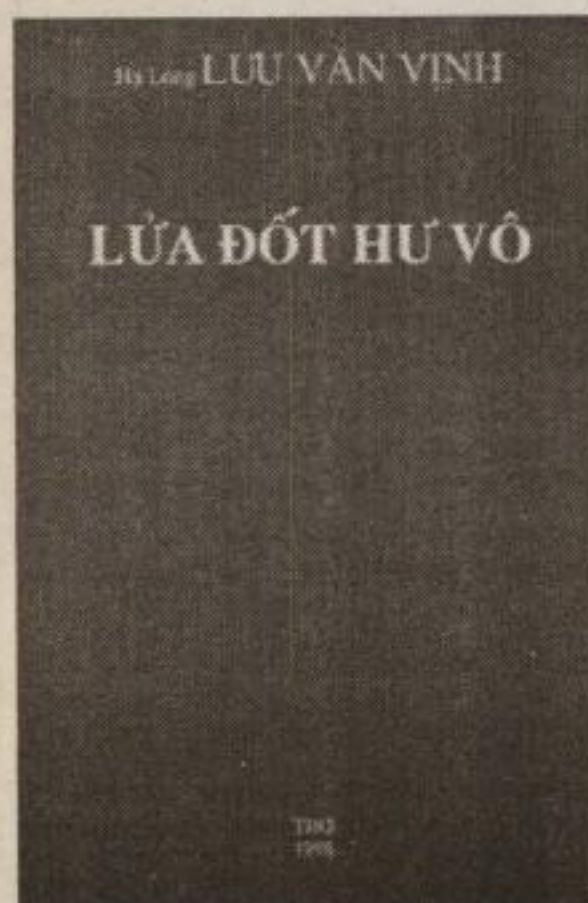
—Cụ LÊ HỮU ĐẰN. Ông Võ Thắng Tiết có trao cho tôi cuốn sách cụ gửi tặng. Đã chụp hình cái bìa để giới thiệu trên Khởi Hành, không biết có kịp đi trong số này không. Chúng tôi chỉ có thể giới thiệu cuốn sách, còn hai trang quảng cáo cụ đưa, không đăng được. (Giá một trang quảng cáo của Khởi Hành là 150 mỹ kim) Tuy nhiên không phải vì vấn đề giá cả đâu. Một sự nữ có đề nghị trả Khởi Hành 1.000 mỹ kim cho 2 trang, chúng tôi đã phải từ chối. Khởi Hành là báo Văn học Nghệ thuật, nên không muốn đi sâu vào các lãnh vực khác, đó là lý do chính. Trân trọng cảm ơn cụ.

—Chị THU NHI - Đã nhận được bài chị viết về Anh Nguyễn Vỹ. Sẽ làm số đặc biệt về Nguyễn Vỹ. Tôi cũng có nhiều kỷ niệm với anh. Chúc chị khỏe.

—Anh HOÀNG LỘC - (TN) Đi về Miền Trung Tây sao? Cảm ơn những gì đã gửi.

—Anh DIỄN NGHỊ - NHẬT THỊNH - LÊ NGUYỄN. Tôi đã được tài liệu các anh gửi cho. Bài thơ anh Diễn Nghị đăng trong số này. Tôi đồng ý với bài thơ ấy.

SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC



MỘT NƠI CHUYÊN NGHIỆP-UY TÍN VỀ LÀM ĐẸP CHO CẢ PHÁI NỮ & NAM

AC COSMETIC SURGERY MEDICAL CENTER

Nếu Bạn Muốn Có:

- MỘT ĐÔI MẮT ĐẸP
- MỘT NÉT MŨI THANH
- MỘT CHIẾC CẪM XINH
- HAI BỜ MÔI QUYẾN RŨ
- MỘT BỘ NGỰC HẤP DẪN
- MỘT LÀN DA TƯƠI TRẺ
- MỘT CHIẾC BỤNG THON
- MỘT THÂN HÌNH LÝ TƯỞNG
- SỬA CÁC TẬT BẨM SINH..
- DÂY XÂM THẨM MỸ

Tất cả sẽ được như ý khi
đến với **AC Medical Center**

GIẢI PHẪU TỔNG QUÁT

Có Bác sĩ chuyên môn
Giải Phẫu chữa bệnh Trĩ,
Mạch Lươn, Cột ống dẫn
tinh, Cắt da qui đầu, cắt
bướu sữa các vết sẹo. Giải
Phẫu không đau, có kỹ
thuật gây mê an toàn. Có
thể ra về trong ngày.

Xin liên lạc cô Xuân Uyên
để được giải đáp thỏa đáng

 **(714) 848-9889**

Toll Free 1-888-842-6691

Pager: (714) 218-1561

17672 Beach Blvd., Suite A&B
Huntington Beach, CA 92647
(Giữa Slater & Talbert)

BÁC SĨ NGUYỄN DUY CUNG, M.D.

- Hội viên thực thụ Hàn Lâm Viện Giải Phẫu Thẩm Mỹ Hoa Kỳ
- Bác sĩ tham vấn Hội Giải Phẫu Thẩm Mỹ Quốc Tế (ISPARS)
- Giáo sư Danh Dự Hội Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tây Ban Nha (SECE).
- Nguyên Giáo Sư Giải Phẫu Đại Học Y Khoa Sài Gòn.

**GIẢI PHẪU THẨM MỸ TẠI TRUNG TÂM - MÁY MÓC
TỐI TÂN - GÂY Mê AN TOÀN**

Medical Board Permit number: FNP 25036



Phát Hành Trong Tháng 5, 1998

*Video Ca Vũ Nhạc Đặc Biệt Diễn Tả Một Khía Cảnh Quan Trọng Của Đời Sống Hàng Ngày: **Tiền Bạc***

TIỀN BẠC LÀ PHƯƠNG TIỆN HAY CỨU CÁCH CỦA CUỘC ĐỜI???

PARIS BY NIGHT 44

Chủ đề: **TIỀN**

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Chúng ta có thể **CHÁN** đàn bà, **CHÁN** đàn ông, nhưng không ai có thể **CHÁN "TIỀN BẠC"**, do đó xem **VIDEO PARIS BY NIGHT 44** sẽ không bao giờ **CHÁN**.

với sự góp mặt đặc biệt:

Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Phương Vy, Bảo Ngọc, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don Hồ, Thế Sơn, Kiều Hưng, Tuấn Ngọc, Elvis Phương, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night

Giá
\$28
1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGÀ**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU:

44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30

ÚC:

323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia. Tel: (02) 796-7227

MỜI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện đặc sắc nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- Món quà cuối năm (Audio Book 40) - Ngày trở lại (Audio Book 41)
- Thời vận (Audio Book 42) - Bên hành lang tòa án (Audio Book 43)



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

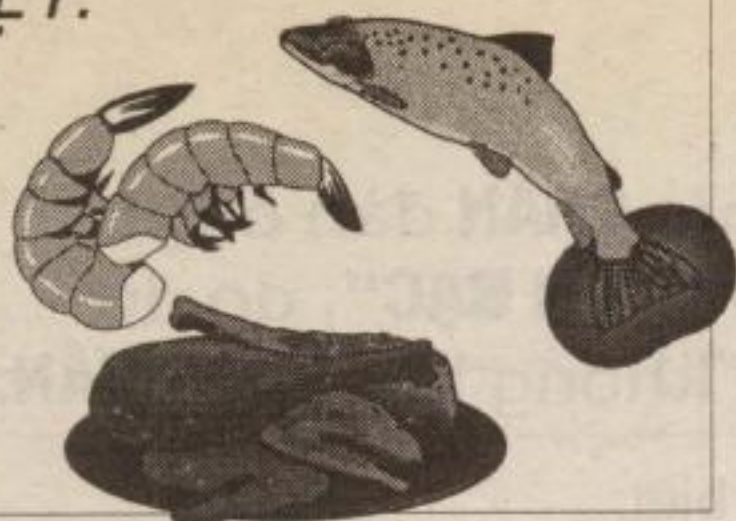
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỒNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



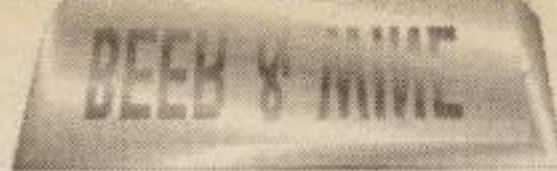
VISA

MasterCard

ATM



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

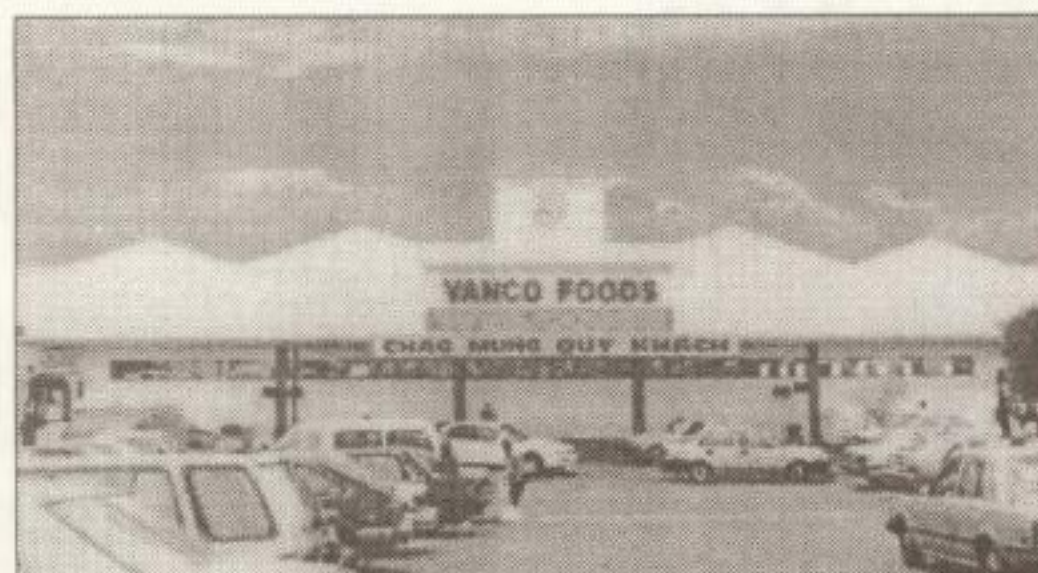
808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

Khởi Hành
TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

Khởi Hành số 19 Tháng Năm 1998 ■ Giá 3.50 Mỹ Kim

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM